

TỜ TRÌNH

**Dự thảo Nghị quyết thông qua nội dung các đồ án Quy hoạch
xây dựng vùng liên huyện (liên xã), tỉnh Bắc Kạn**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 16 tháng 7 năm 2020; Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng. Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết thông qua nội dung các đồ án Quy hoạch xây dựng vùng liên huyện (liên xã), tỉnh Bắc Kạn, với các nội dung sau:

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Căn cứ pháp lý ban hành Nghị quyết

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 16 tháng 7 năm 2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

2. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

* Theo quy định tại khoản 6 và khoản 9, Điều 28 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018:

"6. Sửa đổi, bổ sung Mục 2 Chương II như sau:

...1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện thuộc đơn vị hành chính do mình quản lý".

"9. Sửa đổi, bổ sung Điều 34 như sau: ... 4. Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức lập quy hoạch xây dựng có trách nhiệm trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định trước khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, phê duyệt".

Do vậy, việc Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết thông qua các đề án Quy hoạch xây dựng vùng liên huyện (liên xã), tỉnh Bắc Kạn là cần thiết và đúng theo quy định.

* Lý do đề xuất tiếp tục cho thực hiện các thủ tục trình phê duyệt các đề án Quy hoạch xây dựng vùng liên huyện (liên xã), tỉnh Bắc Kạn:

+ Ngày 13/5/2025, Bộ Xây dựng tổ chức Hội nghị tháo gỡ khó khăn trong công tác quy hoạch khi thực hiện chính quyền 02 cấp; đồng thời, xin ý kiến điều chỉnh Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn. Trên cơ sở nội dung thảo luận tại Hội nghị, cơ quan chuyên môn (Sở Xây dựng) đã có Văn bản xin ý kiến hướng dẫn của Bộ Xây dựng và được Bộ Xây dựng cho ý kiến tại Văn bản số 3826/BXD-QHKT ngày 22/5/2025. Theo đó Bộ Xây dựng đã hướng dẫn: "... Căn cứ tình hình thực tế điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đề nghị Sở Xây dựng tỉnh Bắc Kạn nghiên cứu các văn bản trên, **tham mưu UBND tỉnh Bắc Kạn** rà soát kỹ để **xem xét, quyết định** việc thực hiện lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng (đặc biệt là các quy hoạch vùng liên huyện như theo báo cáo của Sở Xây dựng tại văn bản trên), các quy chế quản lý kiến trúc trên địa bàn tỉnh bảo đảm phù hợp với đề án sáp nhập, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và không làm gián đoạn công tác quản lý, đầu tư và phát triển kinh tế - xã hội; khi triển khai lập, thẩm định và phê duyệt các quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị trên địa bàn phải đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, tránh thất thoát lãng phí." Đồng thời, nội dung quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, tỉnh Bắc Kạn đã bám sát vào nội dung phân vùng trong Quy hoạch tỉnh và đã phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành về quy hoạch xây dựng theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng tại Văn bản nêu trên.

+ Hiện nay, Chính phủ đang dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2025, trong đó khoản 7, Điều 28 có quy định: "**Trong thời hạn 05 năm kể từ ngày Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn có hiệu lực (01/7/2025), Quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện đã được phê duyệt, còn hiệu lực, nếu đáp ứng điều kiện điều chỉnh cục bộ quy hoạch thì thực hiện điều chỉnh cục bộ quy hoạch theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn,...**". Như vậy, trường hợp Nghị định này được ban hành và Quy hoạch này được phê duyệt sẽ có hiệu lực 05 năm và được điều chỉnh cục bộ khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định.

+ Mặt khác, sau khi rà soát, nhận thấy để có cơ sở thực hiện các dự án phân kỳ đầu tư đến năm 2030 theo Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 872/QĐ-TTg ngày 19/8/2024, đặc biệt là các dự án kết cấu hạ tầng giao thông, lĩnh vực cấp điện, năng lượng, lĩnh vực cấp nước,... đảm bảo đồng bộ, hiện đại, liên thông, thúc đẩy liên kết cần thiết có quy hoạch vùng liên huyện (liên xã) được phê duyệt làm cơ sở triển khai thực hiện các dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật khung của liên xã (như giao thông, thủy lợi, cấp điện, cấp nước, thu gom và xử lý rác thải, nghĩa trang, các khu chức năng,...) để phát triển kinh tế xã hội. Hiện nay, Chủ đầu tư đã giải ngân đạt trên 80% giá trị tư vấn lập các đề án quy hoạch.

+ Trên cơ sở nội dung tham mưu của cơ quan chuyên môn (Sở Xây dựng), Ủy ban nhân dân tỉnh đã báo cáo, tham mưu cho Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Công văn số 328-CV/ĐU ngày 28/5/2025 báo cáo xin ý kiến về nội dung đồ án Quy hoạch xây dựng vùng liên huyện (liên xã), tỉnh Bắc Kạn và được Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho ý kiến tại Thông báo số 1930-TB/TU ngày 02/6/2025 về việc thông báo nội dung Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy lần thứ 92 (khóa XII), nhiệm kỳ 2020- 2025. Theo đó, Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo tiếp thu ý kiến góp ý để hoàn thiện đồ án và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để tổ chức thực hiện.

II. NỘI DUNG QUY HOẠCH

A. Nội dung đồ án Quy hoạch xây dựng vùng liên huyện (liên xã) Chợ Mới, Bạch Thông và kết nối liên vùng (kết nối liên xã) Chợ Mới, thành phố Bắc Kạn, Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2022 đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050

1. Phạm vi lập quy hoạch

Vùng liên huyện (kết nối liên xã) Chợ Mới, Bạch Thông ở vùng trung tâm động lực của tỉnh Bắc Kạn; thuộc địa giới hành chính 02 huyện (liên xã) Chợ Mới, Bạch Thông.

2. Quy mô lập quy hoạch

Vùng liên huyện (kết nối liên xã) Chợ Mới, Bạch Thông và thành phố Bắc Kạn (sau sáp nhập gồm 10 xã: Tân Kỳ, Thanh Mai, Thanh Thịnh, Chợ Mới, Yên Bình, Phú Thông, Cẩm Giàng, Bạch Thông (trừ xã Đồng Thắng hiện nay), Vĩnh Thông, Phong Quang và 02 phường: Bắc Kạn, Đức Xuân), có tổng diện tích khoảng 129.025 ha. Dân số hiện trạng là 119.502 người, dự báo đến năm 2030 khoảng 142.300 người và đến năm 2050 khoảng 205.400 người.

3. Định hướng phát triển không gian vùng liên huyện (kết nối liên xã)

3.1. Kết nối về hạ tầng giao thông

Có 06 tuyến giao thông kết nối; bao gồm, 04 tuyến trục ngang theo hướng Đông - Tây và 02 tuyến trục dọc theo hướng Bắc - Nam. Cụ thể:

- Bốn tuyến trục ngang theo hướng Đông - Tây, gồm: (1) Tuyến Quốc lộ 3B; (2) Tuyến Đường tỉnh 256; (3) Tuyến Đường tỉnh 259; (4) Đường tỉnh 259B.

- Hai tuyến trục dọc theo hướng Bắc - Nam, gồm: (1) Cao Tốc Thái Nguyên - Chợ Mới - Bắc Kạn (Cao tốc CT-07); (2) Tuyến Quốc lộ 3.

3.2. Kết nối về không gian phát triển

- Các khu phát triển dân cư tập trung: Phát triển 04 khu trên cơ sở thị trấn Đồng Tâm (trung tâm xã Chợ Mới sau sáp nhập), thành Phố Bắc Kạn (phường Đức Xuân, phường Bắc Kạn sau sáp nhập), thị trấn Phú Thông (trung tâm xã Phú Thông sau sáp nhập), khu dân cư tập trung Sáu Hai (trung tâm xã Thanh Thịnh sau sáp nhập) đáp ứng các chỉ tiêu theo tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

- Không gian động lực phát triển vùng bao gồm: Các khu, cụm công nghiệp trong vùng; phường Bắc Kạn, phường Đức Xuân là đô thị trung tâm của vùng; các dự án về hạ tầng, du lịch, Khu bảo tồn thiên nhiên Kim Hỷ và khu du lịch hồ Nặm Cắt.

- Hành lang kinh tế: Hành lang kinh tế gắn với tuyến cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên - Bắc Kạn - Cao Bằng (Cao tốc CT-07) và tuyến Quốc lộ 3; Hành lang kinh tế gắn với trục liên kết Đông Tây Quốc lộ 3B.

- Cực tăng trưởng: Cực tăng trưởng về công nghiệp - đô thị - du lịch; đầu mối kết nối về giao thông.

3.3. Định hướng phát triển công nghiệp: Quy hoạch mở rộng KCN Thanh Bình. Quy hoạch các KCN mới gồm: Chợ Mới 1, Chợ Mới 2, Chợ Mới 3, Chợ Mới 4, Chợ Mới 5, Bạch Thông với tổng diện tích khoảng 2.157 ha. Quy hoạch 06 cụm công nghiệp trên địa bàn huyện Chợ Mới, với tổng diện tích khoảng 269,4ha và 03 cụm công nghiệp trên địa bàn huyện Bạch Thông, với tổng diện tích khoảng 78ha.

3.4. Định hướng phát triển dịch vụ thương mại: Phát triển hệ thống chợ, siêu thị, trung tâm thương mại tại các khu dân cư tập trung. Nâng cấp các chợ đầu mối, chợ trung tâm các xã.

3.5. Phân bố vùng nông, lâm nghiệp, thủy sản: Phát triển nông lâm ngư nghiệp theo hướng hiệu quả, bao gồm nông nghiệp truyền thống - đặc sản tại các khu vực có địa hình phức tạp và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo hướng hàng hóa, gắn với chế biến tại các khu vực thuận lợi.

3.6. Phân bố vùng phát triển du lịch: Hình thành 03 tuyến du lịch, kết nối du lịch, gồm: (1) Tuyến Chợ Mới - thành phố Bắc Kạn - Phủ Thông - Nà Phặc - đi Cao Bằng; (2) Tuyến du lịch theo đường cao tốc từ Hà Nội - Chợ Mới - Bắc Kạn - Cao Bằng; (3) Tuyến thành phố Bắc Kạn - Phủ Thông - Chợ Rã - Hồ Ba Bể - Bằng Lũng - thành phố Bắc Kạn. Phát triển tiềm năng văn hóa du lịch vùng liên xã giữa thành phố Bắc Kạn, huyện Chợ Mới và huyện Bạch Thông và phát triển du lịch có sự liên kết chặt chẽ giữa các điểm đến du lịch như: ATK Định Hóa; ATK Chợ Đồn; hồ Ba Bể; hồ Nặm Cắt hình thành các cung đường và chuỗi điểm đến du lịch... khai thác triệt để các tiềm năng lợi thế về điều kiện tự nhiên nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của vùng.

3.7. Phân bố hệ thống dịch vụ hạ tầng xã hội: Xây dựng các khu trung tâm hành chính xã mới trên cơ sở sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã theo chủ trương. Tập trung xây dựng và hoàn thiện các công trình văn hóa, thể thao đáp ứng nhu cầu sáng tạo, hưởng thụ văn hóa, thể thao của nhân dân. Hoàn thiện, nâng cấp, mở rộng quy mô hạ tầng cơ sở các trường học theo quy chuẩn quốc gia, phù hợp với mục tiêu, yêu cầu giáo dục toàn diện. Xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo các Trung tâm y tế, trạm y tế xã mới đáp ứng tiêu chuẩn ngành, đảm bảo nhu cầu khám chữa bệnh cho người dân.

4. Định hướng giao thông

4.1. Đường bộ

- *Cao tốc*: Cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên - Bắc Kạn - Cao Bằng, quy mô 4-6 làn xe. Chiều dài tuyến khoảng 64,12km.

- *Quốc lộ*:

+ Quốc lộ 3 cải tạo tuyến hiện hữu và nâng cấp đạt cấp III-IV.MN quy mô 2 - 4 làn xe. Chiều dài tuyến khoảng 59,48km.

+ Quốc lộ 3B nâng cấp đạt quy mô tối thiểu cấp III-IV miền núi, 2- 4 làn xe. Chiều dài tuyến khoảng 14,20km.

- *Đường tỉnh*:

+ Nâng cấp các tuyến đường tỉnh ĐT.256, ĐT259, ĐT259B đạt quy mô tối thiểu cấp V.MN. Chiều dài tuyến khoảng 69,90km.

+ Nâng cấp, cải tạo tuyến đường ĐT.253B, ĐT.258 đạt tối thiểu cấp V-MN. Chiều dài tuyến khoảng 32,20km.

+ Xây dựng tuyến đường tỉnh trên cơ sở nâng cấp 02 tuyến đường huyện: Tuyến ĐH.72 (Thanh Vân - Cao Kỳ) và tuyến ĐH.78 (Cao Kỳ - Yên Cư) đảm bảo tối thiểu cấp V.MN. Chiều dài tuyến khoảng 24,40km.

+ Nâng cấp tuyến đường huyện ĐH.77 (Nông Hạ - Yên Hân) kết nối với tuyến ĐT.259 hiện tại thành tuyến đường tỉnh 259 hoàn chỉnh kéo dài đến ĐT.256 quy mô đảm bảo tối thiểu cấp V.MN. Chiều dài tuyến khoảng 16,30km.

+ Quy hoạch tuyến đường trục Đông Tây kết nối từ Hà Giang – Tuyên Quang - Bắc Kạn - Lạng Sơn. Định hướng giai đoạn 2021-2030 đầu tư tuyến đường đạt tối thiểu cấp III, quy mô tối thiểu 2 làn xe cơ giới, tuyến đường tương đương cấp đường tỉnh. Chiều dài tuyến khoảng 26,50km.

+ Xây dựng tuyến đường Bắc Kạn - Ba Bể đạt quy mô cấp III kết nối từ thành phố Bắc Kạn qua huyện Bạch Thông đi khu du lịch Ba Bể tạo động lực phát triển du lịch hồ Ba Bể. Chiều dài tuyến khoảng 17,30km.

+ Xây dựng tuyến tránh thành phố Bắc Kạn đạt quy mô tối thiểu đường cấp IV-V.MN. Kết nối từ huyện Chợ Mới - thành phố Bắc Kạn - huyện Bạch Thông. Chiều dài tuyến khoảng 16,60km.

+ Xây dựng mới tuyến Thanh Vân - Xuất Hóa đạt quy mô tối thiểu đường cấp V.MN. Kết nối với tuyến vành đai phía Bắc thành phố Bắc Kạn. Chiều dài tuyến khoảng 10,50km.

- *Đường huyện (đường liên xã)*

Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường hiện hữu và quy hoạch mới các tuyến đường kết nối các xã, khu dân cư, khu chức năng trong vùng đạt tối thiểu GTNT loại B.

- *Đường đô thị*: Tuân thủ theo quy hoạch chung các đô thị được phê duyệt.

4.2. Đường thủy: Duy tu, nạo vét các tuyến đã đưa vào quản lý; lắp đặt phao tiêu, biển báo đảm bảo ATGT đường thủy. Nâng cấp cải tạo đạt cấp hạng kỹ thuật tối thiểu là cấp V.

4.3. Bến xe: Xây dựng 01 bãi đỗ xe tập trung tại thị trấn Đồng Tâm (trung tâm xã Chợ Mới sau sáp nhập); 01 bãi đỗ xe tập trung tại thị trấn Phú Thông (trung tâm xã Phú Thông sau sáp nhập) đạt tiêu chuẩn bến xe loại III. Diện tích lấy theo Quy hoạch xây dựng đô thị được phê duyệt. Triển khai các tuyến xe khách từ trung tâm các xã đi các vùng xung quanh đảm bảo vận chuyển hàng hóa và hành khách.

4.4. Đường sắt: Quy hoạch tuyến đường sắt từ Thái Nguyên đến Bắc Kạn (Quán Triều - Chợ Mới) vào Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2031-2050, để tối ưu hóa cho việc vận chuyển hàng hóa, sản phẩm công nghiệp từ tỉnh Bắc Kạn đến các với các trung tâm kinh tế lớn trong vùng như Thái Nguyên, Hà Nội, Hải Phòng.

4.5. Sân bay: Nghiên cứu, xây dựng sân bay Quân Bình theo nhu cầu khai thác, sử dụng bảo đảm phù hợp Quy hoạch và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc.

4.6. Trung tâm Logistics: Xây dựng 03 công trình Logistics trên địa bàn huyện Chợ Mới, huyện Bạch Thông và thành phố Bắc Kạn. Vị trí và quy mô diện tích tuân thủ theo quy hoạch được phê duyệt

B. Nội dung đồ án Quy hoạch xây dựng vùng liên huyện (liên xã) Chợ Đồn, Ba Bể, Pác Nặm và kết nối liên vùng (kết nối liên xã) Chợ Đồn, Ba Bể, Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2022 đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050

1. Phạm vi lập quy hoạch

Vùng liên huyện (kết nối liên xã) Chợ Đồn, Ba Bể, Pác Nặm nằm ở vị trí phía Tây của tỉnh Bắc Kạn; thuộc địa giới hành chính 03 huyện (liên xã) Chợ Đồn, Ba Bể, Pác Nặm.

2. Quy mô lập quy hoạch

Vùng liên huyện (kết nối liên xã) Chợ Đồn, Ba Bể và Pác Nặm (sau sáp nhập gồm 14 xã: Bằng Thành, Nghiên Loan, Cao Minh, Thượng Minh, Phúc Lộc, Chợ Rã, Ba Bể, Đồng Phúc, Nam Cường, Quảng Bạch, Yên Thịnh, Chợ Đồn, Yên Phong, Nghĩa Tá, một phần xã Đồng Phúc (xã Bằng Phúc hiện nay) và một phần xã Bạch Thông (xã Đồng Thắng hiện nay)) có tổng diện tích khoảng 207.022ha. Dân số hiện trạng là 135.715 người, dự báo đến năm 2030 khoảng 145.700 người và đến năm 2050 khoảng 177.000 người.

3. Định hướng phát triển không gian vùng liên huyện (kết nối liên xã)

3.1. Kết nối về hạ tầng giao thông

Có 08 tuyến giao thông kết nối, bao gồm 06 tuyến trục ngang theo hướng Đông - Tây và 02 tuyến trục dọc theo hướng Bắc - Nam. Cụ thể:

- Sáu tuyến trục ngang theo hướng Đông - Tây, gồm: (1) Tuyến Quốc lộ 3B; (2) Tuyến Thanh Mai - Linh Vận kết nối với ĐT.259B về phía Đông; kết nối với tỉnh Tuyên Quang tại ĐT.195 về phía Tây; (3) Tuyến Quốc lộ 279; (4) Tuyến Bắc Kạn - Ba Bể; (5) Tuyến kết nối trực tiếp Vườn quốc gia Ba Bể với

Vườn quốc gia Phja Oắc. Điểm đầu tại QL279, điểm cuối kết nối với ĐT.253 Cao Bằng; (6) Quy hoạch mới trục giao thông kết nối về phía Đông tại ĐT. 252 (một phần đi qua địa phận Cao Bằng). Phía Tây kết nối với đường Đà Vị - Hồng Thái, Tuyên Quang.

- Hai tuyến trục dọc theo hướng Bắc - Nam, gồm: (1) Tuyến Quốc lộ 3C (gồm tuyến hiện hữu và nâng cấp từ ĐT 254, ĐT 258); (2) gồm các tuyến ĐT.254B, ĐT 257B và tuyến Chợ Rã - Ba Bể quy hoạch mới (điểm đầu tuyến tại QL279 Chợ Rã, điểm cuối tại quốc lộ 3C Bộc Bó).

3.2. Kết nối về không gian phát triển

- Các khu phát triển dân cư tập trung: Phát triển 04 khu trên cơ sở thị trấn Bằng Lũng (trung tâm xã Chợ Đồn sau sáp nhập), thị trấn Chợ Rã (trung tâm xã Chợ Rã sau sáp nhập), trung tâm xã Bộc Bó (trung tâm xã Bằng Thành sau sáp nhập), xã Khang Ninh (trung tâm xã Ba Bể sau sáp nhập) đáp ứng các chỉ tiêu theo tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

- Không gian động lực phát triển vùng bao gồm: Vườn quốc gia Ba Bể, Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Nam Xuân Lạc, Vùng bảo vệ di tích ATK Chợ Đồn và không gian lễ hội truyền thống Mù Là.

- Hành lang kinh tế: Hành lang kinh tế gắn với Quốc lộ 3C.

- Hành lang liên kết vùng: 03 hành lang liên kết vùng gồm: Tuyến Bắc Kạn - hồ Ba Bể, kết nối sang Na Hang, Tuyên Quang; tuyến Quốc lộ 279; tuyến Quốc lộ 3B.

- Cực tăng trưởng: Cực tăng trưởng về công nghiệp - đô thị - du lịch phía Tây huyện Chợ Đồn; cực tăng trưởng du lịch tại khu vực hồ Ba Bể.

3.3. Định hướng phát triển công nghiệp: Đầu tư xây dựng và phát triển 02 cụm công nghiệp với tổng diện tích 38ha; Quy hoạch mới 07 cụm công nghiệp với tổng diện tích 140ha.

3.4. Định hướng phát triển dịch vụ thương mại: Phát triển hệ thống chợ, siêu thị, trung tâm thương mại tại các khu dân cư tập trung. Nâng cấp các chợ đầu mối, chợ trung tâm các xã.

3.5. Phân bố vùng nông, lâm nghiệp, thủy sản: Phát triển nông lâm ngư nghiệp theo hướng hiệu quả, bao gồm nông nghiệp truyền thống - đặc sản tại các khu vực có địa hình phức tạp và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo hướng hàng hóa, gắn với chế biến tại các khu vực thuận lợi

3.6. Phân bố vùng phát triển du lịch

- Khu vực hồ Ba Bể: Du lịch sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng, tìm hiểu văn hóa dân tộc... Đây được coi là trọng điểm cần ưu tiên phát triển nhất làm động lực thúc đẩy phát triển du lịch của cả tỉnh.

- Khu vực khu ATK Chợ Đồn: gồm các điểm tham quan di tích lịch sử: Nà Pẩu, Khau Mạ, Khuổi Linh, Bản Ca, Nà Quân,....

- Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Nam Xuân Lạc: Phát triển hình thức du lịch Safari tại những nơi có điều kiện kết hợp bảo tồn, du lịch sinh thái... .

- Ngoài ra còn các điểm du lịch nhỏ nằm ngoài các khu du lịch trên nhằm khai thác triệt để các tiềm năng lợi thế về điều kiện tự nhiên nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của vùng.

3.7. Phân bổ hệ thống dịch vụ hạ tầng xã hội: Xây dựng các khu trung tâm hành chính xã mới trên cơ sở sắp xếp đơn vị hành chính cấp cấp xã theo chủ trương. Tập trung xây dựng và hoàn thiện các công trình văn hóa, thể thao đáp ứng nhu cầu sáng tạo, hưởng thụ văn hóa, thể thao của nhân dân. Hoàn thiện, nâng cấp, mở rộng quy mô hạ tầng cơ sở các trường học theo quy chuẩn quốc gia, phù hợp với mục tiêu, yêu cầu giáo dục toàn diện. Xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo các Trung tâm y tế, trạm y tế xã mới đáp ứng tiêu chuẩn ngành, đảm bảo nhu cầu khám chữa bệnh cho người dân.

4. Định hướng giao thông

4.1. Đường bộ

- **Cao tốc:** Tuyến cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên - Bắc Kạn - Cao Bằng (cao tốc CT- 07) quy mô 4-6 làn xe. Chiều dài tuyến khoảng 5,72km.

- **Quốc lộ:**

+ Quốc lộ 279 định hướng quy mô tối thiểu đường cấp III-IV, 2-4 làn xe. Chiều dài tuyến khoảng 55,35km.

+ Quốc lộ 3B nâng cấp đạt quy mô tối thiểu cấp III-IV miền núi, 2- 4 làn xe. Chiều dài tuyến khoảng 41km.

+ Quốc lộ 3C: Cải tạo tuyến hiện hữu và nâng cấp từ đường tỉnh 254, đường tỉnh 258 quy mô tối thiểu đường cấp IV, 2 làn xe. Chiều dài tuyến khoảng 136,02km.

- **Đường tỉnh:**

+ Đường thành phố Bắc Kạn - Ba Bể quy mô tối thiểu đường cấp III-IV-MN, 2 làn xe. Chiều dài tuyến khoảng 26,6km.

+ Đường tỉnh 253 nâng cấp đạt quy mô tối thiểu cấp IV-MN, 2 làn xe. Chiều dài tuyến khoảng 25,2km.

+ Đường tỉnh 254B quy mô tối thiểu đường cấp V-MN. Chiều dài tuyến khoảng 23km.

+ Đường tỉnh 257B nâng cấp cải tạo toàn tuyến đạt quy mô tối thiểu đường cấp V-MN. Chiều dài tuyến khoảng 54km.

+ Đường tỉnh 257C nâng cấp cải tạo toàn tuyến đạt quy mô tối thiểu đường cấp V-MN. Chiều dài tuyến khoảng 21km.

+ Đường tỉnh 259B nâng cấp cải tạo đạt quy mô tối thiểu đường cấp V-MN. Chiều dài tuyến khoảng 10,5km.

+ Đường tỉnh 258 điều chỉnh, nâng cấp quy mô tối thiểu đường cấp IV-MN, 2 làn xe. Chiều dài tuyến khoảng 24,43km.

+ Đường tỉnh 258B điều chỉnh, nâng cấp quy mô tối thiểu đường cấp V-MN. Chiều dài tuyến khoảng 41,8km.

+ Quy hoạch tuyến Quảng Khê - Khang Ninh: Điểm đầu tại tuyến đường Bắc Kạn - Ba Bể xã Quảng Khê, điểm cuối tại QL3C xã Khang Ninh. Quy mô tối thiểu đường cấp VI-MN. Chiều dài tuyến khoảng 20km.

+ Quy hoạch mới tuyến Công Bằng - Yên Thổ (huyện Bảo Lâm, tỉnh Tuyên Quang): Điểm đầu tại đường tỉnh 258B kéo dài, điểm cuối tại xã Yên Thổ huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng. Chiều dài tuyến khoảng 11,1km, quy mô tối thiểu đường cấp V-MN.

+ Quy hoạch mới tuyến đường tỉnh Yên Thịnh - Bản Thi - Quảng Bạch. Điểm đầu tại Quốc lộ 3C xã Quảng Bạch, điểm cuối xã Bình Phú huyện Chiêm Hóa tỉnh Tuyên Quang. Chiều dài tuyến khoảng 16,14km.

+ Quy hoạch mới tuyến Khang Ninh - Chợ Rã - Bộc Bó. quy mô cấp IV-III MN. Chiều dài tuyến khoảng 40km.

- *Đường huyện (đường liên xã).*

Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường hiện hữu và quy hoạch mới các tuyến đường kết nối các xã, khu dân cư, khu chức năng trong vùng đạt tối thiểu GTNT loại B. Các tuyến thực hiện cụ thể theo quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị được phê duyệt.

4.2. Đường thủy

- Luồng tuyến: Duy tu, nạo vét các tuyến đã đưa vào quản lý; lắp đặt phao tiêu, biển báo đảm bảo ATGT đường thủy. Nâng cấp cải tạo đạt cấp hạng kỹ thuật tối thiểu là cấp V.

- Bến thủy nội địa: Quy hoạch 07 bến thủy nội địa trong khu vực quy hoạch vận tải hành khách phục vụ phát triển du lịch trong đó: bến Bờ Bắc, bến Bờ Nam, bến Thác Đầu Đẳng, bến Cao Thượng, bến Bản Vải, bến xuồng Buốc Lôm, bến Pác Co.

4.3. Bến xe

Hoàn thiện đầu tư xây dựng và nâng cấp 03 bến xe trong vùng đạt tiêu chuẩn bến xe loại IV và III, cụ thể: Bến xe Ba Bể và bến xe Chợ Đồn đạt tiêu chuẩn loại III; bến xe Pác Nặm đạt tiêu chuẩn loại IV. Diện tích lấy theo Quy hoạch xây dựng đô thị được phê duyệt. Triển khai các tuyến xe khách từ trung tâm các xã đi các vùng xung quanh đảm bảo vận chuyển hàng hóa và hành khách.

C. Nội dung đồ án Quy hoạch xây dựng vùng liên huyện (liên xã) Na Rì, Ngân Sơn và kết nối liên vùng (kết nối liên xã) Na Rì, Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2022 đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050

1. Phạm vi lập quy hoạch

Vùng liên huyện (kết nối liên xã) Na Rì, Ngân Sơn bao gồm địa giới hành chính của huyện (liên xã) Na Rì, Ngân Sơn.

2. Quy mô lập quy hoạch

Vùng liên huyện (kết nối liên xã) Na Rì, Ngân Sơn (sau sáp nhập gồm 11 xã: Bằng Vân, Ngân Sơn, Nà Phặc, Hiệp Lực, Thượng Quan, Văn Lang, Cường Lợi, Na Rì, Trần Phú, Côn Minh, Xuân Dương) có tổng diện tích khoảng 149.351,70ha. Dân số hiện trạng là 70.224 người; dự báo dân số năm 2030 khoảng 75.000 người, dân số năm 2050 khoảng 92.000 người.

3. Định hướng phát triển không gian vùng liên huyện (kết nối liên xã)

3.1. Kết nối về hạ tầng giao thông

Có 10 tuyến giao thông kết nối chính, bao gồm 06 tuyến trục ngang theo hướng Đông - Tây và 04 tuyến trục dọc theo hướng Bắc - Nam. Cụ thể:

- Sáu tuyến trục ngang theo hướng Đông - Tây, gồm: Tuyến QL.3 kết nối QL.34B đi Cao Bằng; tuyến ĐT.251 kết nối tuyến quy hoạch Thượng Ân – Cao Bằng; tuyến quy hoạch Trục Đông Tây; tuyến quy hoạch Nà Phặc – Thượng Quan – Thuần Mang - Văn Vũ – Cường Lợi; tuyến QL.3B kết nối tuyến quy hoạch Sơn Thành, Cư Lễ đi Lạng Sơn; tuyến QL.3B kết nối tuyến quy hoạch Kim Lư đi Lạng Sơn.

- Bốn tuyến trục dọc theo hướng Bắc - Nam, gồm: Tuyến ĐT.252B kết nối QL.279 đi Lạng Sơn; tuyến QL.279 kết ĐT.253B, ĐT.256B và tuyến Đồng Xá – Chợ Mới; tuyến QL.3B kết nối ĐT.256; tuyến quy hoạch kết nối Đức Vân, Thượng Quan, Văn Vũ, Văn Lang, Côn Minh (sau sáp nhập kết nối các xã: Bằng Vân, Thượng Quan, Văn Lang, Côn Minh).

3.2. Kết nối về không gian phát triển

- Các khu phát triển dân cư tập trung: Phát triển 05 khu trên cơ sở thị trấn Nà Phặc (trung tâm xã Nà Phặc sau sáp nhập), thị trấn Vân Tùng (trung tâm xã Ngân Sơn sau sáp nhập), xã Bằng Vân (trung tâm xã Bằng Vân sau sáp nhập), thị trấn Yên Lạc (trung tâm xã Na Rì sau sáp nhập), xã Trần Phú (trung tâm xã Trần Phú sau sáp nhập). Hình thành chuỗi khu phát triển dân cư tập trung kết nối với thị trấn Phú Thông (trung tâm xã Phú Thông sau sáp nhập) và thành phố Bắc Kạn (phường Đức Xuân, phường Bắc Kạn sau sáp nhập).

- Không gian động lực phát triển vùng bao gồm: 05 trục động lực phát triển, cụ thể: (1) Trục cao tốc CT.07: Tuyến phát triển, thúc đẩy kết nối ngoại vùng; (2) Trục động lực QL.3: Tuyến phát triển tạo hành lang kinh tế phía Bắc; (3) Trục động lực QL.3B: Tuyến phát triển hành lang kinh tế phía Đông; (4) Trục phát triển Đông Tây QL.279, QL.34B, trục Đông Tây (theo QH tỉnh)...: Hành lang kết nối theo trục Đông Tây, phát triển du lịch là trọng tâm; (5) Trục kết nối phát triển (theo các trục định hướng quy hoạch mới): Hành lang phát triển theo trục Bắc Nam, kết nối phát triển KT-XH các vùng.

- Hình thành 02 vùng động lực phát triển: Vùng dự trữ thiên nhiên Kim Hỷ và Khu vực hồ Bản Chang.

3.3. Định hướng phát triển công nghiệp: Đầu tư xây dựng và phát triển CCN Vằng Mười quy mô khoảng 15ha; quy hoạch 04 cụm công nghiệp với tổng diện tích 60ha.

3.4. Định hướng phát triển dịch vụ thương mại: Phát triển hệ thống chợ, siêu thị, trung tâm thương mại tại các khu dân cư tập trung. Nâng cấp các chợ đầu mối, chợ trung tâm các xã.

3.5. Phân bố vùng nông, lâm nghiệp, thủy sản: Phát triển nông lâm ngư nghiệp theo hướng hiệu quả, bao gồm nông nghiệp truyền thống - đặc sản tại các khu vực có địa hình phức tạp và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo hướng hàng hóa, gắn với chế biến tại các khu vực thuận lợi.

3.6. Phân bố vùng phát triển du lịch

Phân bố không gian phát triển bảo tồn cảnh quan, bảo tồn văn hoá gắn với phát triển du lịch và không gian phát triển du lịch thắng cảnh nhằm khai thác triệt để các tiềm năng lợi thế về điều kiện tự nhiên nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của vùng.

3.7. Phân bố hệ thống dịch vụ hạ tầng xã hội: Xây dựng các khu trung tâm hành chính xã mới trên cơ sở sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã theo chủ trương. Tập trung xây dựng và hoàn thiện các công trình văn hóa, thể thao đáp ứng nhu cầu sáng tạo, hưởng thụ văn hóa, thể thao của nhân dân. Hoàn thiện, nâng cấp, mở rộng quy mô hạ tầng cơ sở các trường học theo quy chuẩn quốc gia, phù hợp với mục tiêu, yêu cầu giáo dục toàn diện. Xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo các Trung tâm y tế, trạm y tế xã mới đáp ứng tiêu chuẩn ngành, đảm bảo nhu cầu khám chữa bệnh cho người dân.

4. Định hướng giao thông

4.1. Đường bộ

- **Cao tốc:** Cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên - Bắc Kạn - Cao Bằng (Cao tốc CT-07) quy mô 4-6 làn xe. Chiều dài tuyến 34,5km.

- **Quốc lộ:**

+ Quốc lộ QL.3: Mở rộng quy mô, nâng cấp tối thiểu đường cấp III, cấp IV miền núi, 2÷4 làn xe. Chiều dài tuyến 51,5km.

+ Quốc lộ QL.3B: Mở rộng quy mô, nâng cấp tối thiểu đường cấp III, Cấp IV miền núi, 2÷4 làn xe. Chiều dài tuyến 45,5km.

+ Quốc lộ QL.34B (nâng cấp từ ĐT 252): Quy mô tối thiểu đường cấp IV miền núi, 2 làn xe. Chiều dài tuyến 12km.

+ Quốc lộ QL.279: Quy mô tối thiểu đường cấp III, IV miền núi, 2÷4 làn xe. Chiều dài tuyến 49,6km.

- **Đường tỉnh:** Nâng cấp, cải tạo các tuyến đường trên địa bàn.

+ Đường tỉnh ĐT.251 (bao gồm cả Tuyến Bằng Vân - Cốc Đán - Trung Hòa): Đường cấp VI miền núi; chiều dài tuyến 30,3km.

+ Đường tỉnh ĐT.252B (Tuyến Thuần Mang - Vân Tùng - Cốc Đán - Nguyên Bình (Cao Bằng): Đường GTNT A. Chiều dài tuyến 16km.

+ Đường tỉnh ĐT.256: Đường GTNT A. Chiều dài tuyến 31,3km.

+ Đường tỉnh ĐT.253B: Đường cấp IV miền núi. Chiều dài tuyến 5km.

+ Đường tỉnh ĐT.256B (Quang Phong - Đồng Xá - Xuân Dương - Thiện Long): đường cấp IV miền núi. Chiều dài tuyến 4,2km.

- *Đường huyện (đường liên xã)*: Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường hiện hữu và quy hoạch mới các tuyến đường kết nối các xã, khu dân cư, khu chức năng trong vùng đạt tối thiểu GTNT loại B.

4.2. Bến xe: Hoàn thiện đầu tư xây dựng và nâng cấp 02 bến xe trong vùng đạt tiêu chuẩn bến xe loại IV và III, cụ thể: Bến xe Vân Tùng và bến xe Yên Lạc đạt tiêu chuẩn loại IV, III. Diện tích lấy theo Quy hoạch xây dựng đô thị được phê duyệt. Triển khai các tuyến xe khách từ trung tâm các xã đi các vùng xung quanh đảm bảo vận chuyển hàng hóa và hành khách.

4.3. Trung tâm Logistics: Xây dựng 02 cảng cạn Logistics cấp tỉnh ở giáp QL.3B, thuộc xã Cường Lợi và giáp QL.3 thuộc xã Bằng Vân.

III. QUÁ TRÌNH LẬP QUY HOẠCH VÀ XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Ủy ban nhân dân tỉnh đã phê duyệt Nhiệm vụ, dự toán lập kinh phí lập Quy hoạch xây dựng vùng liên huyện (liên xã), tỉnh Bắc Kạn tại Quyết định số 517/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 và phê duyệt điều chỉnh, bổ sung tại các Quyết định: Số 539/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 và số 01/QĐ-UBND ngày 02/01/2025. Thực hiện nhiệm vụ được giao, Sở Xây dựng đã thực hiện tổ chức lựa chọn đơn vị tư vấn lập Quy hoạch xây dựng vùng liên huyện (liên xã), tỉnh Bắc Kạn theo quy định. Trong quá lập, thẩm định Quy hoạch xây dựng vùng liên huyện (liên xã), tỉnh Bắc Kạn, Ban cán sự đảng UBND tỉnh (nay là Đảng ủy UBND tỉnh) đã xin ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho ý kiến về ý tưởng quy hoạch. Sở Xây dựng đã thực hiện các thủ tục xin ý kiến các Sở, ngành, địa phương, tổ chức, cá nhân có liên quan và ý kiến phản biện của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Bắc Kạn, đảm bảo theo quy định.

2. Hội đồng thẩm định của tỉnh đã tổ chức họp thẩm định các đồ án quy hoạch và Sở Xây dựng đã ban hành Báo cáo thẩm định số 10/BC-UBND ngày 18/3/2025. Nội dung các đồ án quy hoạch đã được Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho ý kiến tại Thông báo số 1930-TB/TU ngày 02/6/2025 về việc thông báo nội dung Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy lần thứ 92 (khóa XII), nhiệm kỳ 2020-2025.

3. Ngày 09/6/2025, Ủy ban nhân dân tỉnh có Tờ trình số 129/TTr-UBND trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị xây dựng Nghị quyết thông qua nội dung các đồ án Quy hoạch xây dựng vùng liên huyện (liên xã), tỉnh Bắc Kạn.

4. Ngày 13/6/2025, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có Văn bản số 114/HĐND-VP cho ý kiến xây dựng nghị quyết đối với Tờ trình số 129/TTr-UBND ngày 09/6/2025 của UBND tỉnh.

5. Nội dung dự thảo Tờ trình, dự thảo Nghị quyết thông qua nội dung các đồ án Quy hoạch xây dựng vùng liên huyện (liên xã), tỉnh Bắc Kạn đã được thành viên UBND tỉnh cho ý kiến thống nhất tại phiên họp UBND tỉnh ngày 13/6/2025.

6. Sở Xây dựng đã tiếp thu các ý kiến góp ý và hoàn thiện dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh, dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và hồ sơ trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

IV. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích: Nghị quyết thông qua nội dung các Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng liên huyện (liên xã), tỉnh Bắc Kạn nhằm cụ thể hóa các định hướng theo Quy hoạch tỉnh Bắc Kạn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, đảm bảo đáp ứng nhu cầu phát triển của vùng liên huyện, liên xã, từng huyện, từng xã trong tỉnh; phát huy thế mạnh của từng vùng; hình thành hệ thống đô thị, nông thôn, đề xuất phát triển không gian cho các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, xây dựng, du lịch, dịch vụ...; tổ chức hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo đồng bộ, bảo vệ môi trường; là cơ sở pháp lý để quản lý theo quy hoạch được duyệt, làm tiền đề thu hút đầu tư, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội.

2. Quan điểm: Đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định tại Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014, Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ; đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định tại Quyết định số 01/QĐ-HĐND ngày 18 tháng 01 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành hệ thống quy trình xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn và các quy định hiện hành có liên quan.

V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục: Ngoài căn cứ pháp lý, nội dung của Nghị quyết được bố cục thành 02 Điều, gồm:

Điều 1. Thông qua Nghị quyết thông qua nội dung các đồ án Quy hoạch xây dựng vùng liên huyện (liên xã), tỉnh Bắc Kạn

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

2. Nội dung cơ bản

Thông qua nội dung các đồ án Quy hoạch xây dựng vùng liên huyện (liên xã), tỉnh Bắc Kạn như đã nêu ở trên.

(Có Phụ lục số 01, Phụ lục số 02, Phụ lục số 03
và Danh mục Hồ sơ kèm theo)

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị quyết thông qua các đồ án Quy hoạch xây dựng vùng liên huyện (liên xã), tỉnh Bắc Kạn; Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết nghị./.

Nơi nhận:

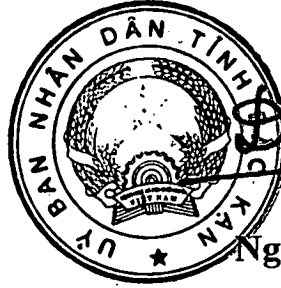
Gửi bản giấy:

- Như kính gửi (trình);
- TT HĐND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;

Gửi bản điện tử:

- Như kính gửi (trình);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Xây dựng;
- CVP, các PCVP;
- LĐ phòng GTCNXD;
- Lưu: VT, Mai Anh, Hiền.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đ. Bình
Nguyễn Đăng Bình

PHỤ LỤC SỐ 01

NỘI DUNG ĐỒ ÁN QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG LIÊN HUYỆN (LIÊN XÃ) CHỢ MỚI, BẠCH THÔNG VÀ KẾT NỐI LIÊN VÙNG (KẾT NỐI LIÊN XÃ) CHỢ MỚI, THÀNH PHỐ BẮC KẠN, BẠCH THÔNG, TỈNH BẮC KẠN GIAI ĐOẠN 2022 ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Tờ trình số 46/TT-UBND ngày 15/6/2025 của UBND tỉnh Bắc Kạn)



1. Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch:

1.1. Phạm vi, ranh giới nghiên cứu kết nối vùng liên huyện (kết nối liên xã)

a) Phạm vi: Vùng liên huyện (kết nối liên xã) Chợ Mới, Bạch Thông ở vùng trung tâm động lực của tỉnh Bắc Kạn; thuộc địa giới hành chính 02 huyện (liên xã) Chợ Mới, Bạch Thông.

b) Ranh giới: Phía Bắc giáp huyện (liên xã) Ba Bể, Ngân Sơn; Phía Đông giáp huyện (liên xã) Na Rì; Phía Tây giáp huyện (liên xã) Chợ Đồn, Ba Bể; Phía Tây giáp huyện Định Hóa, Phú Lương, Đồng Hỷ, Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

1.2. Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch vùng huyện

a) Vùng huyện (liên xã) Chợ Mới

- Phạm vi: Bao gồm toàn bộ địa giới hành chính huyện Chợ Mới hiện nay (gồm 1 thị trấn và 13 xã), sau sáp nhập gồm 05 xã: Tân Kỳ, Thanh Mai, Thanh Thịnh, Chợ Mới, Yên Bình.

- Ranh giới: Phía Bắc giáp thành phố Bắc Kạn và huyện Bạch Thông; Phía Đông giáp huyện Na Rì và huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên; Phía Tây giáp huyện Chợ Đồn và huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên; Phía Nam giáp huyện Phú Lương và huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

b) Vùng huyện (liên xã) Bạch Thông

- Phạm vi: Bao gồm toàn bộ địa giới hành chính huyện Bạch Thông hiện nay (gồm 1 thị trấn và 13 xã), sau sáp nhập gồm 04 xã: Phú Thông, Cẩm Giàng, Bạch Thông (trừ xã Đồng Thắng hiện nay), Vĩnh Thông và một phần xã Phong Quang (xã Đôn Phong hiện nay).

- Ranh giới: Phía Bắc giáp huyện Ngân Sơn và huyện Ba Bể; Phía Đông giáp huyện Na Rì; Phía Tây giáp huyện Chợ Đồn; Phía Nam giáp thành phố Bắc Kạn và huyện Chợ Mới;

2. Quy mô lập quy hoạch

2.1. Quy mô nghiên cứu kết nối vùng liên huyện (kết nối liên xã)

Vùng liên huyện (kết nối liên xã) Chợ Mới, Bạch Thông và thành phố Bắc Kạn (sau sáp nhập gồm 10 xã: Tân Kỳ, Thanh Mai, Thanh Thịnh, Chợ Mới, Yên Bình, Phú Thông, Cẩm Giàng, Bạch Thông (trừ xã Đồng Thắng hiện nay), Vĩnh Thông, Phong Quang và 02 phường: Bắc Kạn, Đức Xuân), có tổng diện tích khoảng 129.025 ha. Dân số hiện trạng là 119.502 người, dự báo đến năm 2030 khoảng 142.300 người và đến năm 2050 khoảng 205.400 người.

2.2. Quy mô lập quy hoạch vùng huyện (liên xã)

a) Vùng huyện (liên xã) Chợ Mới: Tổng diện tích lập quy hoạch khoảng 60.675 ha. Dân số hiện trạng là 39.275 người; dự báo đến năm 2030 khoảng 43.200 người và đến năm 2050 khoảng 53.000 người.

b) Vùng huyện (liên xã) Bạch Thông: Tổng diện tích lập quy hoạch khoảng 54.650 ha. Dân số hiện trạng là 33.314 người; dự báo đến năm 2030 khoảng 34.400 người và đến năm 2050 khoảng 42.000 người.

3. Quan điểm

- Quy hoạch xây dựng vùng huyện (liên xã) Chợ Mới, Bạch Thông và kết nối liên huyện (kết nối liên xã) Chợ Mới, thành phố Bắc Kạn, Bạch Thông nhằm thúc đẩy phát triển, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

- Gắn phát triển kinh tế, xã hội với đảm bảo quốc phòng, an ninh, nhất là các vị trí chiến lược trên địa bàn các huyện, vùng liên huyện; kết hợp cải tạo tự nhiên với phòng chống thiên tai, đặc biệt là những bất lợi của điều kiện thời tiết, địa hình. Gắn bảo vệ môi trường sinh thái, phòng, chống thiên tai với sử dụng hợp lý, có hiệu quả nguồn tài nguyên.

- Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, phát triển nguồn nhân lực thu hút đầu tư, khai thác các nguồn lực bên trong và bên ngoài.

4. Mục tiêu

- Cụ thể hóa các định hướng phát triển kinh tế xã hội tỉnh Bắc Kạn phù hợp với Quy hoạch tỉnh Bắc Kạn thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050, đảm bảo phù hợp với hiện trạng và nhu cầu phát triển xã hội của từng vùng trong tỉnh.

- Phát huy thế mạnh về vị trí chiến lược của từng vùng, các tiềm năng về thương mại dịch vụ, du lịch, văn hóa, sinh thái và cảnh quan, công nghiệp, nông nghiệp để tạo ra bước tăng trưởng kinh tế, nâng cao vai trò vị thế của từng vùng.

- Góp phần phát huy sức mạnh tổng hợp, tiềm năng và lợi thế của từng vùng để thúc đẩy kinh tế tăng trưởng nhanh và bền vững, văn hóa - xã hội phát triển; đời sống nhân dân được nâng cao; quốc phòng an ninh đảm bảo vững chắc.

- Hình thành hệ thống đô thị, nông thôn, đề xuất phát triển không gian cho các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, xây dựng, du lịch dịch vụ; tổ chức hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng giao thông và phân bố các công trình hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo môi trường bền vững ở đô thị và nông thôn.

- Bảo vệ môi trường, di sản văn hóa lịch sử, cảnh quan thiên nhiên. Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa từng vùng.

- Tạo lập cơ sở pháp lý để triển khai và quản lý quy hoạch, làm tiền đề thu hút đầu tư, định hướng phát triển hợp lý các nguồn lực nhằm tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn từng vùng.

5. Tính chất, chức năng, định hướng phát triển

5.1. Vùng liên huyện (kết nối liên xã)

a) Tính chất, chức năng: Là vùng nối giữa các trung tâm đô thị của các đơn vị hành chính trong tỉnh, là vùng phát triển tổng hợp đa ngành, lĩnh vực; phát triển du lịch, dịch vụ thương mại, trung tâm giáo dục, văn hóa, thể thao. Là vùng trọng tâm, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của cả tỉnh.

b) Định hướng phát triển: Vùng trung tâm thành phố (phường Đức Xuân, phường Bắc Kạn sau sáp nhập): Trung tâm hành chính, văn hóa, dịch vụ, thương mại, hệ thống công trình công cộng. Vùng ven trung tâm: Phát triển công nghiệp, dịch vụ, thương mại, đô thị mới. Vùng ven đô: Phát triển nông nghiệp sạch, du lịch, nghỉ dưỡng, bảo tồn phát triển rừng. Phát triển các vùng công nghiệp bên cạnh các vùng phát triển đô thị và cạnh các trục giao thông liên vùng, tạo liên kết với các vùng đô thị trung tâm thành phố Bắc Kạn.

5.2. Vùng huyện (liên xã)

5.2.1. Vùng huyện (liên xã) Chợ Mới

a) Tính chất, chức năng: Là vùng phát triển công nghiệp trọng điểm, sản xuất nông nghiệp hàng hóa và phát triển du lịch, thể thao của tỉnh. Là vùng phía Nam của tỉnh.

b) Định hướng phát triển: Phát triển khu dân cư tập trung tại thị trấn Đồng Tâm hiện nay (trung tâm xã Chợ Mới sau sáp nhập) là trọng điểm cửa ngõ của tỉnh Bắc Kạn từ vùng thủ đô; đầu tư hình thành khu dân cư tập trung tại Sáu Hai (trung tâm xã Thanh Thịnh sau sáp nhập). Thu hút đầu tư phát triển KCN Thanh Bình, KCN Chợ Mới 1, KCN Chợ Mới 2, KCN Chợ Mới 3, KCN Chợ Mới 4, KCN Chợ Mới 5 và các CCN dọc hành tuyến đường cao tốc Thái Nguyên - Bắc Kạn - Cao Bằng. Phát triển du lịch thể thao sân golf kết hợp nghỉ dưỡng, vui chơi, giải trí, di tích lịch sử, tâm linh như Đền Thắm và chùa Thạch Long. Hình thành một số vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa chuyên canh phục vụ nhu cầu đô thị.

5.2.2. Vùng huyện (liên xã) Bạch Thông

a) Tính chất, chức năng: Là đầu mối giao thông kết nối các vùng trong tỉnh, với khu vực và quốc gia với trung tâm là Sân bay Quân Bình, đường Cao tốc Thái Nguyên - Bắc Kạn - Cao Bằng. Phát triển công nghiệp, sản xuất nông nghiệp hàng hóa và phát triển du lịch văn hóa - lịch sử kết hợp với thể thao, nghỉ dưỡng và dịch vụ của tỉnh. Là vùng trung tâm của tỉnh.

b) Định hướng phát triển: Tiếp tục đầu tư phát triển khu dân cư tập trung tại thị trấn Phủ Thông hiện nay (trung tâm xã Phủ Thông sau sáp nhập); xây dựng sân bay Quân Bình là sân bay chuyên dùng có tính lưỡng dụng, phục vụ quốc phòng - an ninh và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh; thu hút đầu tư phát triển KCN Bạch Thông và các CCN dọc tuyến đường cao tốc Thái Nguyên - Bắc Kạn - Cao Bằng. Phát triển Khu du lịch trải nghiệm thác Vằng Áng, khu Du lịch văn hóa - lịch sử chùa Hoa Sơn, xã Vi Hương (xã Phủ Thông sau sáp nhập), điểm du lịch nông thôn gần với xây dựng nông thôn mới tại thôn Phiêng An, xã Quang Thuận (xã Bạch Thông sau sáp nhập) và Khu du lịch sinh thái Cây Thị, xã Mỹ Thanh (xã Cẩm Giàng

sau sáp nhập); du lịch thể thao sân golf kết hợp nghỉ dưỡng. Hình thành một số vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa chuyên canh phục vụ nhu cầu đô thị.

6. Dự báo phát triển kinh tế, dân số, lao động, nhu cầu về đất đai, tỷ lệ đô thị hóa theo các giai đoạn phát triển

6.1. Dự báo phát triển kinh tế

Đến năm 2030, cơ cấu kinh tế: Ngành dịch vụ chiếm 46%, ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 23%, ngành công nghiệp, xây dựng chiếm 31%. Đến năm 2050, cơ cấu kinh tế: Ngành dịch vụ chiếm 50%, ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 16%, ngành công nghiệp, xây dựng chiếm 34%.

6.2. Dự báo dân số, lao động, tỷ lệ đô thị hóa

Đến năm 2030 dân số toàn vùng khoảng 142.300 người; tỷ lệ đô thị hóa là khoảng 52,0%, dân số đô thị khoảng 74.130 người. Đến năm 2050 dân số toàn vùng khoảng 205.400 người; tỷ lệ đô thị hóa là khoảng 64,0%, dân số đô thị khoảng 131.280 người.

6.3. Dự báo nhu cầu đất đai

Đến năm 2030, Đất dành cho nông nghiệp khoảng 118.219,26ha, chiếm 91,63%; Đất phi nông nghiệp và các chức năng khác khoảng 10.041,74ha, chiếm 7,78%; Đất chưa sử dụng khoảng 764ha, chiếm 0,59%; Đến năm 2050, Đất dành cho nông nghiệp khoảng 109.897ha, chiếm 85,17%; Đất phi nông nghiệp và các chức năng khác khoảng 18.692,26ha, chiếm 14,49%; Đất chưa sử dụng khoảng 435,74 ha, chiếm 0,34%.

7. Phân vùng và liên kết phát triển

7.1. Phân vùng liên huyện (kết nối liên xã)

- Phân vùng phát triển của vùng được xác định trên cơ sở phân vùng phát triển của vùng huyện (liên xã) Chợ Mới, Bạch Thông và kết nối liên vùng huyện (kết nối liên xã) Chợ Mới, Bạch Thông và thành phố Bắc Kạn. Được liên kết bởi các trục phát triển về hạ tầng, giao thông, không gian du lịch và các không gian ngoài đô thị... Nhằm kết nối các phân vùng có nét tương đồng; Hình thành vùng liên huyện (kết nối liên xã) được tối đa về thế mạnh, tiềm năng phát triển.

7.2. Phân vùng huyện (liên xã)

7.2.1. *Phân vùng huyện (liên xã) Chợ Mới:* Chia làm 3 phân vùng phát triển

a) *Phân vùng 1: Trung tâm hành chính – chính trị - thương mại – du lịch – dịch vụ và phát triển công nghiệp:* bao gồm thị trấn Đồng Tâm, xã Quảng Chu (một phần xã Chợ Mới sau sáp nhập); xã Thanh Thịnh, xã Nông Hạ (xã Thanh Thịnh sau sáp nhập), có diện tích 17.514 ha.

Tính chất, chức năng: Là vùng phát triển kinh tế tổng hợp trong đó: công nghiệp khai thác khoáng sản, chế biến khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng là chủ đạo, dịch vụ du lịch, thương mại, nông nghiệp chất lượng cao. Là đầu mối giao thông quan trọng của tỉnh và vùng.

b) *Phân vùng 2: Vùng phát triển du lịch - dịch vụ, Nông lâm nghiệp công nghệ cao*: bao gồm các xã Yên Cư, Yên Hân, Bình Văn (xã Yên Bình sau sáp nhập); Xã Như Cố (một phần xã Chợ Mới sau sáp nhập), có diện tích 14.294 ha.

Tính chất, chức năng: Là khu vực phát triển du lịch - dịch vụ - nông nghiệp công nghệ cao phía Đông của huyện Chợ Mới hiện nay. Trong đó, tập trung phát triển nông nghiệp hàng hóa chất lượng cao gắn với các mô hình thương mại - dịch vụ hỗ trợ nông nghiệp.

c) *Phân vùng 3: Vùng phát triển kinh tế nông lâm nghiệp*: bao gồm các xã Mai Lạp, Thanh Vân, Thanh Mai (xã Thanh Mai sau sáp nhập); xã Cao Kỳ, Tân Sơn, Hòa Mục (xã Tân Kỳ sau sáp nhập), có diện tích 13.567 ha.

Tính chất, chức năng: phát triển kinh tế tổng hợp trong đó: Nông lâm nghiệp là chủ đạo gắn với phát triển kinh tế rừng, công nghiệp chế biến nông lâm sản. Phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch cộng đồng mang bản sắc vùng miền.

7.2.2. *Phân vùng huyện (liên xã) Bạch Thông*. Chia làm 3 phân vùng phát triển

a) *Phân vùng 1: Trung tâm hành chính – chính trị - thương mại – du lịch – dịch vụ và phát triển công nghiệp*: bao gồm thị trấn Phú Thông, xã Tân Tú (một phần xã Phú Thông sau sáp nhập); xã Quân Hà, xã Cẩm Giàng (một phần xã Cẩm Giàng sau sáp nhập), có diện tích 7.782 ha.

Tính chất, chức năng: Là trung tâm hành chính - chính trị, công nghiệp, thương mại, dịch vụ, giáo dục - đào tạo, văn hóa - TDTT, KHCN của huyện (Bạch Thông hiện nay. Là đầu mối giao thông quan trọng của tỉnh và vùng.

b) *Phân vùng 2: Vùng phát triển du lịch - dịch vụ trải nghiệm, Nông lâm nghiệp công nghệ cao*: bao gồm các xã Quang Thuận, Dương Phong (một phần xã Bạch Thông sau sáp nhập); xã Đôn Phong (một phần xã Phong Quang sau sáp nhập); xã Lục Bình, Vi Hương một phần xã Phú Thông sau sáp nhập), có diện tích 28.951 ha.

Tính chất, chức năng: Là khu vực phát triển du lịch - dịch vụ - nông nghiệp công nghệ cao phía Tây của huyện Bạch Thông hiện nay. Trong đó, tập trung phát triển đa dạng các loại hình du lịch – dịch vụ gắn với cảnh quan môi trường.

c) *Phân vùng 3: Vùng phát triển kinh tế nông, lâm, công nghiệp*: bao gồm các xã: Sĩ Bình, Cao Sơn, Vũ Muộn (một phần xã Vĩnh Thông sau sáp nhập); xã Nguyên Phúc, Mỹ Thanh (một phần xã Cẩm Giàng sau sáp nhập), có diện tích 22.062 ha.

Tính chất, chức năng: Là khu vực phát triển kinh tế nông – lâm – nghiệp quy mô lớn. Là khu vực sinh thái cảnh quan môi trường gắn liền với khu bảo tồn thiên nhiên Kim Hỷ.

8. Định hướng kết nối vùng liên huyện (kết nối liên xã)

8.1. Kết nối về hạ tầng giao thông

Có 06 tuyến giao thông kết nối, bao gồm 04 tuyến trục ngang theo hướng Đông - Tây và 02 tuyến trục dọc theo hướng Bắc - Nam. Cụ thể:

- 04 tuyến trục ngang theo hướng Đông - Tây, gồm: (1) Tuyến Quốc lộ 3B; (2) Tuyến Đường tỉnh 256; (3) Tuyến Đường tỉnh 259; (4) Đường tỉnh 259B.

- 02 tuyến trục dọc theo hướng Bắc - Nam, gồm: (1) Cao tốc Thái Nguyên - Chợ Mới - Bắc Kạn (Cao tốc CT-07); (2) Tuyến Quốc lộ 3.

8.2. Kết nối về không gian phát triển

- Các khu phát triển dân cư tập trung: Phát triển 04 khu trên cơ sở thị trấn Đồng Tâm (trung tâm xã Chợ Mới sau sáp nhập), thành Phố Bắc Kạn (phường Đức Xuân, phường Bắc Kạn sau sáp nhập), thị trấn Phủ Thông (trung tâm xã Phủ Thông sau sáp nhập), khu dân cư tập trung Sáu Hai (trung tâm xã Thanh Thịnh sau sáp nhập) đáp ứng các chỉ tiêu theo tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

- Không gian động lực phát triển vùng bao gồm: Các khu, cụm công nghiệp trong vùng; phường Bắc Kạn, phường Đức Xuân là đô thị trung tâm của vùng; các dự án về hạ tầng, du lịch, Khu bảo tồn thiên nhiên Kim Hỷ và khu du lịch hồ Nậm Cắt.

- Hành lang kinh tế: Hành lang kinh tế gắn với tuyến cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên - Bắc Kạn - Cao Bằng (Cao tốc CT-07) và tuyến Quốc lộ 3; Hành lang kinh tế gắn với Trục liên kết Đông Tây Quốc lộ 3B.

- Cực tăng trưởng: Cực tăng trưởng về công nghiệp - đô thị - du lịch; Đầu mối kết nối về giao thông.

9. Định hướng phát triển không gian vùng liên huyện (kết nối liên xã)

9.1. Định hướng phát triển không gian khu vực dân cư tập trung: Đến năm 2030: Phát triển đô thị tại thành phố Bắc Kạn (phường Bắc Kạn, phường Đức Xuân sau sáp nhập), phát triển 02 khu dân cư tập trung với hạ tầng kỹ thuật đồng bộ tại thị trấn Đồng Tâm (trung tâm xã Chợ Mới sau sáp nhập), thị trấn Bạch Thông (trung tâm xã Phủ Thông sau sáp nhập). Định hướng đến năm 2050: Hoàn thiện các tiêu chí hạ tầng xã hội còn yếu, còn thiếu. Định hướng xây dựng khu dân cư tập trung mới tại Sáu Hai (trung tâm xã Thanh Thịnh sau sáp nhập).

9.2. Định hướng phát triển hệ thống điểm dân cư nông thôn

- Tiếp tục phát triển các vùng dân cư nông thôn theo cấu trúc mạng như hiện nay. Tuân thủ định hướng của các đồ án quy hoạch chung xây dựng xã đã được phê duyệt. Xây dựng các trung tâm xã mới thành thành trung tâm dịch vụ, công - nông nghiệp tạo tiền đề thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, quá trình đô thị hóa và hoàn thiện kết cấu hạ tầng của xã. Mỗi trung tâm xã bố trí 01 cụm đổi mới sáng tạo có diện tích 3-5 ha phục vụ hỗ trợ du lịch, phục vụ hỗ trợ nông lâm nghiệp (với các chức năng hỗn hợp: dịch vụ thương mại, dừng chân, sinh hoạt văn hoá

cộng đồng + cơ sở lưu trú du lịch + tiếp vận, trạm thông tin + kiến trúc đặc trưng).
Bố trí gần các khu di tích, điểm du lịch để hỗ trợ phát triển.

- Phát triển các trung tâm xã trở thành các trung tâm dịch vụ, gắn với sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tại khu vực nông thôn, phù hợp với tập quán sinh hoạt.

- Cải tạo, xây dựng kiến trúc nhà ở và cơ sở hạ tầng nông thôn phù hợp với điều kiện sống của dân cư theo đặc trưng từng vùng, không phá vỡ cảnh quan sinh thái nông thôn; đối với các điểm dân cư mới phát triển phải có quy hoạch kiến trúc cảnh quan phù hợp với truyền thống, đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội.

9.3. Định hướng phát triển công nghiệp

a) Khu công nghiệp: Quy hoạch mở rộng KCN Thanh Bình. Quy hoạch các KCN mới gồm: Chợ Mới 1, Chợ Mới 2, Chợ Mới 3, Chợ Mới 4, Chợ Mới 5, Bạch Thông với tổng diện tích khoảng 2.157 ha. Nghiên cứu, thành lập và ĐTXD hạ tầng kỹ thuật các KCN trên khi tình được bổ sung, điều chỉnh chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về khu công nghiệp.

b) Cụm công nghiệp. Quy hoạch 06 Cụm công nghiệp trên địa bàn huyện Chợ Mới gồm: CNN Quảng Chu, CCN Quảng Chu 1, CCN Khe Lắc, CNN Thanh Thịnh, CNN Thanh Mai, CCN Thanh Vận với tổng diện tích khoảng 269,4ha và 03 Cụm công nghiệp trên địa bàn huyện Bạch Thông gồm: CCN Cẩm Giàng; CCN Tân Tú; CCN Quân Hà, với tổng diện tích khoảng 78ha. Nghiên cứu, thành lập và ĐTXD hạ tầng kỹ thuật các CCN trên khi tình được bổ sung, điều chỉnh chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về cụm công nghiệp.

c) Định hướng công nghiệp khai khoáng: Tuân thủ theo quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt tại Quyết định số 866/QĐ-TTg ngày 18/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

d) Công nghiệp năng lượng: Duy trì và phát triển công nghiệp điện năng (thủy điện, điện gió, điện mặt trời).

9.4. Định hướng phát triển dịch vụ thương mại

a) Vùng huyện (liên xã) Chợ Mới: Giai đoạn 2021-2025 dự kiến xây dựng mới 02 chợ hạng III, cải tạo mở rộng một số chợ hiện trạng; Giai đoạn 2026-2030 dự kiến nâng cấp chợ thị trấn Đồng Tâm (xã Chợ Mới sau sáp nhập) lên thành chợ hạng I. Đến năm 2030 có tổng số 10 chợ trong đó có 01 chợ hạng I, 02 chợ hạng II, 8 chợ hạng III. Tầm nhìn đến năm 2050 (2030-2050): Căn cứ vào điều

kiến phát triển dân cư bố trí thêm các chợ theo nhu cầu phát triển. Nâng cấp các chợ đầu mối, chợ trung tâm các xã.

b) Vùng huyện (liên xã) Bạch Thông: Giai đoạn 2021-2025 dự kiến xây dựng thêm 03 chợ hạng III, mở rộng diện tích các chợ hiện trạng; Giai đoạn 2026-2030 nâng cấp một số chợ đạt chỉ tiêu chợ hạng I và hạng II. Đến năm 2030 có tổng 09 chợ; trong đó 01 chợ hạng I, 01 chợ hạng II, 07 chợ hạng III; Tầm nhìn đến năm 2050 (2030-2050): Căn cứ vào điều kiện phát triển dân cư bố trí thêm các chợ theo nhu cầu phát triển. Nâng cấp các chợ đầu mối, chợ trung tâm các xã.

9.5. Phân bố vùng nông, lâm nghiệp, thủy sản.

+ Trồng lúa nước: Phát triển vùng lúa, nhờ ứng dụng công nghệ cao, trù trọng khâu giống và kỹ thuật canh tác. Tập trung tại các xã Quảng Chu (xã Chợ Mới sau sáp nhập); xã Thanh Mai, Thanh Vân (xã Thanh Mai sau sáp nhập); xã Yên Cư (xã Yên Bình sau sáp nhập); xã Nông Hạ (xã Thanh Thịnh sau sáp nhập); xã Vi Hương, thị trấn Phủ Thông, xã Tân Tú, xã Lục Bình (xã Phủ Thông sau sáp nhập); xã Cẩm Giàng, Quân Hà (xã Cẩm Giàng sau sáp nhập)...

+ Trồng cây công nghiệp: Tập trung phát triển cây ăn quả có giá trị kinh tế cao. Khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng công nghiệp tiên tiến, hiện đại vào sản xuất để nâng cao chất lượng sản phẩm, tìm kiếm thị trường mới, trọng tâm khâu giống, chế biến sản phẩm đạt chất lượng cao để nâng cao giá trị sản xuất trên 1 ha đất canh tác.

+ Trồng chè: Trồng mới diện tích chè Shan tuyết đạt 100 ha/5 năm, thực hiện thâm canh, cải tạo với diện tích 100 ha/5 năm để tăng năng suất, chất lượng chè theo hướng VietGap, chè hữu cơ, đạt an toàn vệ sinh thực phẩm trên địa bàn các xã Bình Văn, Yên Hân, Yên Cư (xã Yên Bình sau sáp nhập).

+ Trồng cây dược liệu: Gồm các xã Quân Hà, xã Cẩm Giàng (xã Cẩm Giàng sau sáp nhập); xã Cao Sơn, xã Vũ Muộn, xã Sĩ Bình (xã Vĩnh Thông sau sáp nhập); các loại cây dược liệu sẽ đưa vào trồng gồm Đương Quy, Hà thủ ô Đỏ, Ba Kích...

- Lâm nghiệp: Bảo vệ và phát triển bền vững diện tích rừng hiện có, đặc biệt là rừng phòng hộ và đặc dụng. Phát triển kinh tế lâm nghiệp bền vững, hiện đại, liên kết theo chuỗi từ trồng rừng, bảo vệ rừng, sử dụng rừng đến chế biến gỗ và thương mại lâm sản. Phát triển nông lâm kết hợp, lâm nghiệp đô thị, cảnh quan và các loại hình du lịch bền vững gắn với tài nguyên rừng.

- Thủy sản: Tận dụng tối đa các loại hình mặt nước phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng nâng cao giá trị gia tăng gắn sản xuất với đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường, bảo vệ và phát triển nguồn lợi và an sinh xã hội. Cải tiến hệ thống tổ chức sản xuất nuôi trồng thủy sản trên địa bàn, chuyển dần từ phương thức nuôi quảng canh, quy mô nhỏ lẻ sang phương thức nuôi thâm canh, hình thành các trang trại, hợp tác xã nuôi trồng thủy sản và thành lập các tổ hợp tác tham gia liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

9.6. Phân bố vùng phát triển du lịch.

a) Hình thành 03 tuyến du lịch, kết nối du lịch, gồm:

(1) Tuyến Chợ Mới - thành phố Bắc Kạn - Phú Thông - Nà Phặc - đi Cao Bằng;

(2) Tuyến du lịch theo đường cao tốc từ Hà Nội - Chợ Mới - Bắc Kạn - Cao Bằng;

(3) Tuyến thành phố Bắc Kạn - Phú Thông - Chợ Rã - Hồ Ba Bể - Bằng Lũng - thành phố Bắc Kạn;

b) Hình thành các không gian du lịch, gồm:

- Phát triển tiềm năng văn hóa du lịch vùng liên xã giữa thành phố Bắc Kạn, huyện Chợ Mới và huyện Bạch Thông và phát triển du lịch có sự liên kết chặt chẽ giữa các điểm đến du lịch như: ATK Định Hóa; ATK Chợ Đồn; Hồ Ba Bể; Hồ Nậm Cắt hình thành các cung đường và chuỗi điểm đến du lịch...

- Huyện (liên xã) Chợ Mới: Trên cơ sở các phát triển các điểm du lịch hiện có và tận dụng, tiềm năng thế mạnh của địa phương, tiếp tục nâng cao chất lượng các loại hình du lịch để thu hút du khách. Tập trung lập quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi các giá trị di tích lịch sử văn hoá Chùa Thạch Long (xã Tân Kỳ sau sáp nhập), Di tích Pác San 2 và Đền Thắm (xã Chợ Mới sau sáp nhập); quy hoạch khu du lịch cộng đồng thôn Chúa Lải (xã Thanh Mai sau sáp nhập); Đầu tư xây dựng Dự án khu du lịch nghỉ dưỡng kết hợp thương mại, dịch vụ Hồ Thanh Vân; Định hướng phát triển 03 Tổ hợp khu sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng, văn hóa thể thao và sân golf gồm: Chợ Mới 1; Chợ Mới 2 tại xã Chợ Mới sau sáp nhập; Chợ Mới 3 tại xã Yên Bình sau sáp nhập có quy mô 18-36 hố.

- Huyện (liên xã) Bạch Thông: Điều chỉnh các nhóm sản phẩm du lịch huyện theo hướng phát huy sản phẩm du lịch sinh thái - nghỉ dưỡng và du lịch cộng đồng; tăng cường sản phẩm du lịch lịch sử - tâm linh, bổ sung sản phẩm du lịch văn hóa - trải nghiệm, tạo mới sản phẩm du lịch vui chơi - giải trí. Từ đó hình thành các chuỗi sản phẩm du lịch đồng bộ, phong phú, độc đáo, hấp dẫn trong từng khu, điểm du lịch và trên phạm vi toàn huyện; quan tâm phát triển các sản phẩm lưu niệm, quà tặng, thực phẩm sạch, các sản phẩm OCOP... và nâng cao chất lượng sản phẩm để thu hút khách du lịch; Định hướng đến năm 2030: Có thêm ít nhất 02 điểm du lịch trên địa bàn huyện được công nhận gồm: điểm du lịch thác Vàng Áng xã Vi Hương (xã Phú Thông sau sáp nhập); bãi đá thôn Vàng Bó, thôn Bản Chiêng xã Đôn Phong (xã Phong Quang sau sáp nhập). Giai đoạn đến năm 2030, định hướng phát triển Tổ hợp khu sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng, văn hóa thể thao và sân golf tại xã Đôn Phong (xã Phong Quang sau sáp nhập).

9.7. Phân bố hệ thống dịch vụ hạ tầng xã hội.

- Trung tâm hành chính: xây dựng các khu trung tâm hành chính xã mới trên cơ sở sắp xếp đơn vị hành chính cấp cấp xã theo chủ trương.

- Trung tâm văn hóa, thể dục thể thao: Tập trung xây dựng và hoàn thiện các công trình văn hóa, thể thao đáp ứng nhu cầu sáng tạo, hưởng thụ văn hóa, thể thao của nhân dân. Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao đồng bộ về cơ sở vật chất; trang thiết bị; tổ chức bộ máy, cán bộ; thu hút và tạo điều kiện thuận lợi để nhân dân đến sinh hoạt văn hóa, luyện tập thể dục, thể thao. Cần gắn với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng.

- Trung tâm đào tạo: Hoàn thiện, nâng cấp, mở rộng quy mô hạ tầng cơ sở các trường học theo quy chuẩn quốc gia, phù hợp với mục tiêu, yêu cầu giáo dục toàn diện, đáp ứng yêu cầu học tập của nhân dân. Bố trí quỹ đất phù hợp cho các cơ sở đào tạo (giáo dục phổ thông, giáo dục chuyên nghiệp, đặc biệt quan tâm đến đào tạo các ngành nghề dịch vụ, nông nghiệp công nghệ cao vv...) phù hợp với quy mô đào tạo và khả năng cung ứng hạ tầng kỹ thuật và các dịch vụ đi kèm.

- Trung tâm y tế: Nâng quy mô trung tâm tâm y tế các huyện hiện nay từ 255 giường lên ≥ 365 giường, cụ thể: Trung tâm Y tế Chợ Mới từ 65 giường lên ≥ 110 giường, tổng diện tích đất sử dụng dự kiến $\geq 15.750 \text{ m}^2$; Trung tâm Y tế Bạch Thông từ 60 giường lên ≥ 100 giường, tổng diện tích đất sử dụng dự kiến $\geq 14.987 \text{ m}^2$. Xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo các trạm y tế xã mới đáp ứng tiêu chuẩn ngành, đảm bảo nhu cầu khám chữa bệnh cho người dân.

9.8. Phân bố định hướng phát triển an ninh, quốc phòng.

Quy hoạch và xây dựng các dự án phát triển kinh tế - xã hội, phát triển du lịch gắn kết chặt chẽ giữa hai nhiệm vụ chiến lược phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng an ninh, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với xây dựng nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân vững chắc, đảm bảo quốc phòng - an ninh của vùng và quốc gia.

10. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật

10.1. Chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng

a) Cao độ nền xây dựng:

- Khu dân cư tập trung: thị trấn Đồng Tâm (trung tâm xã Chợ Mới sau sáp nhập) cốt nền $\geq 63,20\text{m}$; thị trấn Phú Thông (trung tâm xã Phú Thông sau sáp nhập) cốt nền $\geq 172,0\text{m}$; khu dân cư tập trung Sáu Hai (trung tâm xã Thanh Thịnh sau sáp nhập) cốt nền $\geq 65,20\text{m}$.

- Khu vực đô thị: Thành phố Bắc Kạn (phường Đức Xuân, phường Bắc Kạn sau sáp nhập) cốt nền $\geq 134,3\text{m}$.

- Trung tâm các xã, khu vực nông thôn: Chọn giải pháp san lấp cục bộ cân bằng đào đắp tại chỗ, đối với khu vực có độ dốc $i < 10\%$. Đối với các khu vực có độ dốc $i > 10-30\%$ thì nên san nền giạt cấp trừ các công trình đặc thù cần mặt bằng

lớn. Hạn chế tới mức tối đa việc đào đắp các sườn núi, sườn đồi và san lấp khu vực ven các trục tiêu thoát nước chính.

b) Thoát nước mặt:

- Định hướng thoát nước mưa của vùng là các lưu vực sông hiện có, gồm: Sông Cầu, sông Chu, các con suối hiện trạng và các hồ đập hiện có hoặc dự kiến xây dựng.

- Khu vực đô thị, khu dân cư tập trung, trung tâm xã: Xây dựng hệ thống thoát nước riêng và nửa riêng.

- Khu vực nông thôn: Áp dụng hệ thống thoát nước hoạt động theo chế độ tự chảy trên cơ sở của độ dốc nền tự nhiên, giai đoạn đầu sử dụng hệ thống cống chung cho nước thải sinh hoạt, giai đoạn sau tùy theo tính chất và sự phát triển có thể tách riêng hoặc vẫn sử dụng chung.

10.2. Giao thông

a) Đường bộ: Tuân thủ theo Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ v/v phê duyệt Quy hoạch phát triển mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- *Cao tốc:* Cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên - Bắc Kạn - Cao Bằng) quy mô 4-6 làn xe. Chiều dài tuyến khoảng 64,12km.

- Quốc lộ:

+ Quốc lộ 3 cải tạo tuyến hiện hữu và nâng cấp đạt cấp III-IV.MN quy mô 2 - 4 làn xe. Chiều dài tuyến khoảng 59,48km.

+ Quốc lộ 3B nâng cấp đạt quy mô tối thiểu cấp III-IV miền núi, 2- 4 làn xe. Chiều dài tuyến khoảng 14,20km.

- Đường tỉnh:

+ Nâng cấp các tuyến đường tỉnh ĐT.256, ĐT259, ĐT259B đạt quy mô tối thiểu cấp V.MN. Chiều dài tuyến khoảng 69,90km.

+ Nâng cấp, cải tạo tuyến đường ĐT.253B, ĐT.258 đạt tối thiểu cấp V-MN. Chiều dài tuyến khoảng 32,20km.

+ Xây dựng tuyến đường tỉnh trên cơ sở nâng cấp 02 tuyến đường huyện: (i) Tuyến ĐH.72 (Thanh Vân -Cao Kỳ) và tuyến ĐH.78 (Cao Kỳ - Yên Cư) đảm bảo tối thiểu cấp V.MN. Chiều dài tuyến khoảng 24,40km.

+ Nâng cấp tuyến đường huyện ĐH.77 (Nông Hạ - Yên Hân) kết nối với tuyến ĐT.259 hiện tại thành tuyến đường tỉnh 259 hoàn chỉnh kéo dài đến ĐT.256 quy mô đảm bảo tối thiểu cấp V.MN. Chiều dài tuyến khoảng 16,30km.

+ Quy hoạch tuyến đường trục Đông Tây kết nối từ Hà Giang – Tuyên Quang – Bắc Kạn – Lạng Sơn. Định hướng giai đoạn 2021-2030 đầu tư tuyến đường đạt tối thiểu cấp III, quy mô tối thiểu 2 làn xe cơ giới, tuyến đường tương đương cấp đường tỉnh. Chiều dài tuyến khoảng 26,50km.

+ Xây dựng tuyến đường Bắc Kạn – Ba Bể đạt quy mô cấp III kết nối từ TP Bắc Kạn qua huyện Bạch Thông đi khu du lịch Ba Bể tạo động lực phát triển du lịch hồ Ba Bể. Chiều dài tuyến khoảng 17,30km.

+ Xây dựng tuyến tránh thành phố Bắc Kạn đạt quy tối thiểu đường cấp IV-V.MN. Kết nối từ huyện Chợ Mới – TP. Bắc Kạn – huyện Bạch Thông. Chiều dài tuyến khoảng 16,60km.

+ Xây dựng mới tuyến Thanh Vận – Xuất Hóa đạt quy mô tối thiểu đường cấp V.MN. Kết nối với tuyến vành đai phía Bắc thành phố Bắc Kạn. Chiều dài tuyến khoảng 10,50km.

- *Đường huyện (đường liên xã).*

Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường hiện hữu và quy hoạch mới các tuyến đường kết nối các xã, khu dân cư, khu chức năng trong vùng đạt tối thiểu GTNT loại B. Các tuyến thực hiện cụ thể theo quy hoạch nông thôn.

b) Đường đô thị: Tuân thủ theo quy hoạch chung các đô thị được phê duyệt.

c) Đường thủy: Duy tu, nạo vét các tuyến đã đưa vào quản lý; lắp đặt phao tiêu, biển báo đảm bảo ATGT đường thủy. Nâng cấp cải tạo đạt cấp hạng kỹ thuật tối thiểu là cấp V.

d) Bến xe: Xây dựng 01 bãi đỗ xe tập trung tại thị trấn Đồng Tâm (trung tâm xã Chợ Mới sau sáp nhập); 01 bãi đỗ xe tập trung tại thị trấn Phủ Thông (trung tâm xã Phủ Thông sau sáp nhập) đạt tiêu chuẩn bến xe loại III. Diện tích lấy theo Quy hoạch xây dựng đô thị được phê duyệt. Triển khai các tuyến xe khách từ trung tâm các xã đi các vùng xung quanh đảm bảo vận chuyển hàng hóa và hành khách.

e) Đường sắt: Quy hoạch tuyến đường sắt từ Thái Nguyên đến Bắc Kạn (Quán Triều - Chợ Mới) vào Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2031-2050, để tối ưu hóa cho việc vận chuyển hàng hóa, sản phẩm công nghiệp từ tỉnh Bắc Kạn đến các với các trung tâm kinh tế lớn trong vùng như Thái Nguyên, Hà Nội, Hải Phòng.

e) Sân bay: Nghiên cứu, xây dựng sân bay Quân Bình theo nhu cầu khai thác, sử dụng bảo đảm phù hợp Quy hoạch và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc.

f) Trung tâm Logistics: Xây dựng 03 công trình Logistics trên địa bàn huyện Chợ Mới, huyện Bạch Thông và thành phố Bắc Kạn. Vị trí và quy mô diện tích tuân thủ theo quy hoạch được phê duyệt.

10.3. Cấp nước

- Nguồn nước: Lấy từ các nhà máy, trạm cấp nước hiện có và sử dụng nguồn hỗn hợp, gồm: nước mặt, nước mó, nước ngầm

- Tổng nhu cầu sử dụng nước đến năm 2030: Khoảng $41.384\text{m}^3/\text{ngđ}$, trong đó: Cấp nước sinh hoạt $21.549\text{m}^3/\text{ngđ}$; Cấp nước công nghiệp khoảng $19.835\text{m}^3/\text{ngđ}$. Đến năm 2050: khoảng $142.857\text{m}^3/\text{ngđ}$, trong đó: cấp nước sinh hoạt $33.663\text{m}^3/\text{ngđ}$; cấp nước công nghiệp khoảng $109.194\text{m}^3/\text{ngđ}$.

- Khu dân cư tập trung: Quy hoạch mới và cải tạo, nâng cấp công suất các trạm cấp nước đáp ứng nhu cầu. Xây dựng mới các tuyến ống để mở rộng phạm vi cấp nước phục vụ nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt; nâng cấp cải tạo, thay thế những đoạn ống nước không đảm bảo lưu lượng cấp nước.

- Khu vực nông thôn: Xây dựng mới, cải tạo nâng cấp hệ thống các công trình cấp nước cục bộ, mạng lưới đường ống cấp nước đảm bảo phục vụ nhân dân trong vùng đáp ứng 100% nhu cầu sử dụng nước cho nông thôn. Các hộ dân nằm rải rác sử dụng nước giếng, nước suối....

- Khu, Cụm công nghiệp: Xây dựng hệ thống cấp nước cục bộ (*nguồn nước mặt, nước ngầm*) và bơm tăng áp, bể chứa nước đảm bảo khả năng cung cấp nước cho cụm công nghiệp.

- Định hướng xây mới nhà máy cấp nước Sáu Hai công suất khoảng $1.300\text{m}^3/\text{ngđ}$; Nhà máy cấp nước KCN Thanh Bình công suất khoảng $17.000\text{m}^3/\text{ngđ}$; nhà máy cấp nước Năm Cắt với công suất khoảng $25.000\text{m}^3/\text{ngđ}$; Nhà máy cấp nước tại KCN Chợ Mới 4 (xã Thanh Mai), công suất khoảng $11.000\text{m}^3/\text{ngđ}$; Nhà máy cấp nước Quảng Chủ khoảng $25.000\text{m}^3/\text{ngđ}$. Nâng cấp, cải tạo Nhà máy cấp nước Yên Đình công suất $6.000\text{m}^3/\text{ngđ}$; nhà máy cấp nước Phú Thông lên công suất $3.500\text{m}^3/\text{ngđ}$; Giữ nguyên hiện trạng nhà máy cấp nước thành phố Bắc Kạn với công suất $8.000\text{m}^3/\text{ngđ}$. Cải tạo, nâng cấp công suất các nhà máy, trạm cấp nước hiện có để đáp ứng nhu cầu cấp nước.

10.4. Cấp điện

- Nhu cầu cấp điện vùng liên huyện: Đến năm 2030 cấp điện sinh hoạt khoảng 36,87MW; cấp điện công nghiệp 78,15MW. Dự báo đến năm 2050 cấp điện sinh hoạt khoảng 52,30MW; cấp điện công nghiệp 396,52MW.

- Nguồn cấp điện:

+ Lấy từ lưới điện quốc gia thông qua hệ thống lưới truyền tải 110kV về các trạm 110kV/35/22kV.

+ Khuyến khích khai thác điện mặt trời phục vụ nhu cầu ở mọi cấp độ trên

cơ sở khai thác mọi nguồn vốn.

- + Nâng cấp và xây dựng mới các trạm 110kV;
- + Cải tạo và xây mới hệ thống đường dây 220kV, 110kV đảm bảo truyền tải điện năng, kết nối với các nhà máy thủy điện, điện gió, điện mặt trời và hệ thống trạm biến áp nâng cấp, xây mới.

- Phát triển nguồn năng lượng:

- + Huyện Chợ Mới: Đến năm 2030, xây dựng mới 02 Nhà máy thủy điện Sông Cầu 2,3 với tổng công suất 11,7MW. Giai đoạn sau 2030: Quy hoạch 04 nhà máy điện gió, gồm: Chợ Mới 1, Chợ Mới 2, Yên Hạ và Thiên Long - Chợ Mới; Nhà máy điện sinh khối Chợ Mới với tổng công suất dự kiến 100MW.

- + Huyện Bạch Thông: Đến năm 2025, tiếp tục duy trì vận hành Nhà máy thủy điện Nậm Cắt, tổng công suất 3,2MW; xây mới 03 Nhà máy thủy điện, tổng công suất 14MW; hoàn thành xây dựng và đưa vào sử dụng nhà máy điện sinh khối Bắc Kạn (Cầm Giàng), tổng công suất 30,0MW. Xây dựng mới dự án điện gió Bạch Thông, tổng công suất 250MW. Đến năm 2030, xây dựng có 04 Nhà máy thủy điện (Nậm Cắt, Nậm Cắt 2, Khuổi Thốc và Mỹ Thanh) với tổng công suất 17,2MW; 01 nhà máy điện sinh khối với tổng công suất 30,0MW và 01 dự án điện gió với tổng công suất 250MW. Định hướng giai đoạn 2031-2050, huyện dự kiến nâng cấp, cải tạo nhà máy điện sinh khối Bắc Kạn (Cầm Giàng) lên tổng công suất 50,0MW.

- + Thực hiện các dự án phát triển điện lực tuân thủ theo Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025 và Quy hoạch tỉnh Bắc Kạn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 03/11/2023.

10.5. Thông tin liên lạc

a) Bưu chính: Mục tiêu chuyển dịch từ dịch vụ bưu chính truyền thống sang dịch vụ bưu chính số, đảm bảo dòng chảy vật chất bên cạnh dòng chảy dữ liệu. Khai thác và ứng dụng hiệu quả nền tảng Mã địa chỉ gắn với Bản đồ số (*Vpostcode*). Chú trọng việc thúc đẩy cung ứng dịch vụ công qua mạng bưu chính công cộng, dịch vụ bưu chính công ích.

b) Viễn thông: Mục tiêu chuyển dịch hạ tầng viễn thông thành hạ tầng số. Phổ cập Internet băng rộng như một tiện ích thiết yếu. Phổ cập điện thoại thông minh đặc biệt tới các vùng công ích. Thúc đẩy triển khai mạng thông tin di động 5G. Xử lý triệt để rác viễn thông. Ngầm hóa mạng ngoại vi, hệ thống cáp viễn thông khu vực dân cư tập trung, các CCN. Quy hoạch các điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng có người phục vụ. Quy hoạch xây dựng, lắp đặt các điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng không có người phục vụ tại các khu vực

công cộng (khu vui chơi giải trí, bệnh viện, bến xe...), khu vực du lịch, khu tập trung đông dân cư. Xây dựng cột ăng ten trạm thu, phát sóng thông tin di động.

c) Công nghệ thông tin: Phát triển chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động. Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số.

10.6. Thoát nước thải, chất thải rắn và nghĩa trang

a) Thoát nước thải:

- Tổng nhu cầu xử lý nước thải sinh hoạt đến năm 2030 khoảng $39.344 \text{ m}^3/\text{ngày}$; trong đó: Xử lý nước thải khu dân cư tập trung khoảng $19.509 \text{ m}^3/\text{ngày}$; Xử lý nước thải công nghiệp khoảng $19.839 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Định hướng đến năm 2050 tổng nhu cầu xử lý nước thải khoảng $139.377 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Trong đó: Xử lý nước thải khu dân cư tập trung khoảng $30.183 \text{ m}^3/\text{ngày}$; xử lý nước thải công nghiệp khoảng $109.194 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

- Khu vực dân cư tập trung: Xây dựng hệ thống nước thải hỗn hợp bao gồm mạng cống thoát nước nửa riêng và riêng.

- Các cụm công nghiệp tập trung có xây dựng hệ thống thoát nước thải và trạm làm sạch riêng.

- Các trung tâm xã xây dựng hệ thống thoát nước chung. Nước thải xử lý qua bể tự hoại thoát ra hệ thống cống chung xả ra các sông, hồ và tiếp tục làm sạch tự nhiên.

- Các khu dân cư sống phân tán, rải rác, vận động nhân dân xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh hình thức tự thấm, dội nước, 2 ngăn hợp vệ sinh, xây bể tự hoại.

b) Quản lý chất thải rắn

- Tổng nhu cầu xử lý CTR đến năm 2030 khoảng 381,16 tấn/ngày đêm, trong đó: Xử lý CTR sinh hoạt khoảng 146,25 tấn/ngày đêm, xử lý CTR công nghiệp: 234,90 tấn/ngày đêm. Dự báo đến năm 2050 khoảng 1.044,9 tấn/ngày đêm, trong đó: Xử lý CTR sinh hoạt khoảng 198,66 tấn/ngày đêm, xử lý CTR công nghiệp: 846,30 tấn/ngày đêm.

- Tại khu vực dân cư tập trung, CTR được thu gom tập trung và vận chuyển tới khu xử lý CTR để xử lý.

- Những vùng nông thôn dân cư phân tán nhỏ lẻ mà hệ thống thu gom chung khó có điều kiện tiếp cận sử dụng mô hình chôn lấp tại chỗ kết hợp ủ phân.

- CTR tại các cụm công nghiệp tập trung thực hiện quy chế kiểm toán chất thải rắn và tự thu gom trong khuôn viên nhà máy. Lượng CTR sau tái chế và tái sử dụng thu gom và vận chuyển tới bãi xử lý chất thải tập trung theo địa bàn.

- Chất thải rắn y tế nguy hại được thu gom và xử lý riêng.

- Nâng cấp, cải tạo khu xử lý CTR Khuổi Xón, thị trấn Phủ Thông quy mô 10ha; khu xử lý CTR Yên Đĩnh, thị trấn Đồng Tâm quy mô 10ha; khu xử lý CTR Khuổi Mật, phường Huyền Tung TP Bắc Kạn quy mô 20-30 ha. Quy hoạch mới Khu xử lý chất thải rắn liên vùng tại Chợ Mới với diện tích khoảng 60ha.

c) Nghĩa trang:

- Nghĩa trang khu vực dân cư tập trung: Nghĩa trang thành phố Bắc Kạn quy mô 30-60ha; Nghĩa trang thị trấn Đồng Tâm quy mô 10-15ha; Nghĩa trang Sáu Hai quy mô 5-10ha; Nghĩa trang thị trấn Phủ Thông quy mô 5-10ha;

- Nghĩa trang nông thôn: Mỗi xã xây dựng 01 nghĩa trang tập trung với quy mô dự kiến 5-10 ha, vị trí theo quy hoạch các xã được phê duyệt.

11. Đánh giá môi trường chiến lược

- Xây dựng các điểm quan trắc tiếng ồn, không khí, nước mặt, nước ngầm, môi trường đất tại các cụm công nghiệp, khu đô thị theo đồ án.

- Tất cả các nhà máy, cụm công nghiệp, điểm công nghiệp đều phải có vành đai cây xanh; đồng thời phải tiến hành lập báo cáo Đánh giá tác động môi trường hoặc Kế hoạch bảo vệ môi trường theo đúng quy định của pháp luật.

- Ưu tiên các nhà đầu tư sử dụng lao động địa phương, hạn chế các tác động tới môi trường xã hội. Chú trọng công tác quản lý, kiểm tra bảo vệ môi trường.

12. Chương trình, dự án ưu tiên đầu tư

- Giai đoạn đến năm 2030: Tổng kinh phí khái toán vốn đầu tư xây dựng phát triển vùng dự kiến khoảng 45.530 tỷ đồng.

- Giai đoạn sau 2030: Kinh phí dự kiến cho các dự án ưu tiên đầu tư sẽ được xác định dựa trên quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, các chủ trương, nhu cầu phát triển của vùng.

- Nguồn vốn đầu tư: vốn ngân sách nhà nước (chủ yếu đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật hỗ trợ các vùng sản xuất, dân cư nông thôn, đô thị, an ninh quốc phòng...) và nguồn vốn xã hội hóa và các nguồn vốn hợp pháp khác.

13. Giải pháp thực hiện quy hoạch

Huy động các nguồn lực để lập quy hoạch, tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội, xây dựng hạ tầng các khu phát triển dân cư tập trung, khu tái định cư, tạo mặt bằng sạch để thu hút các dự án đầu tư...

- Khai thác có hiệu quả các nguồn tài nguyên, đất đai, cụ thể hóa cơ chế, chính sách cho phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương nhằm tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho doanh nghiệp đầu tư, khai thác sử dụng đất. Kiểm soát chặt chẽ các hoạt động phát triển xây dựng. Đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư phát triển các lĩnh vực y tế, giáo dục - đào tạo, văn hóa, thể thao, khoa học công nghệ, môi trường... theo quy định.

- Huy động vốn từ nhiều nguồn khác nhau để thực hiện: vốn ngân sách nhà nước; nguồn viện trợ và đầu tư từ chính phủ nước ngoài (ODA); vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI); vốn đầu tư trực tiếp từ nhà đầu tư tư nhân, doanh nghiệp; vốn xã hội hóa và các nguồn vốn hợp pháp khác.

14. Tổ chức thực hiện

a) Sở Xây dựng

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và UBND tỉnh về tính chính xác của các nội dung, thông tin, số liệu, tài liệu, hệ thống sơ đồ, dữ liệu, chỉ tiêu kỹ thuật của đồ án đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định của pháp luật.

- Chủ trì, phối hợp với UBND các huyện Chợ Mới, Bạch Thông và thành phố Bắc Kạn (sau sáp nhập gồm các xã: Tân Kỳ, Thanh Mai, Thanh Thịnh, Chợ Mới, Yên Bình, Phú Thông, Cẩm Giàng, Bạch Thông, Vĩnh Thông, Phong Quang và 02 phường: Bắc Kạn, Đức Xuân) và các đơn vị liên quan tổ chức công bố công khai đồ án Quy hoạch được duyệt theo quy định.

- Theo chức năng nhiệm vụ thực hiện việc kiểm tra, giám sát, quản lý công tác xây dựng theo quy hoạch được duyệt và các quy định của pháp luật có liên quan.

b) UBND các huyện Chợ Mới, Bạch Thông và thành phố Bắc Kạn (sau sáp nhập gồm các xã: Tân Kỳ, Thanh Mai, Thanh Thịnh, Chợ Mới, Yên Bình, Phú Thông, Cẩm Giàng, Bạch Thông, Vĩnh Thông, Phong Quang và 02 phường: Bắc Kạn, Đức Xuân)

- Phối hợp với Sở Xây dựng tổ chức công bố công khai đồ án Quy hoạch được duyệt theo quy định.

- Quản lý chặt chẽ quỹ đất và trật tự xây dựng theo quy hoạch được duyệt và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Căn cứ Đồ án quy hoạch được duyệt triển khai việc lập các quy hoạch xây dựng có liên quan tại các khu vực theo yêu cầu phát triển, quản lý đô thị hoặc nhu cầu đầu tư xây dựng.

c) Các Sở: Tài chính; Nông nghiệp và Môi trường; Công Thương; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Khoa học và công nghệ và các cơ quan, đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm cập nhật quy hoạch theo ngành để quản lý, tổ chức thực hiện quy hoạch theo quy định.

PHỤ LỤC SỐ 02

NỘI DUNG ĐỒ ÁN QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG HUYỆN (LIÊN XÃ) CHỢ ĐỒN, BA BỂ, PÁC NẶM VÀ KẾT NỐI LIÊN VÙNG (KẾT NỐI LIÊN XÃ) CHỢ ĐỒN, BA BỂ, PÁC NẶM, TỈNH BẮC KẠN GIAI ĐOẠN 2022 ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Tờ trình số *146* /TTr-UBND ngày *15* /6/2025 của UBND tỉnh Bắc Kạn)

1. Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch:

1.1. Phạm vi, ranh giới nghiên cứu kết nối vùng liên huyện (kết nối liên xã)

a) Phạm vi: Vùng liên huyện (kết nối liên xã) Chợ Đồn, Ba Bể, Pác Nặm nằm ở vị trí phía Tây của tỉnh Bắc Kạn; thuộc địa giới hành chính 03 huyện (liên xã) Chợ Đồn, Ba Bể, Pác Nặm.

b) Ranh giới: Phía Bắc giáp tỉnh Cao Bằng; Phía Đông giáp huyện (liên xã) Bạch Thông; Phía Tây giáp tỉnh Tuyên Quang và Phía Nam giáp huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên.

1.2. Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch vùng huyện (liên xã).

a) Vùng huyện (liên xã) Chợ Đồn

- Phạm vi: Bao gồm toàn bộ địa giới hành chính huyện Chợ Đồn hiện nay (gồm 1 thị trấn và 19 xã), sau sáp nhập gồm 06 xã: Nam Cường, Quảng Bạch, Yên Thịnh, Chợ Đồn, Yên Phong, Nghĩa Tá, một phần xã Đồng Phúc (xã Bằng Phúc hiện nay) và một phần xã Bạch Thông (xã Đồng Thắng hiện nay).

- Ranh giới: Phía Bắc giáp huyện Ba Bể; Phía Đông giáp huyện Bạch Thông, huyện Chợ Mới; Phía Tây giáp các huyện Chiêm Hoá, Yên Sơn, Na Hang, tỉnh Tuyên Quang và Phía Nam giáp huyện Định Hoá tỉnh Thái Nguyên.

b) Vùng huyện (liên xã) Ba Bể

- Phạm vi: Bao gồm toàn bộ địa giới hành chính huyện Ba Bể hiện nay (gồm 1 thị trấn và 14 xã), sau sáp nhập gồm 05 xã: Thượng Minh, Phúc Lộc, Chợ Rã, Ba Bể, Đồng Phúc (không bao gồm xã Bằng Phúc hiện nay).

- Ranh giới: Phía Bắc giáp huyện Pác Nặm và tỉnh Cao Bằng; Phía Đông giáp huyện Ngân Sơn; Phía Tây giáp tỉnh Tuyên Quang và Phía Nam giáp huyện Chợ Đồn và huyện Bạch Thông.

c) Vùng huyện (liên xã) Pác Nặm

- Phạm vi: Bao gồm toàn bộ địa giới hành chính huyện Pác Nặm hiện nay (gồm 10 xã), sau sáp nhập gồm 03 xã: Bằng Thành, Nghiên Loan, Cao Minh.

- Ranh giới: Phía Bắc giáp huyện Bảo Lâm và huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng; Phía Đông giáp huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng; Phía Tây giáp huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang và Phía Nam giáp huyện Ba Bể.

2. Quy mô lập quy hoạch

2.1. Quy mô nghiên cứu kết nối vùng liên huyện (kết nối liên xã)

Vùng liên huyện (kết nối liên xã) Chợ Đồn, Ba Bể và Pác Nặm (sau sáp nhập gồm 14 xã: Bằng Thành, Nghiên Loan, Cao Minh, Thượng Minh, Phúc Lộc, Chợ

Rã, Ba Bể, Đồng Phúc, Nam Cường, Quảng Bạch, Yên Thịnh, Chợ Đồn, Yên Phong, Nghĩa Tá, một phần xã Đồng Phúc (xã Bằng Phúc hiện nay) và một phần xã Bạch Thông (xã Đồng Thắng hiện nay)) có tổng diện tích khoảng 207.022ha. Dân số hiện trạng là 135.715 người, dự báo đến năm 2030 khoảng 145.700 người và đến năm 2050 khoảng 177.000 người.

2.2. Quy mô lập quy hoạch vùng huyện (liên xã)

a) Vùng huyện (liên xã) Chợ Đồn: Tổng diện tích lập quy hoạch khoảng 91.210ha. Dân số hiện trạng là 51.230 người, dự báo đến năm 2030 khoảng 55.000 người và đến năm 2050 khoảng 67.000 người.

b) Vùng huyện (liên xã) Ba Bể: Tổng diện tích lập quy hoạch khoảng 68.468ha. Dân số hiện trạng là 49.934 người; dự báo đến năm 2030 khoảng 53.600 người và đến năm 2050 khoảng 65.000 người.

c) Vùng huyện (liên xã) Pác Nặm: Tổng diện tích lập quy hoạch khoảng 47.344ha. Dân số hiện trạng là 34.551 người, dân số dự báo đến năm 2030 khoảng 37.100 người và đến năm 2050 khoảng 45.000 người.

3. Quan điểm

- Quy hoạch xây dựng vùng huyện (liên xã) Chợ Đồn, Ba Bể, Pác Nặm và kết nối liên huyện (kết nối liên xã) Chợ Đồn, Ba Bể, Pác Nặm nhằm thúc đẩy phát triển, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

- Gắn phát triển kinh tế, xã hội với đảm bảo quốc phòng, an ninh, nhất là các vị trí chiến lược trên địa bàn các huyện, vùng liên huyện; kết hợp cải tạo tự nhiên với phòng chống thiên tai, đặc biệt là những bất lợi của điều kiện thời tiết, địa hình. Gắn bảo vệ môi trường sinh thái, phòng, chống thiên tai với sử dụng hợp lý, có hiệu quả nguồn tài nguyên.

- Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, phát triển nguồn nhân lực thu hút đầu tư, khai thác các nguồn lực bên trong và bên ngoài.

4. Mục tiêu

- Cụ thể hóa các định hướng phát triển kinh tế xã hội tỉnh Bắc Kạn phù hợp với Quy hoạch tỉnh Bắc Kạn thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050, đảm bảo phù hợp với hiện trạng và nhu cầu phát triển xã hội của từng vùng trong tỉnh.

- Phát huy thế mạnh về vị trí chiến lược của từng vùng, các tiềm năng về thương mại dịch vụ, du lịch, văn hóa, sinh thái và cảnh quan, công nghiệp, nông nghiệp để tạo ra bước tăng trưởng kinh tế, nâng cao vai trò vị thế của từng vùng.

- Góp phần phát huy sức mạnh tổng hợp, tiềm năng và lợi thế của từng vùng để thúc đẩy kinh tế tăng trưởng nhanh và bền vững, văn hóa - xã hội phát triển; đời sống nhân dân được nâng cao; quốc phòng an ninh đảm bảo vững chắc.

- Hình thành hệ thống đô thị, nông thôn, đề xuất phát triển không gian cho các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, xây dựng, du lịch dịch vụ; tổ chức hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng giao thông và phân bố các công trình hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo môi trường bền vững ở đô thị và nông thôn.

- Bảo vệ môi trường, di sản văn hóa lịch sử, cảnh quan thiên nhiên. Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa từng vùng.

- Tạo lập cơ sở pháp lý để triển khai và quản lý quy hoạch, làm tiền đề thu hút đầu tư, định hướng phát triển hợp lý các nguồn lực nhằm tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn từng vùng.

5. Tính chất, chức năng, định hướng phát triển

5.1. Vùng liên huyện (kết nối liên xã)

a) Tính chất, chức năng: Là khu vực có thế mạnh về phát triển du lịch với các loại hình du lịch như du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, du lịch thể thao, lễ hội, văn hóa, lịch sử; phát triển đa dạng các ngành như dịch vụ, thương mại và công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản, công nghiệp chế biến nông, lâm sản, phát triển chăn nuôi đại gia súc, công nghiệp phục vụ du lịch.

b) Định hướng phát triển: Phát triển khu du lịch hồ Ba Bể trở thành Khu du lịch quốc gia, kết hợp với phát triển du lịch khu di tích lịch sử ATK Chợ Đồn. Xây dựng các làng nghề gắn với du lịch trải nghiệm, tìm hiểu bản sắc, văn hóa dân tộc, truyền thống địa phương... Phát triển các CCN bên cạnh các vùng phát triển đô thị và cạnh các trục giao thông liên vùng.

5.2. Vùng huyện (liên xã)

5.2.1. Vùng huyện (liên xã) Chợ Đồn

a) Tính chất, chức năng: Là vùng phát triển công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản; phát triển sản xuất, chế biến nông lâm nghiệp hàng hóa và phát triển du lịch văn hóa. Là vùng phía Tây của tỉnh.

b) Định hướng phát triển: Phát triển khu vực dân cư tập trung tại thị trấn Bằng Lũng và một phần xã Ngọc Phái hiện nay (trung tâm xã Chợ Đồn sau sáp nhập) theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành. Phát triển các CCN: Bản Thi, Ngọc Phái, Nam Bằng Lũng, Bình Trung, Bằng Phúc và Yên Phong. Phát triển các khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng kết hợp làm nông nghiệp, du lịch văn hóa lịch sử, du lịch về nguồn tại khu ATK Chợ Đồn. Hướng nền sản xuất nông nghiệp gắn với công nghệ cao, gắn với thị trường tiêu thụ và chế biến.

5.2.2. Vùng huyện (liên xã) Ba Bể

a) Tính chất, chức năng: Là khu vực cửa ngõ phía Tây Bắc của tỉnh Bắc Kạn kết nối với Tuyên Quang. Là khu vực trọng điểm về phát triển du lịch của tỉnh, với hạt nhân là hồ Ba Bể, là vùng phát triển đa dạng các loại hình du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, trải nghiệm, văn hóa cộng đồng, lễ hội, tâm linh, lịch sử, vui chơi giải trí, chăm sóc sức khỏe,... Là vùng phát triển về nông nghiệp, công nghiệp chế biến lâm sản, chế biến thực phẩm.

b) Định hướng phát triển: Phát triển khu vực dân cư tập trung tại thị trấn Chợ Rã, xã Thượng Giáo và một phần xã Địa Linh, một phần xã Bành Trạch hiện nay (trung tâm xã Chợ Rã và một phần xã Phúc Lộc sau sáp nhập) theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành. Quy hoạch mới khu vực phát triển dân cư tập trung tại xã

Khang Ninh hiện nay (trung tâm xã Khang Ninh sau sáp nhập) đóng vai trò hỗ trợ, cung cấp các dịch vụ nhằm phát triển du lịch hồ Ba Bể. Phát triển các CCN Chu Hương, Lũng Diếc. Phát triển nền sản xuất nông nghiệp gắn với công nghệ cao. Phát triển du lịch đa dạng với nhiều các loại hình du lịch: Nghỉ dưỡng, sinh thái, khám phá, văn hóa, lịch sử, thương mại dịch vụ, vui chơi giải trí (sân golf) ...

5.2.3. Vùng huyện (liên xã) Pác Nặm

a) Tính chất, chức năng: Là cửa ngõ phía Tây Bắc tỉnh Bắc Kạn kết nối với tỉnh Cao Bằng, đóng vai trò là vùng phát triển nông nghiệp kết hợp du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng. Là vùng có chiến lược về an ninh quốc phòng của tỉnh cũng như của vùng Trung du miền núi phía Bắc.

b) Định hướng phát triển: Phát triển khu vực dân cư tập trung tại trung tâm xã Bộc Bó hiện nay (trung tâm xã Bằng Thành sau sáp nhập) theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành. Phát triển tiểu thủ công nghiệp gắn với du lịch, dịch vụ, hình thành 01 CCN Nghiên Loan. Xây dựng phát triển các điểm du lịch hấp dẫn như suối Nà Lầy, thác Khuổi Khoang, thôn Nà Lầy,.... Phát triển du lịch cộng đồng, văn hóa và du lịch lễ hội như lễ hội Mù Là.

6. Dự báo phát triển kinh tế, dân số, lao động, nhu cầu về đất đai, tỷ lệ đô thị hóa theo các giai đoạn phát triển

6.1. Dự báo phát triển kinh tế.

Đến năm 2030, cơ cấu kinh tế: Ngành dịch vụ chiếm 37%, ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 32,67%, ngành công nghiệp, xây dựng chiếm 30,33%. Đến năm 2050, cơ cấu kinh tế: Ngành dịch vụ chiếm 39%, ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 32%, ngành công nghiệp, xây dựng chiếm 29%.

6.2. Dự báo dân số, lao động, tỷ lệ đô thị hóa

Đến năm 2030 dân số toàn vùng khoảng 145.700 người; tỷ lệ đô thị hóa là khoảng 17,6%, dân số đô thị khoảng 26.000 người. Đến năm 2050 dân số toàn vùng khoảng 177.000 người; tỷ lệ đô thị hóa là khoảng 29,0 %, dân số đô thị khoảng 53.700 người.

6.3. Dự báo nhu cầu đất đai

Đến năm 2030: Đất dành cho phát triển xây dựng khoảng 12.184ha, chiếm 5,89%. Đất sản xuất nông lâm nghiệp và các chức năng khác khoảng 193.884 ha, chiếm 93,65%. Đất chưa sử dụng 954 ha, chiếm 0,46%. Dự kiến đến năm 2050: Đất dành cho phát triển xây dựng khoảng 23.180 ha, chiếm 11,20%. Đất sản xuất nông lâm nghiệp và các chức năng khác khoảng 182.888 ha, chiếm 88,34%. Đất chưa sử dụng 954 ha, chiếm 0,46%.

7. Phân vùng và liên kết phát triển

7.1. Phân vùng liên huyện (kết nối liên xã). Gồm 05 vùng.

a) Vùng 1 - Vùng phát triển nông lâm nghiệp sinh thái: Gồm 02 khu vực

- Khu vực tại phía Bắc bao gồm toàn bộ xã Bộc Bó, xã Giáo Hiệu, Nhận Môn, Bằng Thành (xã Bằng Thành sau sáp nhập); xã Công Bằng (một phần xã Cao

Minh sau sáp nhập); xã Xuân La, xã An Thắng (một phần xã Nghiên Loan sau sáp nhập); xã Bành Trạch, xã Phúc Lộc, xã Hà Hiệu (xã Phúc Lộc sau sáp nhập); một phần các xã Yên Dương, Chu Hương, Mỹ Phương (một phần xã Thượng Minh sau sáp nhập), có diện tích 61.062,68 ha

- Khu vực tại phía Nam bao gồm toàn bộ xã Phương Viên (một phần xã Chợ Đồn sau sáp nhập); xã Đồng Thắng (một phần xã Bạch Thông sau sáp nhập); xã Đại Sảo, xã Yên Mỹ, xã Yên Phong (xã Yên Phong sau sáp nhập), có diện tích 19.941,7 ha.

Tính chất, chức năng: Vùng phát triển nông, lâm nghiệp sinh thái phía Bắc của vùng, phát triển kinh tế tổng hợp trong đó: nông lâm nghiệp là chủ đạo gắn với phát triển kinh tế rừng, công nghiệp chế biến nông lâm sản. Phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch cộng đồng mang bản sắc vùng miền.

b) *Vùng 2 - Vùng phát triển dịch vụ du lịch phụ trợ Vườn quốc gia Ba Bể*: bao gồm xã Cổ Linh, xã Cao Tân (một phần xã Cao Minh sau sáp nhập); xã Nghiên Loan (một phần xã Nghiên Loan sau sáp nhập); xã Khang Ninh (một phần xã Ba Bể sau sáp nhập); xã Thượng Giáo, thị trấn Chợ Rã, xã Địa Linh (xã Chợ Rã sau sáp nhập); xã Bằng Phúc, và một phần các xã Đồng Phúc, xã Quảng Khê, Hoàng Trĩ (xã Đồng Phúc sau sáp nhập); xã Xuân Lạc, xã Đồng Lạc, xã Nam Cường (xã Nam Cường sau sáp nhập), có diện tích 65.849,2 ha.

Tính chất, chức năng: Là vùng phát triển kinh tế tổng hợp trong đó phát triển dịch vụ du lịch hỗ trợ Vườn quốc gia Ba Bể là chủ đạo, phát triển thương mại dịch vụ, công nghiệp khai khoáng, sản xuất vật liệu xây dựng.

c) *Vùng 3 - Vùng lõi sinh thái vườn quốc gia Ba Bể*: bao gồm xã Nam Mẫu và 1 phần các xã Khang Ninh, Cao Thượng (một phần xã Ba Bể sau sáp nhập); xã Thượng Giáo (một phần xã Chợ Rã sau sáp nhập); một phần xã Quảng Khê (một phần xã Đồng Phúc sau sáp nhập), có diện tích 10.048 ha.

Tính chất, chức năng: Là khu di tích quốc gia đặc biệt. Bảo tồn và phát huy giá trị danh lam thắng cảnh, môi trường sinh thái.

d) *Vùng 4 - Vùng phát triển khu dân cư tập trung và công nghiệp khai khoáng*: bao gồm xã Quảng Bạch (một phần xã Quảng Bạch sau sáp nhập), xã Ngọc Phái, thị trấn Bằng Lũng, xã Bằng Lăng (xã Chợ Đồn sau sáp nhập) và một phần xã Bản Thi (một phần xã Yên Thịnh sau sáp nhập), có diện tích 17.729,46 ha.

Tính chất, chức năng: là vùng phát triển kinh tế tổng hợp trong đó: công nghiệp khai thác khoáng sản, chế biến khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng là chủ đạo, dịch vụ du lịch, thương mại, nông nghiệp chất lượng cao. Có vai trò cung ứng các dịch vụ hỗ trợ cho công nghiệp, phát triển du lịch, hình thành các trung tâm hoạt động hấp dẫn, đa dạng dịch vụ.

e) *Vùng 5 - Vùng phát triển du lịch, dịch vụ, sinh thái, văn hóa lịch sử*: bao gồm xã Bình Trung, Nghĩa Tá, Lương Bằng (xã Nghĩa Tá sau sáp nhập); xã Yên Thượng,

Yên Thịnh, một phần Bản Thi (một phần xã Yên Thịnh sau sáp nhập); một phần xã Xuân Lạc (một phần xã Nam Cường sau sáp nhập), có diện tích 32.389,96 ha

Tính chất, chức năng: Là vùng phát triển kinh tế du lịch dựa trên các giá trị về cảnh quan thiên nhiên, di tích lịch sử ATK Chợ Đồn, Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Nam Xuân Lạc. Phát triển đồng thời nông lâm nghiệp, công nghiệp khai khoáng...

7.2. Phân vùng huyện (liên xã)

7.2.1. Phân vùng huyện (liên xã) Chợ Đồn: Chia làm 4 phân vùng phát triển

a) *Phân vùng 1: Trung tâm thương mại - du lịch - dịch vụ và phát triển công nghiệp*: bao gồm thị trấn Bằng Lũng, xã Bằng Lăng, Ngọc Phái (một phần xã Chợ Đồn sau sáp nhập); xã Quảng Bạch (một phần xã Quảng Bạch sau sáp nhập); xã Bản Thi (một phần xã Yên Thịnh sau sáp nhập), có diện tích 22.044,92 ha.

Tính chất chức năng: là vùng phát triển kinh tế tổng hợp, trong đó: công nghiệp khai thác khoáng sản, chế biến khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng là chủ đạo, dịch vụ du lịch, thương mại, nông nghiệp chất lượng cao. Có vai trò cung ứng các dịch vụ hỗ trợ cho công nghiệp, phát triển du lịch, hình thành các trung tâm hoạt động hấp dẫn, đa dạng dịch vụ.

b) *Phân vùng 2: Vùng phát triển du lịch văn hóa lịch sử ATK Chợ Đồn, nông lâm nghiệp công nghệ cao*: bao gồm các xã Yên Thịnh, Yên Thượng (một phần xã Yên Thịnh sau sáp nhập); các xã Lương Bằng, Nghĩa Tá, Bình Trung (xã Nghĩa Tá sau sáp nhập), có diện tích 26.758,53 ha.

Tính chất chức năng: Là vùng phát triển kinh tế du lịch dựa trên các giá trị về cảnh quan thiên nhiên, di tích lịch sử ATK Chợ Đồn. Phát triển đồng thời nông lâm nghiệp, thương mại dịch vụ.

c) *Phân vùng 3: Vùng phát triển kinh tế nông lâm nghiệp*: bao gồm xã Phương Viên (một phần xã Chợ Đồn sau sáp nhập); xã Đồng Thắng (một phần xã Bạch Thông sau sáp nhập); các xã Đại Sảo, Yên Mỹ, Yên Phong (xã Yên Phong sau sáp nhập), có diện tích 19.959,9 ha.

Tính chất chức năng: phát triển kinh tế tổng hợp trong đó : nông lâm nghiệp là chủ đạo gắn với phát triển kinh tế rừng, công nghiệp chế biến nông lâm sản. Phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch cộng đồng mang bản sắc vùng miền.

d) *Phân vùng 4: Vùng Tây Bắc huyện Chợ Đồn – hỗ trợ phát triển du lịch hồ Ba Bể, phát triển nông nghiệp đặc trưng*: bao gồm các xã Xuân Lạc, Nam Cường, Đồng Lạc (xã Nam Cường sau sáp nhập); xã Tân Lập (một phần xã Quảng Bạch sau sáp nhập); xã Bằng Phúc (một phần xã Đồng Phúc sau sáp nhập), có diện tích 22.446,22 ha.

Tính chất, chức năng: Là vùng phát triển kinh tế tổng hợp trong đó phát triển dịch vụ du lịch hỗ trợ Vườn quốc gia Ba Bể là chủ đạo, phát triển thương mại dịch vụ, công nghiệp khai khoáng, sản xuất vật liệu xây dựng, nông lâm nghiệp chất lượng cao.

7.2.2. Phân vùng huyện (liên xã) Ba Bể. Chia làm 3 phân vùng phát triển

a) *Phân vùng 1: Vùng trung tâm, thương mại dịch vụ, du lịch:* bao gồm thị trấn Chợ Rã, xã Thượng Giáo, xã Địa Linh (xã Chợ Rã sau sáp nhập) và xã Bành Trạch (một phần xã Phúc Lộc sau sáp nhập), có diện tích 15.266,55ha.

Tính chất, chức năng: Là trung tâm kinh tế - văn hóa - xã hội, là hạt nhân tiêu vùng phía Tây Bắc, là đầu mối giao thông có vai trò thúc đẩy KT-XH của huyện và vùng liên huyện.

b) *Phân vùng 2: Vùng động lực phát triển du lịch, dịch vụ:* bao gồm các xã Cao Thượng, Khang Ninh, Nam Mẫu (xã Ba Bể sau sáp nhập), xã Quảng Khê, Hoàng Trĩ, Đồng Phúc (một phần xã Đồng Phúc sau sáp nhập), có diện tích 29.711,82ha.

Tính chất, chức năng: Là vùng phát triển du lịch của toàn tỉnh với trọng tâm là vườn quốc gia Ba Bể gắn kết với khu vực phát triển dân cư tập trung mới Khang Ninh.

c) *Phân vùng 3: Vùng phát triển nông, lâm, công nghiệp và du lịch trải nghiệm:* bao gồm các xã Phúc Lộc, Hà Hiệu (một phần xã Phúc Lộc sau sáp nhập), các xã Yên Dương, Chu Hương, Mỹ Phương (xã Thượng Minh sau sáp nhập), có diện tích 23.489,22 ha.

Tính chất, chức năng: Là vùng phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp gắn với phát triển kinh tế rừng, công nghiệp chế biến và phát triển mô hình du lịch trải nghiệm kết hợp với các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung.

7.2.3. *Phân vùng huyện (liên xã) Pác Nặm.* Chia làm 4 phân vùng phát triển

a) *Phân vùng 1: Trung tâm thương mại – du lịch – dịch vụ và phụ trợ:* gồm xã Bộc Bó (trung tâm xã Bằng Thành sau sáp nhập); xã Xuân La (một phần xã Nghiên Loạn sau sáp nhập), có diện tích 9.255,38 ha.

Tính chất chức năng: là vùng trung tâm, phát triển kinh tế tổng hợp. Có vai trò cung ứng các dịch vụ hỗ trợ cho công nghiệp, phát triển du lịch, hình thành các trung tâm hoạt động hấp dẫn, đa dạng dịch vụ.

b) *Phân vùng 2: Vùng hỗ trợ du lịch Ba Bể và phát triển Nông nghiệp đặc trưng:* bao gồm các xã Cổ Linh, Cao Tân (một phần xã Cao Minh sau sáp nhập); các xã Nghiên Loạn, An Thắng (một phần xã Nghiên Loạn sau sáp nhập), có diện tích 17.101,55 ha.

Tính chất chức năng: Là vùng hỗ trợ phát triển kết nối du lịch vùng liên huyện (kết nối liên xã) Ba Bể, Pác Nặm và tập trung khai thác các giá trị cảnh quan, văn hóa lịch sử sẵn có của huyện (liên xã) phát triển nông nghiệp đặc trưng của huyện (liên xã) Pác Nặm, kết nối trực tiếp các không gian phát triển liên vùng trong toàn tỉnh Bắc Kạn.

c) *Phân vùng 3: Vùng phát triển Lâm nghiệp, dịch vụ du lịch sinh thái:* bao gồm các xã Giáo Hiệu, Nhạn Môn (một phần xã Bằng Thành sau sáp nhập); xã Công Bằng (một phần xã Cao Minh sau sáp nhập), có diện tích 12.426,28 ha.

Tính chất chức năng: là vùng tập trung phát triển kinh tế rừng, khai thác các không gian phát triển du lịch tự nhiên, cửa ngõ phía tây kết nối với tỉnh Tuyên Quang.

d) *Phân vùng 4: Vùng phát triển công nghiệp khai thác, sản xuất VLXD, nông lâm nghiệp bền vững*: bao gồm địa giới hành chính xã Bằng Thành hiện nay (xã Bằng Thành sau sáp nhập) có diện tích 8.561,03 ha.

Tính chất chức năng: là vùng tập trung phát triển công nghiệp khai thác VLXD, phát triển nông lâm nghiệp theo hướng bền vững, không gian cửa ngõ phía bắc kết nối trực tiếp với tỉnh Cao Bằng, không gian kết nối du lịch.

8. Định hướng kết nối vùng liên huyện (kết nối liên xã)

8.1. Kết nối về hạ tầng giao thông

Có 08 tuyến giao thông kết nối, bao gồm 06 tuyến trục ngang theo hướng Đông - Tây và 02 tuyến trục dọc theo hướng Bắc - Nam. Cụ thể:

- 06 tuyến trục ngang theo hướng Đông - Tây, gồm: (1) Tuyến Quốc lộ 3B; (2) Tuyến Thanh Mai - Linh Vận kết nối với ĐT.259B về phía Đông; kết nối với tỉnh Tuyên Quang tại ĐT.195 về phía Tây; (3) Tuyến Quốc lộ 279; (4) Tuyến Bắc Kạn - Ba Bể; (5) Tuyến kết nối trực tiếp Vườn quốc gia Ba Bể với Vườn quốc gia Phja Oắc. Điểm đầu tại QL279, điểm cuối kết nối với ĐT.253 Cao Bằng; (6) Quy hoạch mới trục giao thông kết nối về phía Đông tại ĐT. 252 (một phần đi qua địa phận Cao Bằng). Phía Tây kết nối với đường Đà Vị - Hồng Thái, Tuyên Quang.

- 02 tuyến trục dọc theo hướng Bắc - Nam, gồm: (1) Tuyến Quốc lộ 3C (gồm tuyến hiện hữu và nâng cấp từ ĐT 254, ĐT 258); (2) gồm các tuyến ĐT.254B, ĐT 257B và tuyến Chợ Rã – Ba Bể quy hoạch mới (điểm đầu tuyến tại QL279 Chợ Rã, điểm cuối tại quốc lộ 3C Bộc Bó).

8.2. Kết nối về không gian phát triển.

- Các khu phát triển dân cư tập trung: Phát triển 04 khu trên cơ sở thị trấn Bằng Lũng (trung tâm xã Chợ Đồn sau sáp nhập), thị trấn Chợ Rã (trung tâm xã Chợ Rã sau sáp nhập), trung tâm xã Bộc Bó (trung tâm xã Bằng Thành sau sáp nhập), xã Khang Ninh (trung tâm xã Ba Bể sau sáp nhập) đáp ứng các chỉ tiêu theo tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

- Không gian động lực phát triển vùng bao gồm: Vườn quốc gia Ba Bể, Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Nam Xuân Lạc, Vùng bảo vệ di tích ATK Chợ Đồn và không gian lễ hội truyền thống Mù Là.

- Hành lang kinh tế: Hành lang kinh tế gắn với Quốc lộ 3C.

- Hành lang liên kết vùng: 03 hành lang liên kết vùng gồm: Tuyến Bắc Kạn - hồ Ba Bể, kết nối sang Na Hang, Tuyên Quang; tuyến Quốc lộ 279; tuyến Quốc lộ 3B.

- Cực tăng trưởng: Cực tăng trưởng về công nghiệp - đô thị - du lịch phía Tây huyện Chợ Đồn; Cực tăng trưởng du lịch tại khu vực hồ Ba Bể.

9. Định hướng phát triển không gian vùng liên huyện (kết nối liên xã)

9.1. Định hướng phát triển không gian khu vực dân cư tập trung: Đến năm 2030, phát triển 04 khu dân cư tập trung bao gồm thị trấn Bằng Lũng (trung tâm xã Chợ Đồn sau sáp nhập), thị trấn Chợ Rã (trung tâm xã Chợ Rã sau sáp nhập), xã Khang Ninh (trung tâm xã Ba Bể sau sáp nhập), xã Bộc Bó (trung tâm xã Bằng Thành sau sáp nhập). Định hướng đến năm 2050 hình thành phát triển thêm các khu dân cư tập trung mới bao gồm: Bằng Phúc, Quảng Khê - Đồn Đền (xã Đồng Phúc sau sáp nhập), Bản Thi (xã Yên Thịnh sau sáp nhập), Cổ Linh (xã Cao Minh sau sáp nhập).

9.2. Định hướng phát triển hệ thống điểm dân cư nông thôn:

- Tiếp tục phát triển các vùng dân cư nông thôn theo cấu trúc mạng như hiện nay. Tuân thủ định hướng của các đồ án quy hoạch chung xây dựng xã đã được phê duyệt. Xây dựng các trung tâm xã mới thành thành trung tâm dịch vụ, công - nông nghiệp tạo tiền đề thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, quá trình đô thị hóa và hoàn thiện kết cấu hạ tầng của xã. Mỗi trung tâm xã bố trí 01 cụm đổi mới sáng tạo có diện tích 3-5 ha phục vụ hỗ trợ du lịch, phục vụ hỗ trợ nông lâm nghiệp (với các chức năng hỗn hợp: dịch vụ thương mại, dừng chân, sinh hoạt văn hoá cộng đồng + cơ sở lưu trú du lịch + tiếp vận, trạm thông tin + kiến trúc đặc trưng). Bố trí gần các khu di tích, điểm du lịch để hỗ trợ phát triển.

- Phát triển các trung tâm xã trở thành các trung tâm dịch vụ, gắn với sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tại khu vực nông thôn, phù hợp với tập quán sinh hoạt.

- Cải tạo, xây dựng kiến trúc nhà ở và cơ sở hạ tầng nông thôn phù hợp với điều kiện sống của dân cư theo đặc trưng từng vùng, không phá vỡ cảnh quan sinh thái nông thôn; đối với các điểm dân cư mới phát triển phải có quy hoạch kiến trúc cảnh quan phù hợp với truyền thống, đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội.

9.3. Định hướng phát triển công nghiệp:

- Đầu tư xây dựng và phát triển 02 cụm công nghiệp, gồm: (1) CCN Nam Bằng Lũng tại thị trấn Bằng Lũng (trung tâm xã Chợ Đồn sau sáp nhập), quy mô 20ha; (2) CCN Chu Hương tại xã Chu Hương (xã Thượng Minh sau sáp nhập), quy mô 18ha.

- Quy hoạch 07 cụm công nghiệp, gồm: (1) CCN Lũng Diếc tại xã Bành Trạch (xã Phúc Lộc sau sáp nhập), quy mô 10ha; (2) CCN Bản Thi tại xã Bản Thi (xã Yên Thịnh sau sáp nhập), quy mô 15ha; (3) CCN Ngọc Phái tại xã Ngọc Phái, xã Bản Thi (xã Chợ Đồn và xã Yên Thịnh sau sáp nhập), quy mô 30ha; (4) CCN Bình Trung tại xã Bình Trung (xã Nghĩa Tá sau sáp nhập), quy mô 10ha; (5) CCN Bằng Phúc tại xã Bằng Phúc (xã Đồng Phúc sau sáp nhập), quy mô 20ha; (6) CCN

Yên Phong tại xã Yên Phong (xã Yên Phong sau sáp nhập), quy mô 25ha; (7) CCN Pác Nặm tại xã Nghiên Loan (xã Nghiên Loan sau sáp nhập), quy mô 10ha. Nghiên cứu, thành lập và ĐTXD hạ tầng kỹ thuật các CCN trên khi tình được bổ sung, điều chỉnh chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về cụm công nghiệp.

- Định hướng công nghiệp khai khoáng: Tuân thủ theo quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt tại Quyết định số 866/QĐ-TTg ngày 18/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

- Công nghiệp năng lượng: Duy trì và phát triển công nghiệp điện năng (thủy điện, điện gió, điện mặt trời).

9.4. Định hướng phát triển dịch vụ thương mại.

- Hệ thống chợ: Đến năm 2030 huyện (liên xã) Pác Nặm có 02 chợ đầu mối (chợ trâu bò Nghiên Loan và Công Bằng), huyện (liên xã) Ba Bể có 01 chợ hạng I (Chợ Trung tâm huyện Ba Bể), huyện (liên xã) Chợ Đồn có 01 chợ hạng I (Chợ thị trấn Bằng Lũng).

- Trung tâm thương mại: Phát triển 01 Trung tâm thương mại ở trung tâm Chợ Rã, quy mô loại III.

- Siêu thị: Đến năm 2030 trên địa bàn vùng huyện (liên xã) Chợ Đồn, Ba Bể, Pác Nặm mỗi vùng có một siêu thị hạng III trở lên.

- Trung tâm trưng bày và giới thiệu sản phẩm: Đặt tại các làng nghề, trang trại, các khu du lịch, trung tâm các khu dân cư tập trung, trung tâm xã. Quy mô các trung tâm từ 5.000m² đến vài ha, tùy vào điều kiện kinh tế, sản phẩm và điều kiện đất đai.

9.5. Phân bố vùng nông, lâm nghiệp, thủy sản.

- Vùng trồng lúa: Toàn vùng có 8.237 ha đất trồng lúa chiếm 3,98% diện tích tự nhiên.

- Vùng trồng cây hàng năm khác: Hình thành các vùng trồng rau màu (su hào, cải xanh, bắp cải, bí xanh...) tại các xã có điều kiện đất đai phù hợp, đẩy mạnh phát triển các vùng trồng bí xanh thơm tại liên xã Ba Bể, trồng cây dong riềng liên xã Pác Nặm, vùng trồng cây hàng năm khác (khoai lang, đậu tương, mía lạc...) chủ yếu phát triển ở vùng bãi bồi ven sông suối....

- Vùng trồng cây lâu năm: Vùng trồng cây ăn quả (cam, quýt, hồng không hạt...): tập trung thâm canh, cải tạo, mở rộng diện tích trồng cây ăn quả trên địa bàn vùng liên huyện (liên xã). Phát triển vùng trồng chè ở huyện (liên xã) Chợ Đồn, Ba Bể. Tổng diện tích khoảng 2.606 ha.

- Vùng chăn nuôi: phát triển chăn nuôi tập trung, quy mô công nghiệp. Xuân Lạc, Nam Cường (xã Nam Cường sau sát nhập); Tân Lập, Quảng Bạch (xã Quảng Bạch sau sát nhập); Bản Thi (xã Yên Thịnh sau sát nhập), Bình Trung (xã Nghĩa Tá sau sát nhập); xã Nghiên Loan (xã Nghiên Loan sau sát nhập); Cổ Linh, Cao Tân, Công Bằng (xã Cao Minh sau sát nhập); Bằng Thành (xã Bằng Thành sau sát nhập); Các vùng chăn nuôi bò ngựa như: Phúc Lộc, Bành Trạch (xã Phúc Lộc sau sát nhập); Cao Thượng (xã Ba Bể sau sát nhập); Các xã chăn nuôi lợn như: xã Yên Dương (xã Thượng Minh sau sát nhập), Địa Linh, Thượng Giáo (xã Chợ Rã sau sát nhập); Các xã chăn nuôi dê: xã Phúc Lộc (xã Phúc Lộc sau sát nhập); Cao Thượng (xã Ba Bể sau sát nhập); Hoàng Trĩ, Quảng Khê (xã Đồng Phúc sau sát nhập); các xã chăn nuôi gia cầm: xã Hà Hiệu, Bành Trạch (xã Phúc Lộc sau sát nhập)...

- Lâm nghiệp: Duy trì tỷ lệ che phủ rừng của vùng trên 80%, với diện tích 172.854,16 ha, chất lượng rừng được nâng lên. Bảo tồn và phát triển rừng đặc dụng, diện tích 13.882 ha, bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ diện tích 35.898 ha. Phát triển rừng trồng nguyên liệu và công nghiệp chế biến gỗ.

9.6. Phân bố vùng phát triển du lịch.

Các trọng điểm phát triển du lịch của vùng được xác định như sau:

- Khu vực hồ Ba Bể: Du lịch sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng, tìm hiểu văn hóa dân tộc... Đây được coi là trọng điểm cần ưu tiên phát triển nhất làm động lực thúc đẩy phát triển du lịch của cả tỉnh.

- Khu vực khu ATK Chợ Đồn: gồm các điểm tham quan di tích lịch sử: Nà Pẩu, Khau Mạ, Khuổi Linh, Bản Ca, Nà Quân,....

- Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Nam Xuân Lạc: phát triển hình thức du lịch Safari tại những nơi có điều kiện kết hợp bảo tồn, du lịch sinh thái...

- Ngoài ra còn các điểm du lịch nhỏ nằm ngoài các khu du lịch như: Năm Tót, thôn Phiêng Tạc, xã Nhạn Môn (xã Bằng Thành sau sát nhập); điểm du lịch Slam Vè, thôn Nà Bể, xã Nhạn Môn (xã Bằng Thành sau sát nhập); thác Khuổi Khoang, xã Giáo Hiệu (Xã Bằng Thành sau sát nhập); Chợ trâu bò Nghiên Loan, chợ trâu bò Công Bằng; Cốc Nọt, xã Công Bằng (xã Cao Minh sau sát nhập); Mù Là, Búp Nùng, xã Cổ Linh (xã Cao Minh sau sát nhập); Đèo Yêu, xã Xuân La (xã Nghiên Loan sau sát nhập); Đồi Sim, xã An Thắng (xã Nghiên Loan sau sát nhập); Đồn Đền, xã Khang Ninh (Xã Ba Bể sau sát nhập); Điểm du lịch Lũng Tráng, xã Hà Hiệu (xã Phúc Lộc sau sát nhập)...

9.7. Phân bố hệ thống dịch vụ hạ tầng xã hội.

- Trung tâm hành chính: Xây dựng các khu trung tâm hành chính xã mới trên cơ sở sắp xếp đơn vị hành chính cấp cấp xã theo chủ trương.

- Trung tâm văn hóa, thể dục thể thao: Hoàn chỉnh hệ thống thiết chế văn hoá cấp xã theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành. Thu hút đầu tư 04 khu Tổ hợp khu sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng, văn hóa thể thao và sân golf bao gồm: 01 khu

tại xã Bằng Phúc, 02 khu tại xã Đồng Phúc (xã Đồng Phúc sau sáp nhập) và 01 khu tại thị trấn Chợ Rã (xã Chợ Rã sau sáp nhập) liên kết phục vụ phát triển du lịch.

- Trung tâm đào tạo: Đến năm 2030, trên địa bàn vùng có khoảng 45 trường mầm non, 32 trường tiểu học, 15 trường TH-THCS, 26 trường THCS, 05 trường THPT. Duy trì 03 trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên.

- Trung tâm y tế: nâng quy mô trung tâm y tế các huyện từ 255 giường lên ≥ 365 giường, cụ thể: Trung tâm Y tế Ba Bể: Quy mô giường bệnh ≥ 130 giường; Trung tâm Y tế Chợ Đồn: Quy mô giường bệnh ≥ 135 giường; Trung tâm Y tế Pác Nặm: Quy mô giường bệnh ≥ 100 giường. Xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo các trạm y tế xã mới đáp ứng tiêu chuẩn ngành, đảm bảo nhu cầu khám chữa bệnh cho người dân.

9.8. Phân bổ định hướng phát triển an ninh, quốc phòng.

Quy hoạch và xây dựng các dự án phát triển kinh tế - xã hội, phát triển du lịch gắn kết chặt chẽ giữa hai nhiệm vụ chiến lược phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng an ninh, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với xây dựng nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân vững chắc, đảm bảo quốc phòng - an ninh của vùng và quốc gia.

10. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật

10.1. Chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng

a) Cao độ nền xây dựng:

- Khu dân cư tập trung: trung tâm xã Bộc Bó (trung tâm xã Bằng Thành sau sáp nhập) $H_{xd} \geq H_{tt}$ (ứng với tần suất $P = 10\%$); thị trấn Chợ Rã (trung tâm xã Chợ Rã sau sáp nhập) $H_{xd} \geq H_{tt}$ (ứng với tần suất $P = 5\%$); xã Khang Ninh (trung tâm xã Ba Bể sau sáp nhập) $H_{xd} \geq H_{tt}$ (ứng với tần suất $P = 10\%$); thị trấn Bằng Lũng (trung tâm xã Chợ Đồn sau sáp nhập) $H_{xd} \geq H_{tt}$ (ứng với tần suất $P = 5\%$).

- Trung tâm các xã, khu vực nông thôn: Chọn giải pháp san lấp cục bộ cân bằng đào đắp tại chỗ, đối với khu vực có độ dốc $i < 10\%$. Đối với các khu vực có độ dốc $i > 10-30\%$ thì nên san nền giạt cấp trừ các công trình đặc thù cần mặt bằng lớn. Hạn chế tới mức tối đa việc đào đắp các sườn núi, sườn đồi và san lấp khu vực ven các trục tiêu thoát nước chính.

b) Thoát nước mặt:

- Định hướng thoát nước mưa của vùng là các lưu vực sông hiện có, gồm: sông Năng, Sông Cầu, sông Phó Đáy các suối hiện có, các hồ đập hiện có hoặc dự kiến xây dựng.

- Khu dân cư tập trung, trung tâm xã: Xây dựng hệ thống thoát nước riêng và nửa riêng.

- Khu vực nông thôn: Áp dụng hệ thống thoát nước hoạt động theo chế độ tự chảy trên cơ sở của độ dốc nền tự nhiên, giai đoạn đầu sử dụng hệ thống công chung cho nước thải sinh hoạt, giai đoạn sau tùy theo tính chất và sự phát triển có thể tách riêng hoặc vẫn sử dụng chung.

10.2. Giao thông

a) Đường bộ: Tuân thủ theo Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- **Cao tốc:** Tuyến cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên - Bắc Kạn - Cao Bằng (cao tốc CT-07) quy mô 4-6 làn xe. Chiều dài tuyến khoảng 5,72km.

- **Quốc lộ:**

+ Quốc lộ 279 định hướng quy mô tối thiểu đường cấp III-IV, 2-4 làn xe. Chiều dài tuyến khoảng 55,35km

+ Quốc lộ 3B nâng cấp đạt quy mô tối thiểu cấp III-IV miền núi, 2- 4 làn xe. Chiều dài tuyến khoảng 41km

+ Quốc lộ 3C: Cải tạo tuyến hiện hữu và nâng cấp từ đường tỉnh 254, đường tỉnh 258 quy mô tối thiểu đường cấp IV, 2 làn xe. Chiều dài tuyến khoảng 136,02km.

- **Đường tỉnh:**

+ Đường thành phố Bắc Kạn - Ba Bể quy mô tối thiểu đường cấp III-IV-MN, 2 làn xe. Chiều dài tuyến khoảng 26,6km.

+ Đường tỉnh 253 nâng cấp đạt quy mô tối thiểu cấp IV-MN, 2 làn xe. Chiều dài tuyến khoảng 25,2km.

+ Đường tỉnh 254B quy mô tối thiểu đường cấp V-MN. Chiều dài tuyến khoảng 23km.

+ Đường tỉnh 257B nâng cấp cải tạo toàn tuyến đạt quy mô tối thiểu đường cấp V-MN. Chiều dài tuyến khoảng 54km.

+ Đường tỉnh 257C nâng cấp cải tạo toàn tuyến đạt quy mô tối thiểu đường cấp V-MN. Chiều dài tuyến khoảng 21km.

+ Đường tỉnh 259B nâng cấp cải tạo đạt quy mô tối thiểu đường cấp V-MN. Chiều dài tuyến khoảng 10,5km.

+ Đường tỉnh 258 điều chỉnh, nâng cấp quy mô tối thiểu đường cấp IV-MN, 2 làn xe. Chiều dài tuyến khoảng 24,43km.

+ Đường tỉnh 258B điều chỉnh, nâng cấp quy mô tối thiểu đường cấp V-MN. Chiều dài tuyến khoảng 41,8km.

+ Quy hoạch tuyến Quảng Khê - Khang Ninh: Điểm đầu tại tuyến đường Bắc Kạn - Ba Bể xã Quảng Khê, điểm cuối tại QL3C xã Khang Ninh. Quy mô tối thiểu đường cấp VI-MN. Chiều dài tuyến khoảng 20km.

+ Quy hoạch mới tuyến Công Bằng - Yên Thổ (huyện Bảo Lâm, tỉnh Tuyên Quang): Điểm đầu tại đường tỉnh 258B kéo dài, điểm cuối tại xã Yên Thổ huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng. Chiều dài tuyến khoảng 11,1km, quy mô tối thiểu đường cấp V-MN.

+ Quy hoạch mới tuyến đường tỉnh Yên Thịnh - Bản Thi - Quảng Bạch. Điểm đầu tại Quốc lộ 3C xã Quảng Bạch, điểm cuối xã Bình Phú huyện Chiêm Hóa tỉnh Tuyên Quang. Chiều dài tuyến khoảng 16,14km.

+ Quy hoạch mới tuyến Khang Ninh - Chợ Rã - Bộc Bô. quy mô cấp IV- III MN. Chiều dài tuyến khoảng 40km.

- *Đường huyện (đường liên xã).*

Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường hiện hữu và quy hoạch mới các tuyến đường kết nối các xã, khu dân cư, khu chức năng trong vùng đạt tối thiểu GTNT loại B. Các tuyến thực hiện cụ thể theo quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị được phê duyệt.

b) Đường thủy:

- Luồng tuyến: Duy tu, nạo vét các tuyến đã đưa vào quản lý; lắp đặt phao tiêu, biển báo đảm bảo ATGT đường thủy. Nâng cấp cải tạo đạt cấp hạng kỹ thuật tối thiểu là cấp V.

- Bến thủy nội địa: Quy hoạch 07 bến thủy nội địa trong khu vực quy hoạch vận tải hành khách phục vụ phát triển du lịch trong đó: bến Bờ Bắc, bến Bờ Nam, bến Thác Đầu Đẳng, bến Cao Thượng, bến Bản Vải, bến xuồng Buốc Lồm, bến Pác Co.

c) **Bến xe.** Hoàn thiện đầu tư xây dựng và nâng cấp 03 bến xe trong vùng đạt tiêu chuẩn bến xe loại IV và III, cụ thể: bến xe Ba Bể và bến xe Chợ Đồn đạt tiêu chuẩn loại III; bến xe Pác Nặm đạt tiêu chuẩn loại IV. Diện tích lấy theo Quy hoạch xây dựng đô thị được phê duyệt. Triển khai các tuyến xe khách từ trung tâm các xã đi các vùng xung quanh đảm bảo vận chuyển hàng hóa và hành khách.

10.3. Cấp nước

- Nguồn nước: Lấy từ các nhà máy, trạm cấp nước hiện có và sử dụng nguồn hỗn hợp, gồm: nước mặt, nước mó, nước ngầm

- Tổng nhu cầu sử dụng nước đến năm 2030: khoảng $12.388 \text{ m}^3/\text{ngđ}$, trong đó: cấp nước sinh hoạt $10.302 \text{ m}^3/\text{ngđ}$; cấp nước công nghiệp khoảng $2.086 \text{ m}^3/\text{ngđ}$. Đến năm 2050: khoảng $15.928 \text{ m}^3/\text{ngđ}$, trong đó: cấp nước sinh hoạt $13.842 \text{ m}^3/\text{ngđ}$; cấp nước công nghiệp khoảng $2.086 \text{ m}^3/\text{ngđ}$.

- Nhu cầu cấp nước phục vụ du lịch đến năm 2030 khoảng $85.000 \text{ m}^3/\text{ngđ}$, đến năm 2050 khoảng $170.000 \text{ m}^3/\text{ngđ}$.

- Khu dân cư tập trung: Quy hoạch mới và cải tạo, nâng cấp công suất các trạm cấp nước đáp ứng nhu cầu. Xây dựng mới các tuyến ống để mở rộng phạm vi cấp nước phục vụ nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt; nâng cấp cải tạo, thay thế những đoạn ống nước không đảm bảo lưu lượng cấp nước.

- Khu vực nông thôn: Xây dựng mới, cải tạo nâng cấp hệ thống các công trình cấp nước cục bộ, mạng lưới đường ống cấp nước đảm bảo phục vụ nhân dân trong vùng đáp ứng 100% nhu cầu sử dụng nước cho nông thôn. Các hộ dân nằm rải rác sử dụng nước giếng, nước suối....

- Cụm công nghiệp: Xây dựng hệ thống cấp nước cục bộ (*nguồn nước mặt, nước ngầm*) và bơm tăng áp, bể chứa nước đảm bảo khả năng cung cấp nước cho cụm công nghiệp.

- Định hướng xây mới nhà máy nước Khang Ninh công suất khoảng $1.400 \text{ m}^3/\text{ngđ}$; Nhà máy nước Bằng Lũng 2 công suất khoảng $3.000 \text{ m}^3/\text{ngđ}$. Nâng cấp, cải tạo Nhà máy cấp nước Chợ Rã công suất $1.700 \text{ m}^3/\text{ngđ}$; Nhà máy cấp nước Bộc Bó công suất $1.900 \text{ m}^3/\text{ngđ}$. Cải tạo, nâng cấp công suất các nhà máy, trạm cấp nước hiện có để đáp ứng nhu cầu cấp nước.

10.4. Cấp điện

- Nhu cầu cấp điện vùng liên huyện: Đến năm 2030 cấp điện sinh hoạt khoảng 48,081MW; cấp điện công nghiệp 48,1MW. Dự báo đến năm 2050 cấp điện sinh hoạt khoảng 58,4MW; cấp điện công nghiệp 48,1MW.

- Nhu cầu cấp điện phục vụ du lịch đến năm 2030 khoảng 16,83MW; đến năm 2050 khoảng 33,7MW.

- Nguồn cấp điện:

+ Trạm 110KV Ba Bể công suất 25MVA (giai đoạn 2021 – 2035) và được nâng công suất lên 2x25MVA (giai đoạn sau 2035) qua 2 lộ cấp là lộ 371 và 377.

+ Trạm 110KV Chợ Đồn công suất 1x25 MVA trong giai đoạn 2021-2025, giai đoạn 2026-2030 nâng cấp cải tạo lên tổng công suất 2x25 MVA và định hướng giai đoạn 2031-2050 tiếp tục duy trì công suất 2x25 MVA.

+ Xây dựng mới trạm 110KV Pác Nặm công suất 25MVA (2026-2030) và nâng công suất lên 2x25MVA (2036 – 2050).

+ Xây dựng mới trạm 110KV Ngọc Linh với tổng công suất 1x25 MVA trong giai đoạn 2021-2025, duy trì công suất giai đoạn 2026-2030; định hướng giai đoạn 2031-2050 hoàn thiện công suất 2x25 MVA.

+ Thực hiện các dự án phát triển điện lực tuân thủ theo Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025 và Quy hoạch tỉnh Bắc Kạn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 03/11/2023.

- Cải tạo và xây mới hệ thống đường dây 220kV, 110kV, 35kV, 22kV đảm bảo truyền tải điện năng, kết nối với các nhà máy thủy điện, điện gió, điện mặt trời và hệ thống trạm biến áp nâng cấp, xây mới.

10.5. Thông tin liên lạc

a) Bưu chính: Mục tiêu chuyển dịch từ dịch vụ bưu chính truyền thống sang dịch vụ bưu chính số, đảm bảo dòng chảy vật chất bên cạnh dòng chảy dữ liệu. Khai thác và ứng dụng hiệu quả nền tảng Mã địa chỉ gắn với Bản đồ số (*Vpostcode*). Chú trọng việc thúc đẩy cung ứng dịch vụ công qua mạng bưu chính công cộng, dịch vụ bưu chính công ích.

b) Viễn thông: Mục tiêu chuyển dịch hạ tầng viễn thông thành hạ tầng số. Phổ cập Internet băng rộng như một tiện ích thiết yếu. Phổ cập điện thoại thông minh đặc biệt tới các vùng công ích. Thúc đẩy triển khai mạng thông tin di động 5G. Xử lý triệt để rác viễn thông. Ngầm hóa mạng ngoại vi, hệ thống cáp viễn thông khu vực dân cư tập trung, các CCN. Quy hoạch các điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng có người phục vụ. Quy hoạch xây dựng, lắp đặt các điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng không có người phục vụ tại các khu vực công cộng (*khu vui chơi giải trí, bệnh viện, bến xe...*), khu vực du lịch, khu tập trung đông dân cư. Xây dựng cột ăng ten trạm thu, phát sóng thông tin di động.

c) Công nghệ thông tin: Phát triển chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động. Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số.

10.6. Thoát nước thải, chất thải rắn và nghĩa trang

a) Thoát nước thải:

- Tổng nhu cầu xử lý nước thải sinh hoạt đến năm 2030 khoảng 9.271m³/ngày; trong đó: Xử lý nước thải khu dân cư tập trung khoảng 2.808m³/ngày đêm; xử lý nước thải nông thôn khoảng 6.463 m³/ngày đêm; xử lý nước thải công nghiệp

khoảng $2.086\text{m}^3/\text{ngđ}$. Định hướng đến năm 2050 tổng nhu cầu xử lý nước thải khoảng $12.458\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ trong đó: Xử lý nước thải khu dân cư tập trung khoảng $5.800\text{m}^3/\text{ngày đêm}$; xử lý nước thải nông thôn khoảng $6.628\text{m}^3/\text{ngày đêm}$; xử lý nước thải công nghiệp khoảng $2.086\text{m}^3/\text{ngđ}$.

- Khu vực dân cư tập trung: Xây dựng hệ thống nước thải hỗn hợp bao gồm mạng công thoát nước nửa riêng và riêng.

- Các cụm công nghiệp tập trung có xây dựng hệ thống thoát nước thải và trạm làm sạch riêng.

- Các trung tâm xã xây dựng hệ thống thoát nước chung. Nước thải xử lý qua bể tự hoại thoát ra hệ thống cống chung xả ra các sông, hồ và tiếp tục làm sạch tự nhiên.

- Các khu dân cư sống phân tán, rải rác, vận động nhân dân xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh hình thức tự thấm, dội nước, 2 ngăn hợp vệ sinh, xây bể tự hoại.

b) Quản lý chất thải rắn:

- Tổng nhu cầu xử lý CTR đến năm 2030 khoảng $178,53\text{ tấn/ngày đêm}$, trong đó: Xử lý CTR khu dân cư tập trung khoảng $24,4\text{ tấn/ngày đêm}$, xử lý CTR công nghiệp: $47,4\text{ tấn/ngày đêm}$, xử lý CTR nông thôn: $107,73\text{ tấn/ngày đêm}$. Dự báo đến năm 2050 khoảng $206,7\text{ tấn/ngày đêm}$, trong đó: Xử lý CTR khu dân cư tập trung khoảng $53,7\text{ tấn/ngày đêm}$, xử lý CTR công nghiệp: $47,4\text{ tấn/ngày đêm}$, xử lý CTR nông thôn: $105,6\text{ tấn/ngày đêm}$.

- Tại khu vực dân cư tập trung, CTR được thu gom tập trung và vận chuyển tới khu xử lý CTR để xử lý.

- Những vùng nông thôn dân cư phân tán nhỏ lẻ mà hệ thống thu gom chung khó có điều kiện tiếp cận sử dụng mô hình chôn lấp tại chỗ kết hợp ủ phân.

- CTR tại các cụm công nghiệp tập trung thực hiện quy chế kiểm toán chất thải rắn và tự thu gom trong khuôn viên nhà máy. Lượng CTR sau tái chế và tái sử dụng thu gom và vận chuyển tới bãi xử lý chất thải tập trung theo địa bàn.

- Chất thải rắn y tế nguy hại được thu gom và xử lý riêng.

- Cải tạo, nâng cấp khu xử lý CTR: Khu xử lý Khuổi Ó xã Nhạn Môn quy mô dự kiến 10ha; khu xử lý Lũng Diệc xã Bành Trạch quy mô 25-30ha; khu xử lý Bản Tàn quy mô 10-15ha; Quy hoạch mới khu xử lý liên vùng huyện Chợ Đồn quy mô dự kiến 60ha.

c) Nghĩa trang:

- Nghĩa trang khu vực dân cư tập trung: Quy hoạch các nghĩa trang tập trung tại trung tâm các xã, gồm: Bộc Bó, khoảng 5-10 ha, Chợ Rã khoảng 10-15 ha; Ba Bể khoảng 5-10 ha; Chợ Đồn khoảng 10-15 ha.

- Nghĩa trang nông thôn: Mỗi xã xây dựng 01 nghĩa trang tập trung với quy mô dự kiến 5-10 ha, vị trí theo quy hoạch các xã được phê duyệt.

11. Đánh giá môi trường chiến lược

- Xây dựng các điểm quan trắc tiếng ồn, không khí, nước mặt, nước ngầm, môi trường đất tại các cụm công nghiệp, khu đô thị theo đồ án.

- Tất cả các nhà máy, cụm công nghiệp, điểm công nghiệp đều phải có vành đai cây xanh; đồng thời phải tiến hành lập báo cáo Đánh giá tác động môi trường hoặc Kế hoạch bảo vệ môi trường theo đúng quy định của pháp luật.

- Ưu tiên các nhà đầu tư sử dụng lao động địa phương, hạn chế các tác động tới môi trường xã hội. Chú trọng công tác quản lý, kiểm tra bảo vệ môi trường.

12. Chương trình, dự án ưu tiên đầu tư

- Khái toán vốn đầu tư xây dựng phát triển vùng đến năm 2050 khoảng 20.500 tỷ đồng, trong đó:

+ Giai đoạn 1 (đến năm 2030): Tổng kinh phí khái toán vốn đầu tư xây dựng phát triển vùng dự kiến khoảng 4.200 tỷ đồng.

+ Giai đoạn 2 (từ năm 2031-2050): Tổng kinh phí khái toán vốn đầu tư xây dựng phát triển vùng dự kiến khoảng 16.300 tỷ đồng.

- Nguồn vốn đầu tư: vốn ngân sách nhà nước (chủ yếu đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật hỗ trợ các vùng sản xuất, dân cư nông thôn, đô thị, an ninh quốc phòng...) và nguồn vốn xã hội hóa và các nguồn vốn hợp pháp khác.

13. Giải pháp thực hiện quy hoạch

Huy động các nguồn lực để lập quy hoạch, tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội, xây dựng hạ tầng các khu phát triển dân cư tập trung, khu tái định cư, tạo mặt bằng sạch để thu hút các dự án đầu tư...

- Khai thác có hiệu quả các nguồn tài nguyên, đất đai, cụ thể hóa cơ chế, chính sách cho phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương nhằm tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho doanh nghiệp đầu tư, khai thác sử dụng đất. Kiểm soát chặt chẽ các hoạt động phát triển xây dựng. Đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư phát triển các lĩnh vực y tế, giáo dục - đào tạo, văn hóa, thể thao, khoa học công nghệ, môi trường,... theo quy định.

- Huy động vốn từ nhiều nguồn khác nhau để thực hiện: vốn ngân sách nhà nước; nguồn viện trợ và đầu tư từ chính phủ nước ngoài (ODA); vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI); vốn đầu tư trực tiếp từ nhà đầu tư tư nhân, doanh nghiệp; vốn xã hội hóa và các nguồn vốn hợp pháp khác.

14. Tổ chức thực hiện

a) Sở Xây dựng

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và UBND tỉnh về tính chính xác của các nội dung, thông tin, số liệu, tài liệu, hệ thống sơ đồ, dữ liệu, chỉ tiêu kỹ thuật của đồ án đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định của pháp luật.

- Chủ trì, phối hợp với UBND các huyện Chợ Đồn, Ba Bể, Pác Nặm (sau sáp nhập gồm các xã: Bằng Thành, Nghiên Loan, Cao Minh, Thượng Minh, Phúc Lộc, Chợ Rã, Ba Bể, Đồng Phúc, Nam Cường, Quảng Bạch, Yên Thịnh, Chợ Đồn, Yên Phong, Nghĩa Tá, Bạch Thông, Đồng Phúc) và các đơn vị liên quan tổ chức công bố công khai đồ án Quy hoạch được duyệt theo quy định.

- Theo chức năng nhiệm vụ thực hiện việc kiểm tra, giám sát, quản lý công tác xây dựng theo quy hoạch được duyệt và các quy định của pháp luật có liên quan.

b) UBND các huyện Chợ Đồn, Ba Bể, Pác Nặm (sau sáp nhập gồm các xã: Bằng Thành, Nghiên Loan, Cao Minh, Thượng Minh, Phúc Lộc, Chợ Rã, Ba Bể, Đồng Phúc, Nam Cường, Quảng Bạch, Yên Thịnh, Chợ Đồn, Yên Phong, Nghĩa Tá, Bạch Thông, Đồng Phúc)

- Phối hợp với Sở Xây dựng tổ chức công bố công khai đồ án Quy hoạch được duyệt theo quy định.

- Quản lý chặt chẽ quỹ đất và trật tự xây dựng theo quy hoạch được duyệt và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Căn cứ Đồ án quy hoạch được duyệt triển khai việc lập các quy hoạch xây dựng có liên quan tại các khu vực theo yêu cầu phát triển hoặc nhu cầu đầu tư xây dựng.

c) Các Sở: Tài chính; Nông nghiệp và Môi trường; Công Thương; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Khoa học và công nghệ và các cơ quan, đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm cập nhật quy hoạch theo ngành để quản lý, tổ chức thực hiện quy hoạch theo quy định.

PHỤ LỤC SỐ 03

NỘI DUNG ĐỒ ÁN QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG HUYỆN (LIÊN XÃ) NA RÌ, NGÂN SƠN VÀ KẾT NỐI LIÊN VÙNG (KẾT NỐI LIÊN XÃ) NA RÌ, NGÂN SƠN, TỈNH BẮC KẠN GIAI ĐOẠN 2022 ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Tờ trình số **146** /TTr-UBND ngày **15** /6/2025 của UBND tỉnh Bắc Kạn)

1. Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch.

1.1. Phạm vi, ranh giới nghiên cứu kết nối liên vùng (kết nối liên xã)

a) Phạm vi: Vùng liên huyện (kết nối liên xã) Na Rì, Ngân Sơn bao gồm địa giới hành chính của huyện (liên xã) Na Rì, Ngân Sơn.

b) Ranh giới: Phía Bắc giáp huyện Nguyên Bình, Thạch An, tỉnh Cao Bằng; Phía Đông giáp huyện Trảng Định, Bình Gia tỉnh Lạng Sơn; Phía Tây giáp huyện Ba Bể và huyện Bạch Thông; Phía Nam giáp huyện Võ Nhai tỉnh Thái Nguyên.

1.2. Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch vùng huyện (liên xã)

a) Vùng huyện (liên xã) Ngân Sơn

- Phạm vi: bao gồm toàn bộ địa giới hành chính huyện Ngân Sơn, bao gồm 2 thị trấn và 08 xã hiện nay (sau sáp nhập gồm 05 xã Bằng Vân, Ngân Sơn, Nà Phặc, Hiệp Lực, Thượng Quan).

- Ranh giới: Phía Bắc giáp huyện Nguyên Bình tỉnh Cao Bằng; Phía Đông giáp huyện Thạch An tỉnh Cao Bằng; Phía Tây giáp huyện Ba Bể; Phía Nam giáp huyện Bạch Thông và huyện Na Rì.

b) Vùng huyện (liên xã) Na Rì

- Phạm vi: bao gồm toàn bộ địa giới hành chính huyện Na Rì, bao gồm 01 thị trấn và 16 xã hiện nay (sau sáp nhập gồm 06 xã Văn Lang, Cường Lợi, Na Rì, Trần Phú, Côn Minh, Xuân Dương).

- Ranh giới: Phía Bắc giáp huyện Ngân Sơn, huyện Trảng Định tỉnh Lạng Sơn; Phía Đông giáp huyện Bình Gia tỉnh Lạng Sơn; Phía Tây giáp huyện Bạch Thông và huyện Chợ Mới; Phía Nam giáp huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

2. Quy mô lập quy hoạch.

2.1. Quy mô nghiên cứu kết nối vùng liên huyện (kết nối liên xã)

Vùng liên huyện (kết nối liên xã) Na Rì, Ngân Sơn (sau sáp nhập gồm 11 xã: Bằng Vân, Ngân Sơn, Nà Phặc, Hiệp Lực, Thượng Quan, Văn Lang, Cường Lợi, Na Rì, Trần Phú, Côn Minh, Xuân Dương) có tổng diện tích khoảng 149.351,70ha. Dân số hiện trạng là 70.224 người; dự báo dân số năm 2030 khoảng 75.000 người, dân số năm 2050 khoảng 92.000 người.

2.2. Quy mô lập quy hoạch vùng huyện (liên xã)

a) Vùng huyện (liên xã) Na Rì: Tổng diện tích lập quy hoạch khoảng 85.387,65ha. Dân số hiện trạng là 39.779 người; dự báo dân số năm 2030 khoảng 42.500 người, dân số năm 2050 khoảng 52.000 người.

b) Vùng huyện (liên xã) Ngân Sơn: Tổng diện tích lập quy hoạch khoảng 63.964,05ha. Dân số hiện trạng là 30.445 người; dự báo dân số năm 2030 khoảng 32.500 người, dân số năm 2050 khoảng 40.000 người.

3. Quan điểm

- Quy hoạch xây dựng vùng huyện (liên xã) Na Rì, Ba Bể và kết nối liên huyện (kết nối liên xã) Na Rì, Ba Bể nhằm thúc đẩy phát triển, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

- Gắn phát triển kinh tế, xã hội với đảm bảo quốc phòng, an ninh, nhất là các vị trí chiến lược trên địa bàn các huyện, vùng liên huyện; kết hợp cải tạo tự nhiên với phòng chống thiên tai, đặc biệt là những bất lợi của điều kiện thời tiết, địa hình. Gắn bảo vệ môi trường sinh thái, phòng, chống thiên tai với sử dụng hợp lý, có hiệu quả nguồn tài nguyên.

- Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, phát triển nguồn nhân lực thu hút đầu tư, khai thác các nguồn lực bên trong và bên ngoài.

4. Mục tiêu

- Cụ thể hóa các định hướng phát triển kinh tế xã hội tỉnh Bắc Kạn phù hợp với Quy hoạch tỉnh Bắc Kạn thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050, đảm bảo phù hợp với hiện trạng và nhu cầu phát triển xã hội của từng vùng trong tỉnh.

- Phát huy thế mạnh về vị trí chiến lược của từng vùng, các tiềm năng về thương mại dịch vụ, du lịch, văn hóa, sinh thái và cảnh quan, công nghiệp, nông nghiệp để tạo ra bước tăng trưởng kinh tế, nâng cao vai trò vị thế của từng vùng.

- Góp phần phát huy sức mạnh tổng hợp, tiềm năng và lợi thế của từng vùng để thúc đẩy kinh tế tăng trưởng nhanh và bền vững, văn hóa - xã hội phát triển; đời sống nhân dân được nâng cao; quốc phòng an ninh đảm bảo vững chắc.

- Hình thành hệ thống đô thị, nông thôn, đề xuất phát triển không gian cho các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, xây dựng, du lịch dịch vụ; tổ chức hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng giao thông và phân bố các công trình hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo môi trường bền vững ở đô thị và nông thôn.

- Bảo vệ môi trường, di sản văn hóa lịch sử, cảnh quan thiên nhiên. Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa từng vùng.

- Tạo lập cơ sở pháp lý để triển khai và quản lý quy hoạch, làm tiền đề thu hút đầu tư, định hướng phát triển hợp lý các nguồn lực nhằm tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn từng vùng.

5. Tính chất, chức năng, định hướng phát triển.

5.1. Vùng liên huyện (kết nối liên xã)

a) Tính chất, chức năng: Là vùng tập trung phát triển kinh tế nông nghiệp, công nghiệp chế biến. Phát triển du lịch gắn với tiềm năng về cảnh quan đồi rừng, nông nghiệp độc đáo, văn hóa dân tộc, là cửa ngõ phía Đông và phía Bắc của tỉnh.

b) Định hướng phát triển: Phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, tập trung, ứng dụng công nghệ cao. Phát triển nông nghiệp, gắn với công nghiệp chế biến và du lịch trải nghiệm nông nghiệp, du lịch nghỉ dưỡng gắn với tiềm năng cảnh quan thiên nhiên.

5.2. Vùng huyện (liên xã).

5.2.1. Vùng huyện (liên xã) Na Rì

a) Tính chất, chức năng: Là vùng phát triển nông nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững, sản xuất hàng hóa đạt năng suất, chất lượng. Là vùng phía Đông của tỉnh.

b) Định hướng phát triển: Phát triển khu vực dân cư tập trung tại thị trấn Yên Lạc (trung tâm xã Na Rì sau sáp nhập) theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành, lấy quốc lộ 3B làm trục phát triển, sau năm 2030 phát triển khu vực dân cư tập trung Trần Phú (trung tâm xã Trần Phú sau sáp nhập). Xây dựng vùng nông nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững, sản xuất hàng hóa đạt năng suất, chất lượng. Phát triển 03 cụm công nghiệp: CCN Vàng Mười, CCN Côn Minh, CCN Kim Lư. Phát triển các loại hình du lịch; tận dụng lợi thế về cảnh quan và các địa danh nổi tiếng như Khu bảo tồn thiên nhiên Kim Hỷ, động Nàng Tiên, thác nước Nà Đăng...

5.2.2. Vùng huyện (liên xã) Ngân Sơn

a) Tính chất, chức năng: Là vùng phát triển nông nghiệp kết hợp với du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng. Là vùng phía Bắc của tỉnh.

b) Định hướng phát triển: Phát triển khu vực dân cư tập trung tại thị trấn Vân Tùng (trung tâm xã Ngân Sơn sau sáp nhập) và tại thị trấn Nà Phặc (trung tâm xã Nà Phặc sau sáp nhập), sau năm 2030 phát triển khu vực dân cư tập trung tại xã Bằng Vân (trung tâm xã Bằng Vân sau sáp nhập). Phát triển CCN Pù Pét, CCN Nà Phặc. Phát triển hồ Bản Chang thành điểm du lịch cấp tỉnh với loại hình chính là du lịch trải nghiệm và du lịch cộng đồng. Phát triển du lịch khám phá, nghỉ dưỡng tại thác Nà Khoang và khu du lịch sinh thái Slam Chiêm.

6. Dự báo phát triển kinh tế, dân số, lao động, nhu cầu về đất đai, tỷ lệ đô thị hóa theo các giai đoạn phát triển.

6.1. Dự báo phát triển kinh tế.

Đến năm 2030, cơ cấu kinh tế: Ngành dịch vụ chiếm 43%, ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 30%, ngành công nghiệp, xây dựng chiếm 27%. Đến năm 2050, cơ cấu kinh tế: Ngành dịch vụ chiếm 47%, ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 28%, ngành công nghiệp, xây dựng chiếm 25%.

6.2. Dự báo dân số, lao động, tỷ lệ đô thị hóa

Đến năm 2030 dân số toàn vùng khoảng 75.000 người; tỷ lệ đô thị hóa là khoảng 23,64%, dân số đô thị khoảng 17.734 người. Đến năm 2050 dân số toàn vùng khoảng 92.000 người; tỷ lệ đô thị hóa là khoảng 33,84%, dân số đô thị khoảng 31.132 người.

6.3. Dự báo nhu cầu đất đai

Đến năm 2030: Đất dành cho phát triển xây dựng khoảng 8.255,81ha, chiếm 5,53%. Đất sản xuất nông lâm nghiệp và các chức năng khác khoảng 139.821,37ha, chiếm 93,62%. Đất chưa sử dụng 1.274,52 ha, chiếm 0,85%. Dự kiến đến năm 2050: Đất dành cho phát triển xây dựng khoảng 16.147,88ha, chiếm 10,81%. Đất sản xuất nông lâm nghiệp và các chức năng khác khoảng 132.578,32 ha, chiếm 88,77%. Đất chưa sử dụng 625,50 ha, chiếm 0,42%.

7. Phân vùng và liên kết phát triển.

7.1. Phân vùng liên huyện (kết nối liên xã). Gồm 05 vùng.

a) *Vùng 1: Hình thành tuyến dân cư phát triển tập trung, phát triển thương mại, dịch vụ ... kết nối vùng lân cận:* Bao gồm thị trấn Nà Phặc (một phần xã Nà Phặc sau sáp nhập); thị trấn Vân Tùng, xã Đức Vân (một phần xã Ngân Sơn sau sáp nhập); xã Bằng Vân (một phần xã Bằng Vân sau sáp nhập); phía Tây xã Hiệp Lực (một phần xã Hiệp Lực sau sáp nhập) và thị trấn Yên Lạc, xã Kim Lư, xã Sơn Thành (xã Na Rì sau sáp nhập); xã Văn Vũ, Cường Lợi (xã Cường Lợi sau sáp nhập); xã Cư Lễ, Văn Minh (một phần xã Trần Phú sau sáp nhập), có diện tích khoảng 56.204,10ha.

Tính chất, chức năng: là khu vực dân cư phát triển tập trung theo trục động lực QL.3, QL3B, kết nối với thị trấn Phú Thông (một phần xã Phú Thông sau sáp nhập) và thành phố Bắc Kạn (phường Bắc Kạn sau sáp nhập), hình thành tuyến dân cư phát triển tập trung, thúc đẩy phát triển thương mại, dịch vụ... là vùng động lực phát triển cho các khu vực lân cận.

b) *Vùng 2: Vùng phát triển nông - lâm nghiệp sinh thái, dịch vụ du lịch:* Bao gồm các xã Trung Hòa (một phần xã Nà Phặc sau sáp nhập); xã Cốc Đán (một phần xã Ngân Sơn sau sáp nhập), xã Thượng Ân (một phần xã Bằng Vân sau sáp nhập), xã Thuận Mang, xã Hiệp Lực (xã Hiệp Lực sau sáp nhập), xã Thượng Quan; xã Đồng Xá, xã Liêm Thủy, xã Xuân Dương (xã Xuân Dương sau sáp nhập); xã Trần Phú (một phần xã Trần Phú sau sáp nhập); xã Dương Sơn, xã Quang Phong (một phần xã Côn Minh sau sáp nhập), có diện tích khoảng 69.576,57ha.

Tính chất, chức năng: là khu vực tập trung phát triển nông - lâm nghiệp sinh thái, dịch vụ du lịch (văn hoá, di tích, sinh thái, cộng đồng...) trên cơ sở tiềm năng, lợi thế của vùng. Phát triển kinh tế tổng hợp, trong đó: nông - lâm nghiệp là chủ đạo gắn với phát triển nông nghiệp đặc hữu, phát triển kinh tế rừng, công nghiệp chế biến nông lâm sản, phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch mang bản sắc vùng miền.

c) *Vùng 3: Phát triển kinh tế bền vững gắn với công tác bảo vệ thiên nhiên,*

trú trọng ngành dịch vụ du lịch cộng đồng, văn hóa, làng nghề và nông - lâm nghiệp: Bao gồm các xã Kim Hỷ, xã Lương Thượng, xã Văn Lang (xã Văn Lang sau sáp nhập) và xã Côn Minh (một phần xã Côn Minh sau sáp nhập), có diện tích khoảng 23.571,03 ha.

Tính chất, chức năng: Là vùng phát triển kinh tế bền vững gắn với công tác bảo vệ thiên nhiên, tập trung ở khu Dự trữ thiên nhiên Kim Hỷ và mở rộng sang vùng lân cận với các công năng phụ trợ phát triển du lịch. Phát triển dịch vụ du lịch cộng đồng, văn hóa, làng nghề và nông - lâm nghiệp.

7.2. Phân vùng huyện (liên xã).

7.2.1. Vùng huyện (liên xã) Ngân Sơn. Chia làm 3 phân vùng phát triển

a) *Phân vùng 1: Hình thành tuyến dân cư phát triển tập trung, phát triển thương mại, dịch vụ (du lịch, logistic...)... kết nối với tỉnh Cao Bằng:* Bao gồm thị trấn Nà Phặc (một phần xã Nà Phặc sau sáp nhập); thị trấn Vân Tùng, xã Đức Vân (một phần xã Ngân Sơn sau sáp nhập); xã Bằng Vân (một phần xã Bằng Vân sau sáp nhập); phía Tây xã Hiệp Lực (một phần xã Hiệp Lực sau sáp nhập), có diện tích 23.316,6ha, dân số dự báo đến 2030 khoảng 18.095 người.

Tính chất, chức năng: là khu vực dân cư phát triển tập trung, lấy trung tâm là thị trấn Vân Tùng (một phần xã Ngân Sơn sau sáp nhập), phát triển kết nối với các vùng lân cận theo các trục động lực phát triển QL.3, CT.07. Tập trung phát triển thương mại, dịch vụ (du lịch, logistic...)... kết nối với tỉnh Cao Bằng.

b) *Phân vùng 2A: Vùng phát triển nông-lâm nghiệp sinh thái, dịch vụ du lịch (tập trung vào du lịch di tích):* Bao gồm các xã Trung Hòa (một phần xã Nà Phặc sau sáp nhập); xã Cốc Đán (một phần xã Ngân Sơn sau sáp nhập), xã Thượng Ân (một phần xã Bằng Vân sau sáp nhập), có diện tích 17.110,55ha, dân số dự báo đến 2030 khoảng 6.425 người

Tính chất, chức năng: là khu vực tập trung phát triển nông - lâm nghiệp sinh thái, dịch vụ du lịch...(tập trung vào du lịch văn hoá - di tích), trên cơ sở tiềm năng, lợi thế của khu vực như nông sản đặc hữu, di tích.... Phát triển theo trục QL.279 và ĐT.251.

c) *Phân vùng 2B: Vùng phát triển nông-lâm nghiệp sinh thái, dịch vụ du lịch (tập trung vào du lịch văn hóa, sinh thái):* Bao gồm xã Thuận Mang, xã Hiệp Lực (xã Hiệp Lực sau sáp nhập), xã Thượng Quan, có diện tích 23.536,9ha, dân số dự báo đến 2030 khoảng 7.980 người

Tính chất, chức năng: là khu vực tập trung phát triển nông - lâm nghiệp sinh thái, dịch vụ du lịch...(tập trung vào du lịch văn hóa, sinh thái), trên cơ sở tiềm năng, lợi thế của khu vực về nông sản đặc hữu, danh thắng.... Phát triển theo trục QL279 và trục quy hoạch mới Đức Vân – Yên Lạc

7.2.2. Vùng huyện (liên xã) Na Rì. Chia làm 3 phân vùng phát triển

a) *Phân vùng 1: Hình thành tuyến dân cư phát triển tập trung, phát triển thương mại, dịch vụ (du lịch, logistic...), công nghiệp... kết nối với tỉnh Lạng Sơn:* Bao gồm thị trấn Yên Lạc, xã Kim Lư, xã Sơn Thành (xã Na Rì sau sáp nhập); xã Văn Vũ, Cường Lợi (xã Cường Lợi sau sáp nhập); xã Cư Lễ, Văn Minh (một phần xã Trần Phú sau sáp nhập), có diện tích 32.887,5ha, dân số dự báo đến 2030 khoảng 20.175 người.

Tính chất, chức năng: là khu vực dân cư phát triển tập trung, lấy trung tâm là thị trấn Yên Lạc (một phần xã Na Rì sau sáp nhập), phát triển kết nối với các vùng lân cận theo các trục động lực phát triển QL.3B. Tập trung phát triển thương mại, dịch vụ (du lịch, logistic...)... kết nối với tỉnh Lạng Sơn.

b) *Phân vùng 2: Vùng phát triển công nghiệp, nông-lâm nghiệp sinh thái kết hợp du lịch (sinh thái, cộng đồng) ...:* Bao gồm xã Đồng Xá, xã Liêm Thủy, xã Xuân Dương (xã Xuân Dương sau sáp nhập); xã Trần Phú (một phần xã Trần Phú sau sáp nhập); xã Dương Sơn, xã Quang Phong (một phần xã Côn Minh sau sáp nhập), có diện tích 28.929,12 ha, dân số dự báo đến 2030 khoảng 12.585 người.

Tính chất, chức năng: là khu vực tập trung phát triển công nghiệp, nông - lâm nghiệp sinh thái, dịch vụ du lịch (sinh thái, cộng đồng)... trên cơ sở tiềm năng, lợi thế của khu vực. Phát triển kinh tế tổng hợp, trong đó: Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề là chủ đạo; dịch vụ du lịch, thương mại, nông - lâm nghiệp chất lượng cao.

c) *Phân vùng 3: Vùng phát triển du lịch, dịch vụ, gắn với công tác bảo vệ thiên nhiên, trú trọng ngành dịch vụ du lịch cộng đồng, văn hóa, làng nghề và phát triển nông - lâm nghiệp:* Bao gồm các xã Kim Hỷ, xã Lương Thượng, xã Văn Lang (xã Văn Lang sau sáp nhập) và xã Côn Minh (một phần xã Côn Minh sau sáp nhập), có diện tích 23.571,03 ha, dân số dự báo đến 2030 khoảng 9.740 người.

Tính chất, chức năng: Là vùng phát triển kinh tế bền vững gắn với công tác bảo vệ thiên nhiên, tập trung ở khu Dự trữ thiên nhiên Kim Hỷ và mở rộng sang vùng lân cận với các công năng phụ trợ phát triển du lịch. Phát triển dịch vụ du lịch cộng đồng, văn hóa, làng nghề và nông - lâm nghiệp

8. Định hướng kết nối vùng liên huyện (kết nối liên xã)

8.1. Kết nối về hạ tầng giao thông

Có 10 tuyến giao thông kết nối chính, bao gồm 06 tuyến trục ngang theo hướng Đông - Tây và 04 tuyến trục dọc theo hướng Bắc - Nam. Cụ thể:

- 06 tuyến trục ngang theo hướng Đông - Tây, gồm: Tuyến QL.3 kết nối QL.34B đi Cao Bằng; tuyến ĐT.251 kết nối tuyến quy hoạch Thượng Ân - Cao Bằng; tuyến quy hoạch Trục Đông Tây; tuyến quy hoạch Nà Phặc - Thượng Quan - Thuần Mang - Văn Vũ - Cường Lợi; tuyến QL.3B kết nối tuyến quy hoạch Sơn Thành, Cư Lễ đi Lạng Sơn; tuyến QL.3B kết nối tuyến quy hoạch Kim Lư đi Lạng

Son.

- 04 tuyến trục dọc theo hướng Bắc - Nam, gồm: tuyến ĐT.252B kết nối QL.279 đi Lạng Sơn; tuyến QL.279 kết ĐT.253B, ĐT.256B và tuyến Đông Xá - Chợ Mới; tuyến QL.3B kết nối ĐT.256; tuyến quy hoạch kết nối Đức Vân, Thượng Quan, Văn Vũ, Văn Lang, Côn Minh (sau sáp nhập kết nối các xã: Bằng Vân, Thượng Quan, Văn Lang, Côn Minh).

8.2. Kết nối về không gian phát triển.

- Các khu phát triển dân cư tập trung: Phát triển 05 khu trên cơ sở thị trấn Nà Phặc (trung tâm xã Nà Phặc sau sáp nhập), thị trấn Vân Tùng (trung tâm xã Ngân Sơn sau sáp nhập), xã Bằng Vân (trung tâm xã Bằng Vân sau sáp nhập), thị trấn Yên Lạc (trung tâm xã Na Rì sau sáp nhập), xã Trần Phú (trung tâm xã Trần Phú sau sáp nhập). Hình thành chuỗi khu phát triển dân cư tập trung kết nối với thị trấn Phủ Thông (trung tâm xã Phủ Thông sau sáp nhập) và thành phố Bắc Kạn (phường Đức Xuân, phường Bắc Kạn sau sáp nhập).

- Không gian động lực phát triển vùng bao gồm: 05 trục động lực phát triển, cụ thể: (1) Trục cao tốc CT.07: Tuyến phát triển, thúc đẩy kết nối ngoại vùng; (2) Trục động lực QL.3: Tuyến phát triển tạo hành lang kinh tế phía Bắc; (3) Trục động lực QL.3B: Tuyến phát triển hành lang kinh tế phía Đông; (4) Trục phát triển Đông Tây QL.279, QL.34B, trục Đông Tây (theo QH tỉnh)...: Hành lang kết nối theo trục Đông Tây, phát triển du lịch là trọng tâm; (5) Trục kết nối phát triển (theo các trục định hướng quy hoạch mới): Hành lang phát triển theo trục Bắc Nam, kết nối phát triển KT-XH các vùng.

- Hình thành 02 vùng động lực phát triển: Vùng dự trữ thiên nhiên Kim Hỷ và Khu vực hồ Bản Chang.

9. Định hướng phát triển không gian vùng liên huyện (kết nối liên xã)

9.1. Định hướng phát triển không gian khu vực dân cư tập trung: Đến năm 2030: phát triển 03 khu dân cư tập trung tại thị trấn Nà Phặc (trung tâm xã Nà Phặc sau sáp nhập), thị trấn Vân Tùng (trung tâm xã Ngân Sơn sau sáp nhập) và thị trấn Yên Lạc (trung tâm xã Na Rì sau sáp nhập). Định hướng đến năm 2050: phát triển thêm 02 khu dân cư tập trung mới bao gồm Bằng Vân (trung tâm xã Bằng Vân sau sáp nhập) và Trần Phú (trung tâm xã Trần Phú sau sáp nhập).

9.2. Định hướng phát triển hệ thống điểm dân cư nông thôn.

- Tiếp tục phát triển các vùng dân cư nông thôn theo cấu trúc mạng như hiện nay. Tuân thủ định hướng của các đồ án quy hoạch chung xây dựng xã đã được phê duyệt. Xây dựng các trung tâm xã mới thành thành trung tâm dịch vụ, công - nông nghiệp tạo tiền đề thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, quá trình đô thị hóa và hoàn thiện kết cấu hạ tầng của xã. Mỗi trung tâm xã bố trí 01 cụm đôi mới sáng tạo có diện tích 3-5 ha phục vụ hỗ trợ du lịch, phục vụ hỗ trợ nông lâm nghiệp

(với các chức năng hỗn hợp: dịch vụ thương mại, dừng chân, sinh hoạt văn hoá cộng đồng + cơ sở lưu trú du lịch + tiếp vận, trạm thông tin + kiến trúc đặc trưng). Bố trí gần các khu di tích, điểm du lịch để hỗ trợ phát triển.

- Phát triển các trung tâm xã trở thành các trung tâm dịch vụ, gắn với sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tại khu vực nông thôn, phù hợp với tập quán sinh hoạt.

- Cải tạo, xây dựng kiến trúc nhà ở và cơ sở hạ tầng nông thôn phù hợp với điều kiện sống của dân cư theo đặc trưng từng vùng, không phá vỡ cảnh quan sinh thái nông thôn; đối với các điểm dân cư mới phát triển phải có quy hoạch kiến trúc cảnh quan phù hợp với truyền thống, đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội.

9.3. Định hướng phát triển công nghiệp.

- Cụm công nghiệp: Đầu tư xây dựng và phát triển CCN Vàng Mười quy mô khoảng 15ha tại xã Trần Phú (trung tâm xã Trần Phú sau sáp nhập); Quy hoạch 04 cụm công nghiệp, gồm: (1) CCN Côn Minh quy mô khoảng 10ha tại xã Côn Minh; (2) CCN Kim Lư quy mô khoảng 15ha tại xã Kim Lư; (3) CCN Pù Pét quy mô khoảng 15ha tại xã Bằng Vâng; (4) CCN Nà Phặc quy mô khoảng 20ha tại thị trấn Nà Phặc (trung tâm xã Nà Phặc sau sáp nhập). Nghiên cứu, thành lập và ĐTXD hạ tầng kỹ thuật các CCN trên khi tỉnh được bổ sung, điều chỉnh chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về cụm công nghiệp.

- Định hướng công nghiệp khai khoáng: Tuân thủ theo quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt tại Quyết định số 866/QĐ-TTg ngày 18/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

- Công nghiệp năng lượng: Duy trì và phát triển công nghiệp điện năng (thủy điện, điện gió, điện mặt trời).

9.4. Định hướng phát triển dịch vụ thương mại.

Đến năm 2030, vùng liên huyện (kết nối liên xã) có 2 chợ hạng I (chợ Nà Phặc và chợ Yên Lạc); 2 chợ hạng II (chợ Vân Tùng và chợ Quang Phong). Quy hoạch mới các trung tâm hội chợ, triển lãm, điểm dừng chân:

- Trung tâm hội chợ triển lãm, trưng bày giới thiệu sản phẩm phía Bắc tại khu vực phát triển dân cư tập trung Vân Tùng (trung tâm xã Ngân Sơn sau sáp nhập);

- Trung tâm hội chợ triển lãm, trưng bày giới thiệu sản phẩm phía Nam tại xã Xuân Dương (trung tâm xã Xuân Dương sau sáp nhập);

- Điểm dừng chân, Hội chợ triển lãm giới thiệu sản phẩm tại xã Trần Phú (trung tâm xã Trần Phú sau sáp nhập);

- Quy hoạch bổ sung các chợ khu vực tại các xã để đảm bảo nhu cầu thương

mai cho khu vực.

Đến năm 2050: Tiếp tục nâng cấp các chợ hiện trạng, bán bảo bán kính, quy mô hệ thống hạ tầng kỹ thuật theo quy định hiện hành.

9.5. Phân bố vùng nông, lâm nghiệp, thủy sản.

- Vùng phát triển cây dong riềng: tại các vùng phát triển các sản phẩm Miền Dong: xã Côn Minh (làng nghề), xã Cư Lễ (xã Trần Phú sau sáp nhập), xã Cường Lợi, xã Dương Sơn (xã Côn Minh sau sáp nhập), xã Cốc Đán (xã Ngân Sơn sau sáp nhập), xã Nà Phặc...

- Vùng phát triển Cây thuốc lá: tập trung ở xã Trung Hòa (xã Nà Phặc sau sáp nhập), Cốc Đán (xã Ngân Sơn sau sáp nhập)...

- Vùng phát triển đặc sản gạo nếp Khẩu nua lếch: tập trung tại xã Thượng Quan, Thượng Ân (xã Bằng Vân sau sáp nhập), xã Cốc Đán (xã Ngân Sơn sau sáp nhập)...

- Vùng phát triển cây thạch đen: tập trung tại xã Văn Vũ (xã Cường Lợi sau sáp nhập) (xuất khẩu cho thị trường Trung Quốc);

- Vùng phát triển cây dược liệu tập trung gắn với chế biến, xuất khẩu (Ba Kích, Hà Thủ Ô, Cà Gai Leo, Bình Voi, Gừng Gió, Cát Sâm...): tập trung tại xã Thuần Mang (xã Hiệp Lực sau sáp nhập)...

- Vùng phát triển cây ăn quả - sản vật địa phương: Trồng Hồng không hạt tại xã Hiệp Lực, thị trấn Nà Phặc, xã Trung Hòa (xã Nà Phặc sau sáp nhập), xã Đức Vân (xã Ngân Sơn sau sáp nhập), trồng Cam, Quýt tại xã Kim Lư (xã Na Rì sau sáp nhập), xã Thượng Ân (xã Bằng Vân sau sáp nhập); trồng Lê tại xã Văn Tùng, Đức Vân (xã Ngân Sơn sau sáp nhập), xã Bằng Vân; trồng Đào tại xã Nà Phặc và các xã Văn Tùng, Đức Vân (xã Ngân Sơn sau sáp nhập), xã Bằng Vân, Dẻ Ván...;

- Khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn tại xã Kim Lư (xã Na Rì sau sáp nhập) gắn với du lịch sinh thái, trải nghiệm vùng dự trữ thiên nhiên Kim Hỷ sau sáp nhập), tại xã Thượng Ân (xã Bằng Vân sau sáp nhập), xã Thượng Quan gắn với Du lịch sinh thái, trải nghiệm khu vực trồng lúa nếp Khẩu nua lếch...

- Vùng chăn nuôi tập trung: xã Dương Sơn (xã Côn Minh sau sáp nhập), xã Thuần Mang (xã Hiệp Lực sau sáp nhập), xã Nà Phặc...

- Vùng phát triển thủy sản: tập trung tại các xã có diện tích mặt nước lớn.

- Vùng lâm nghiệp: đến năm 2030, tỷ lệ che phủ rừng ở vùng huyện (liên xã) Ngân Sơn đạt 67%, ở vùng huyện (liên xã) Na Rì đạt 75%, phân bố rải rác ở hầu hết các xã trên địa bàn. Tập trung trồng các cây Bạch Đàn, Keo, Mỡ, Quế... và cây dược liệu dưới tán rừng: Hà Thủ Ô, Cà Gai Leo...

9.6. Phân bố vùng phát triển du lịch.

a) Phân bố không gian phát triển bảo tồn cảnh quan, bảo tồn văn hoá gắn với phát triển du lịch:

- Các di tích: Khu di tích Nà Đăng, khu di tích lịch sử Bãi Cốc Phát...Tu bổ, tôn tạo các di tích, phát huy giá trị lịch sử.

- Khu lưu niệm và nhà truyền thống của nguyên Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Các làng bản, nhà sàn truyền thống: Dân tộc Nùng - Thôn Nà Tường, Làng bản Cào – Côn Minh, Thôn Bản Vèn – Kim Hỷ (xã Văn Lang sau sáp nhập)...Quy hoạch các điểm lưu trú Homestay, phát triển du lịch cộng đồng.

- Gìn giữ các di sản văn hóa phi vật thể, các lễ hội truyền thống (Lồng Tồng, Cốm, Cầu Mùa, Chợ tình Xuân Dương...) có giá trị gắn với phát triển du lịch và bảo vệ cảnh quan thiên nhiên.

- Khu DTTN Kim Hỷ: du lịch sinh thái; du lịch khám phá, tham quan các cảnh quan thiên nhiên; du lịch bảo tồn, diễn giải môi trường; du lịch văn hóa.

- Quy hoạch địa điểm tổ chức lễ hội tập trung ở khu vực phát triển dân cư tập trung thị trấn Vân Tùng (trung tâm xã Ngân Sơn sau sáp nhập) và thị trấn Yên Lạc (trung tâm xã Na Rì sau sáp nhập) gắn với xây dựng, phát huy các sản phẩm văn hoá, du lịch.

b) Phân bố không gian phát triển du lịch thắng cảnh

- Quy hoạch, đầu tư xây dựng tại các điểm danh lam thắng cảnh:

+ Hang động, thác nước: Động Nàng Tiên, hang Minh Tinh, thác Nà Đăng, Thác Nà Khoang...

+ Khu vực thảo nguyên có tiềm năng du lịch sinh thái, trải nghiệm: Thảo nguyên Slam Chiêm, Khu du lịch sinh thái kết hợp Phja Giàng...

+ Tổ hợp Văn Hóa – Thể thao – Nghỉ dưỡng – Sân golf – Du lịch: Hồ Bản Chang; Điểm du lịch sinh thái Khuổi Khe.

+ Khu vực tiềm năng du lịch thung lũng: Thông Phiêng Đốc, Thác Nà Đăng, Thôn Khâu An...

c) Quy hoạch 2 điểm lưu trú chính:

- Tổ hợp sinh thái nghỉ dưỡng, TDTT và sân golf Bản Chang

- Homestay nhà sàn truyền thống Bản Vèn- Kim Hỷ (xã Văn Lang sau sáp nhập).

9.7. Phân bố hệ thống dịch vụ hạ tầng xã hội.

- Trung tâm hành chính, chính trị: Xây dựng các khu trung tâm hành chính xã mới trên cơ sở sắp xếp đơn vị hành chính cấp cấp xã theo chủ trương.

- Trung tâm văn hóa, thể dục thể thao: Hoàn chỉnh hệ thống thiết chế văn hoá cấp xã theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành. Thu hút đầu tư xây dựng Tổ hợp sinh thái nghỉ dưỡng, văn hoá thể thao và sân Golf Bản Chang; các khu bảo tồn văn hóa, khu du lịch sinh thái, tổ hợp dịch vụ du lịch, nghỉ dưỡng và nhà ở gắn với các

khu vực phát triển dân cư tập trung. Nâng cấp và duy trì cơ sở vật chất, trang thiết bị cho thiết chế văn hóa, thể thao hiện có; đảm bảo đạt chuẩn về quy mô, số lượng theo quy định. Tu bổ các công trình di tích, phát huy giá trị văn hóa, và dịch vụ du lịch.

- Đề xuất các khu vực tổ chức Lễ hội – Sự kiện: (1) Quảng trường lễ hội Lồng Tổng kết hợp Lễ hội bên Sắc hoa Đào – Bằng Vân; (2) Quảng trường hội Cốm Khẩu Nua Léch; (3) Quảng trường lễ hội Cầu mưa – DT Dao Nà Thác – Đồng Xá (xã Xuân Dương sau sáp nhập); (4) Quảng trường hội xuân Khuổi Nộc, Lương Thượng (xã Văn Lang sau sáp nhập); (5) Quảng trường lễ hội Lồng Tổng bản Peo, Sơn Thành (xã Yên Lạc sau sáp nhập); (6) Quảng trường lễ hội Văn hoá Chợ tình Xuân Dương (xã Xuân Dương sau sáp nhập).

- Trung tâm giáo dục, đào tạo: Tiếp tục đầu tư, cải tạo mở rộng các trường học: Trường PTDT nội trú Ngân Sơn, Na Rì; Trường THCS và THPT Nà Phặc, trường THPT Ngân Sơn, Na Rì; trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên đảm bảo đạt chuẩn quốc gia, đảm bảo phù hợp với quy hoạch cấp trên. Các công trình giáo dục khi chia tách, sáp nhập, dồn dịch điểm trường sẽ được bố trí đảm bảo về diện tích, quy mô, số lượng, bán kính phục vụ và sẽ được cụ thể tại quy hoạch cấp dưới.

- Trung tâm y tế: Mở rộng quy mô giường bệnh đối với Trung tâm y tế Na Rì lên ≥ 120 giường và đối với Trung tâm y tế Ngân Sơn lên ≥ 100 giường. Xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo các trạm y tế xã mới đáp ứng tiêu chuẩn ngành, đảm bảo nhu cầu khám chữa bệnh cho người dân. Phát triển hình thức du lịch chữa bệnh trên cơ sở y học bản địa: Nghỉ dưỡng sinh thái và Chăm sóc sức khoẻ.

9.8. Phân bố định hướng phát triển an ninh, quốc phòng.

Quy hoạch và xây dựng các dự án phát triển kinh tế - xã hội, phát triển du lịch gắn kết chặt chẽ giữa hai nhiệm vụ chiến lược phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng an ninh, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với xây dựng nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân vững chắc, đảm bảo quốc phòng - an ninh của vùng và quốc gia.

10. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật

10.1. Chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng.

a) Cao độ nền xây dựng:

- Khu dân cư tập trung: tại thị trấn Nà Phặc (trung tâm xã Nà Phặc sau sáp nhập), cốt nền $\geq 230\text{m}$; thị trấn Vân Tùng (trung tâm xã Ngân Sơn sau sáp nhập), cốt nền $\geq 566\text{m}$; thị trấn Yên Lạc (trung tâm xã Na Rì sau sáp nhập), cốt nền $\geq 232\text{m}$; trung tâm xã Bằng Vân (trung tâm xã Bằng Vân sau sáp nhập) cốt nền $\geq 570\text{m}$ và trung tâm xã Trần Phú (trung tâm xã Trần Phú sau sáp nhập) cốt nền $\geq 450\text{m}$.

- Trung tâm các xã, khu vực nông thôn: Chọn giải pháp san lấp cục bộ cân bằng đào đắp tại chỗ, đối với khu vực có độ dốc $i < 10\%$. Đối với các khu vực có độ dốc $i > 10-30\%$ thì nên san nền giạt cấp trừ các công trình đặc thù cần mặt bằng lớn. Hạn chế tới mức tối đa việc đào đắp các sườn núi, sườn đồi và san lấp khu vực ven các trục tiêu thoát nước chính.

b) Thoát nước mặt:

- Định hướng thoát nước mưa của vùng là các lưu vực sông hiện có, gồm: sông Bằng Giang, sông Ngân Sơn, sông Lương Thượng, Sông Xuân Dương..., các suối hiện trạng và hồ đập hiện có hoặc dự kiến xây dựng.

- Khu dân cư tập trung, trung tâm xã: Xây dựng hệ thống thoát nước riêng và nửa riêng.

- Khu vực nông thôn: Áp dụng hệ thống thoát nước hoạt động theo chế độ tự chảy trên cơ sở của độ dốc nền tự nhiên, giai đoạn đầu sử dụng hệ thống cống chung cho nước thải sinh hoạt, giai đoạn sau tùy theo tính chất và sự phát triển có thể tách riêng hoặc vẫn sử dụng chung.

10.2. Giao thông.

a) Đường bộ: Tuân thủ theo Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ v/v phê duyệt Quy hoạch phát triển mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Cao tốc: Cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên – Bắc Kạn – Cao Bằng (Cao tốc CT-07) quy mô 4-6 làn xe. Chiều dài tuyến 34,5km.

- Quốc lộ:

+ Quốc lộ QL.3: mở rộng quy mô, nâng cấp tối thiểu đường cấp III, cấp IV miền núi, 2÷4 làn xe. Chiều dài tuyến 51,5km.

+ Quốc lộ QL.3B: mở rộng quy mô, nâng cấp tối thiểu đường cấp III, Cấp IV miền núi, 2÷4 làn xe. Chiều dài tuyến 45,5km.

+ Quốc lộ QL.34B (nâng cấp từ ĐT 252): quy mô tối thiểu đường cấp IV miền núi, 2 làn xe. Chiều dài tuyến 12km.

+ Quốc lộ QL.279: quy mô tối thiểu đường cấp III, IV miền núi, 2÷4 làn xe. Chiều dài tuyến 49,6km.

- Đường tỉnh: Nâng cấp, cải tạo các tuyến đường trên địa bàn.

+ Đường tỉnh ĐT.251 (bao gồm cả Tuyến Bằng Vân - Cốc Đán - Trung Hòa): đường cấp VI miền núi; Chiều dài tuyến 30,3km.

+ Đường tỉnh ĐT.252B (Tuyến Thuần Mang - Vân Tùng - Cốc Đán – Nguyên Bình (Cao Bằng): Đường GTNT A; Chiều dài tuyến 16km.

+ Đường tỉnh ĐT.256: Đường GTNT A; Chiều dài tuyến 31,3km.

+ Đường tỉnh ĐT.253B: đường cấp IV miền núi; Chiều dài tuyến 5km.

+ Đường tỉnh ĐT.256B (Quang Phong - Đồng Xá - Xuân Dương - Thiện Long): đường cấp IV miền núi; Chiều dài tuyến 4,2km.

- *Đường huyện (đường liên xã):*

Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường hiện hữu và quy hoạch mới các tuyến đường kết nối các xã, khu dân cư, khu chức năng trong vùng đạt tối thiểu GTNT loại B. Các tuyến thực hiện cụ thể theo quy hoạch nông thôn.

b) Bến xe: Hoàn thiện đầu tư xây dựng và nâng cấp 02 bến xe trong vùng đạt tiêu chuẩn bến xe loại IV và III, cụ thể: bến xe Vân Tùng và bến xe Yên Lạc đạt tiêu chuẩn loại IV, III. Diện tích lấy theo Quy hoạch xây dựng đô thị được phê duyệt. Triển khai các tuyến xe khách từ trung tâm các xã đi các vùng xung quanh đảm bảo vận chuyển hàng hóa và hành khách.

c) Trung tâm Logistics: Xây dựng 02 cảng cạn Logistics cấp tỉnh ở giáp QL.3B, thuộc xã Cường Lợi và giáp QL.3 thuộc xã Bằng Vân.

10.3. Cấp nước

- Nguồn nước: Lấy từ các nhà máy, trạm cấp nước hiện có và sử dụng nguồn hỗn hợp, gồm: nước mặt, nước mó, nước ngầm

- Tổng nhu cầu sử dụng nước đến năm 2030: khoảng 10.554,47m³/ngđ, trong đó: cấp nước sinh hoạt 9.054,47m³/ngđ; cấp nước công nghiệp khoảng 1.500m³/ngđ. Đến năm 2050: khoảng 13.249,06m³/ngđ, trong đó: cấp nước sinh hoạt 11.374,06 m³/ngđ; cấp nước công nghiệp khoảng 1.875m³/ngđ.

- Khu dân cư tập trung: Quy hoạch mới và cải tạo, nâng cấp công suất các trạm cấp nước đáp ứng nhu cầu. Xây dựng mới các tuyến ống để mở rộng phạm vi cấp nước phục vụ nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt; nâng cấp cải tạo, thay thế những đoạn ống nước không đảm bảo lưu lượng cấp nước.

- Khu vực nông thôn: Xây dựng mới, cải tạo nâng cấp hệ thống các công trình cấp nước cục bộ, mạng lưới đường ống cấp nước đảm bảo phục vụ nhân dân trong vùng đáp ứng 100% nhu cầu sử dụng nước cho nông thôn. Các hộ dân nằm rải rác sử dụng nước giếng, nước suối. ...

- Cụm công nghiệp: Xây dựng hệ thống cấp nước cục bộ (*nguồn nước mặt, nước ngầm*) và bơm tăng áp, bể chứa nước đảm bảo khả năng cung cấp nước cho cụm công nghiệp.

- Định hướng xây mới nhà máy nước Yên Lạc 2 công suất khoảng 1.800m³/ngđ. Nâng cấp, cải tạo Nhà máy cấp nước Nà Phặc công suất 2.700m³/ngđ; Nhà máy cấp nước Bộc Bó công suất 1.900m³/ngđ; Nhà máy cấp nước Vân Tùng công suất 2.100m³/ngđ. Cải tạo, nâng cấp công suất các nhà máy, trạm cấp nước hiện có để đáp ứng nhu cầu cấp nước.

10.4. Cấp điện

- Nhu cầu cấp điện vùng liên huyện: Đến năm 2030 cấp điện sinh hoạt khoảng 10,83MW; Cấp điện công cộng, dịch vụ khoảng 3,03MW; cấp điện công nghiệp 15,94MW. Dự báo đến năm 2050 cấp điện sinh hoạt khoảng 14,55MW; Cấp điện công cộng, dịch vụ khoảng 4,07MW; cấp điện công nghiệp 15,94MW.

- Nguồn điện:

+ Lấy từ lưới điện quốc gia thông qua hệ thống lưới truyền tải 110kV về các trạm 110kV/35/22kV.

+ Thực hiện các dự án phát triển điện lực tuân thủ theo Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025 và Quy hoạch tỉnh Bắc Kạn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 03/11/2023.

+ Khuyến khích khai thác điện mặt trời phục vụ nhu cầu ở mọi cấp độ trên cơ sở khai thác mọi nguồn vốn.

+ Dự kiến xây dựng và khai thác điện gió ở các khu vực có tiềm năng: Đèo Gió, Thượng Quan, Thiên Long...

+ Phát triển thủy điện: Quy hoạch, cải tạo, nâng cấp Thủy điện Khuổi Nộc 2, thủy điện Văn Vũ, thủy điện Thượng Quan, Lãng Ngâm...

+ Nâng cấp và xây dựng mới các trạm 110kV;

- Cải tạo và xây mới hệ thống đường dây 220kV, 110kV, 35kV, 22kV đảm bảo truyền tải điện năng, kết nối với các nhà máy thủy điện, điện gió, điện mặt trời và hệ thống trạm biến áp nâng cấp, xây mới.

10.5. Thông tin liên lạc.

a) Bưu chính: Mục tiêu chuyển dịch từ dịch vụ bưu chính truyền thống sang dịch vụ bưu chính số, đảm bảo dòng chảy vật chất bên cạnh dòng chảy dữ liệu. Khai thác và ứng dụng hiệu quả nền tảng Mã địa chỉ gắn với Bản đồ số (*Vpostcode*). Chú trọng việc thúc đẩy cung ứng dịch vụ công qua mạng bưu chính công cộng, dịch vụ bưu chính công ích.

b) Viễn thông: Mục tiêu chuyển dịch hạ tầng viễn thông thành hạ tầng số. Phổ cập Internet băng rộng như một tiện ích thiết yếu. Phổ cập điện thoại thông minh đặc biệt tới các vùng công ích. Thúc đẩy triển khai mạng thông tin di động 5G. Xử lý triệt để rác viễn thông. Ngầm hóa mạng ngoại vi, hệ thống cáp viễn thông khu vực dân cư tập trung, các CCN. Quy hoạch các điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng có người phục vụ. Quy hoạch xây dựng, lắp đặt các điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng không có người phục vụ tại các khu vực công cộng (*khu vui chơi giải trí, bệnh viện, bến xe...*), khu vực du lịch, khu tập trung đông dân cư. Xây dựng cột ăng ten trạm thu, phát sóng thông tin di động.

c) Công nghệ thông tin: Phát triển chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động. Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số.

10.6. Thoát nước thải, quản lý chất thải rắn, nghĩa trang.

a) Thoát nước thải

- Tổng nhu cầu xử lý nước thải sinh hoạt đến năm 2030 khoảng 7.573,89m³/ngày đêm; trong đó: Xử lý nước thải khu dân cư tập trung khoảng 1.773,40m³/ngày đêm; xử lý nước thải nông thôn khoảng 3.665,02m³/ngày đêm; xử lý nước thải công cộng khoảng 635,47m³/ngày đêm; xử lý nước thải công nghiệp khoảng 1.500m³/ngày đêm. Định hướng đến năm 2050 tổng nhu cầu xử lý nước thải khoảng 9.682,01m³/ngày đêm; trong đó: Xử lý nước thải khu dân cư tập trung khoảng 3.113,20m³/ngày đêm; xử lý nước thải nông thôn khoảng 3.895,55m³/ngày đêm; xử lý nước thải công cộng khoảng 798,26m³/ngày đêm; xử lý nước thải công nghiệp khoảng 1.875m³/ngày đêm.

- Khu vực dân cư tập trung: Xây dựng hệ thống nước thải hỗn hợp bao gồm mạng cống thoát nước nửa riêng và riêng.

- Các cụm công nghiệp tập trung có xây dựng hệ thống thoát nước thải và trạm làm sạch riêng.

- Các trung tâm xã xây dựng hệ thống thoát nước chung. Nước thải xử lý qua bể tự hoại thoát ra hệ thống cống chung xả ra các sông, hồ và tiếp tục làm sạch tự nhiên.

- Các khu dân cư sống phân tán, rải rác, vận động nhân dân xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh hình thức tự thấm, dội nước, 2 ngăn hợp vệ sinh, xây bể tự hoại.

b) Quản lý chất thải rắn

- Tổng nhu cầu xử lý CTR đến năm 2030 khoảng 37,72 tấn/ngày đêm, trong đó: Xử lý CTR khu dân cư tập trung khoảng 15,96 tấn/ngày đêm, xử lý CTR nông thôn: 18,33 tấn/ngày đêm; xử lý CTR công cộng 3,43 tấn/ngày đêm. xử lý CTR công nghiệp: 22,5tấn/ngày đêm. Dự báo đến năm 2050 khoảng 54,92 tấn/ngày đêm, trong đó: Xử lý CTR khu dân cư tập trung khoảng 28,02 tấn/ngày đêm, xử lý CTR nông thôn: 21,91 tấn/ngày đêm; xử lý CTR công cộng 4,99 tấn/ngày đêm. xử lý CTR công nghiệp: 30tấn/ngày đêm.

- Tại khu vực dân cư tập trung, CTR được thu gom tập trung và vận chuyển tới khu xử lý CTR để xử lý.

- Những vùng nông thôn dân cư phân tán nhỏ lẻ mà hệ thống thu gom chung khó có điều kiện tiếp cận sử dụng mô hình chôn lấp tại chỗ kết hợp ủ phân.

- CTR tại các cụm công nghiệp tập trung thực hiện quy chế kiểm toán chất thải rắn và tự thu gom trong khuôn viên nhà máy. Lượng CTR sau tái chế và tái sử dụng thu gom và vận chuyển tới bãi xử lý chất thải tập trung theo địa bàn.

- Cải tạo, nâng cấp, xây mới các khu xử lý CTR: Khu xử lý Trần Phú xã Trần Phú quy mô dự kiến 10-15ha; khu xử lý Vân Tùng xã Vân Tùng quy mô 10ha. Quy hoạch mới khu xử lý liên vùng huyện Ngân Sơn quy mô dự kiến 40ha.

c) Nghĩa trang

- Nghĩa trang khu vực dân cư tập trung: Quy hoạch các nghĩa trang tập trung tại trung tâm các xã, gồm: Nà Phặc (từ 5-10ha); Vân Tùng (xã Ngân Sơn sau sáp nhập) (từ 5-10ha); Yên Lạc (xã Na Rì sau sáp nhập) (10-15ha).

- Nghĩa trang nông thôn: Mỗi xã xây dựng 01 nghĩa trang tập trung với quy mô dự kiến 5-10 ha, vị trí theo quy hoạch các xã được phê duyệt.

11. Đánh giá môi trường chiến lược

- Xây dựng các điểm quan trắc tiếng ồn, không khí, nước mặt, nước ngầm, môi trường đất tại các cụm công nghiệp, khu đô thị theo đồ án.

- Tất cả các nhà máy, cụm công nghiệp, điểm công nghiệp đều phải có vành đai cây xanh; đồng thời phải tiến hành lập báo cáo Đánh giá tác động môi trường hoặc Kế hoạch bảo vệ môi trường theo đúng quy định của pháp luật.

- Ưu tiên các nhà đầu tư sử dụng lao động địa phương, hạn chế các tác động tới môi trường xã hội. Chú trọng công tác quản lý, kiểm tra bảo vệ môi trường.

12. Chương trình đầu tư

- Khái toán vốn đầu tư xây dựng phát triển vùng đến năm 2050 khoảng 9.871,25 tỷ đồng, trong đó:

- + Giai đoạn 1 (đến năm 2030): Tổng kinh phí khái toán vốn đầu tư xây dựng phát triển vùng dự kiến khoảng 2.961,37 tỷ đồng.

- + Giai đoạn 2 (từ năm 2031-2050): Tổng kinh phí khái toán vốn đầu tư xây dựng phát triển vùng dự kiến khoảng 6.909,87 tỷ đồng.

- Nguồn vốn đầu tư: vốn ngân sách nhà nước (chủ yếu đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật hỗ trợ các vùng sản xuất, dân cư nông thôn, đô thị, an ninh quốc phòng...) và nguồn vốn xã hội hóa và các nguồn vốn hợp pháp khác.

13. Giải pháp thực hiện quy hoạch

- Huy động các nguồn lực để lập quy hoạch, tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội, xây dựng hạ tầng các dân cư tập trung, tạo mặt bằng sạch để thu hút các dự án đầu tư,...

- Khai thác có hiệu quả các nguồn tài nguyên, đất đai, cụ thể hóa cơ chế, chính sách cho phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương nhằm tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho doanh nghiệp đầu tư, khai thác sử dụng đất. Kiểm soát chặt chẽ các hoạt động phát triển xây dựng. Đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư phát triển các lĩnh vực y tế, giáo dục - đào tạo, văn hóa, thể thao, khoa học công nghệ, môi trường,... theo quy định.

- Huy động vốn từ nhiều nguồn khác nhau để thực hiện: Vốn ngân sách nhà

nước; nguồn viện trợ và đầu tư từ chính phủ nước ngoài (ODA); vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI); vốn đầu tư trực tiếp từ nhà đầu tư tư nhân, doanh nghiệp; vốn xã hội hóa và các nguồn vốn hợp pháp khác.

14. Tổ chức thực hiện

a) Sở Xây dựng

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và UBND tỉnh về tính chính xác của các nội dung, thông tin, số liệu, tài liệu, hệ thống sơ đồ, dữ liệu, chỉ tiêu kỹ thuật của đồ án đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định của pháp luật.

- Chủ trì, phối hợp với UBND các huyện Na Rì, Ngân Sơn (sau sáp nhập gồm các xã: Bằng Vân, Ngân Sơn, Nà Phặc, Hiệp Lực, Văn Lang, Cường Lợi, Na Rì, Trần Phú, Côn Minh, Xuân Dương) và các đơn vị liên quan tổ chức công bố công khai đồ án Quy hoạch được duyệt theo quy định.

- Theo chức năng nhiệm vụ thực hiện việc kiểm tra, giám sát, quản lý công tác xây dựng theo quy hoạch được duyệt và các quy định của pháp luật có liên quan.

b) UBND các huyện Na Rì, Ngân Sơn (sau sáp nhập gồm các xã: Bằng Vân, Ngân Sơn, Nà Phặc, Hiệp Lực, Văn Lang, Cường Lợi, Na Rì, Trần Phú, Côn Minh, Xuân Dương)

- Phối hợp với Sở Xây dựng tổ chức công bố công khai đồ án Quy hoạch được duyệt theo quy định.

- Quản lý chặt chẽ quỹ đất và trật tự xây dựng theo quy hoạch được duyệt và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Căn cứ Đồ án quy hoạch được duyệt triển khai việc lập các quy hoạch xây dựng có liên quan tại các khu vực theo yêu cầu phát triển hoặc nhu cầu đầu tư xây dựng.

c) Các Sở: Tài chính; Nông nghiệp và Môi trường; Công Thương; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Khoa học và công nghệ và các cơ quan, đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm cập nhật quy hoạch theo ngành để quản lý, tổ chức thực hiện quy hoạch theo quy định.

DANH MỤC HỒ SƠ

**Kèm theo Tờ trình Dự thảo Nghị quyết thông qua các đồ án
Quy hoạch xây dựng vùng liên huyện (liên xã), tỉnh Bắc Kạn**
(Kèm theo Tờ trình số **146** /TTr-UBND ngày 15/6/2024 của UBND tỉnh)

1. Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.
2. Văn bản đề nghị của Sở Xây dựng trình UBND tỉnh ban hành Tờ trình về dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh.
3. Hồ sơ trình của Sở Xây dựng bao gồm:
 - 3.1. Dự thảo Quyết định của UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch.
 - 3.2. Báo cáo thẩm định quy hoạch của Sở Xây dựng.
 - 3.3. Báo cáo tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến đóng góp của các tổ chức, cá nhân có liên quan.
 - 3.4. Bản điện tử: Các bản vẽ chính quy hoạch.
 - 3.5. Bản điện tử: Báo cáo thuyết minh Quy hoạch.